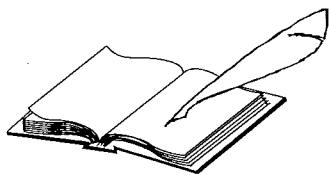


THÔNG LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 - Số 205 - Năm thứ 19, tháng 07 & 08.2006

Đừng quên điều cốt lõi

Thời gian gần đây đã có một số sáng kiến gây chú ý trong cuộc vận động dân chủ : những tuyên ngôn và thỉnh nguyện thư tiếp nối bởi những cố gắng vận động người ký tên hưởng ứng, những cuộc hội thảo, những bài đóng góp, v.v. Không khí căng thẳng trước đại hội 10, những thay đổi nhân sự trong ban lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam, những bối rối của chính quyền sau những vụ tai tiếng lớn, việc chuẩn bị hội nghị APEC và cuộc thăm viếng của tổng thống Mỹ George W. Bush đều thuận lợi cho các vận động dân chủ và đã đóng góp làm nảy sinh ra những sáng kiến này.

Nói chung, đó là những sáng kiến tốt góp phần động viên dư luận quần chúng và sự chú ý của thế giới về nhu cầu dân chủ hóa Việt Nam, với điều kiện là chúng ta đừng để cho cây che khuất rừng, đừng quên điều cốt lõi.

Những bản tuyên ngôn dù được soạn thảo một cách xuất sắc và được hưởng ứng mạnh, những cuộc hội thảo dù rất đặc sắc cũng chỉ có tác dụng giới hạn và nhất thời. Chúng ta cần tự hỏi chính mình có thực sự muốn thay thế chế độ độc tài toàn trị tại Việt Nam bằng một chế độ dân chủ không ? Nếu trả lời là có thì chúng ta phải ý thức rằng không thể giành

thắng lợi cho dân chủ nếu thiếu một tổ chức dân chủ mạnh. Những tiếng vang rồi cũng sẽ qua đi. Những cố gắng động viên chỉ có tác dụng thực sự nếu chúng đóng góp cho một cố gắng bền bỉ và có kế hoạch.

Trước đây chúng ta thường than phiền là có quá nhiều tổ chức chính trị làm phân tán lực lượng đối lập. Điều ngược lại đang xảy ra : có quá ít các tổ chức dân chủ và càng ít những tổ chức có thực lực. Đó là vì thời gian và kinh nghiệm đã chứng tỏ rằng xây dựng một tổ chức chính trị, hay ngay cả vài tháng, vài năm mà có thể có được một dự án chính trị nghiêm túc và một đội ngũ cán bộ nòng cốt. Sinh hoạt tổ chức cũng đòi hỏi kiên trì, quyết tâm và kỷ luật, những điều mà chỉ có những người vừa có lý tưởng vừa có bản lãnh có được. Nhưng đó là điều bắt buộc nếu chúng ta muốn thắng lợi. Tránh khó khăn xây dựng tổ chức tương đương với chấp nhận thất bại và những hoạt động sôi nổi chỉ có tác dụng chính là tự trấn an mình trong sự tuyệt vọng.

Những cố gắng động viên dư luận sẽ chỉ có ích nếu chúng đóng góp tăng cường các tổ chức dân chủ đứng đắn. Ngược lại, nếu chúng gây ảo tưởng rằng chỉ cần làm như thế là đủ thì chúng còn có tác dụng tai hại là đánh lạc sự chú ý và làm uống phí những cơ hội tốt.

Thông Luận

Ấn Độ đang trở thành một cường quốc quân sự khu vực

Nguyễn Minh

Một cách âm thầm nhưng chắc chắn Ấn Độ đang trở thành một cường quốc khu vực, đủ khả năng cạnh tranh với bất cứ thế lực nào trong vùng Nam Á trong thế kỷ 21 này.

Một vài phác họa về Ấn Độ

Ấn Độ là một quốc gia khổng lồ với 3,287 triệu km² diện tích và một dân số 1,1 tỷ người, sau Trung Quốc (hơn 1,3 tỷ người). Tỷ lệ phát triển kinh tế trung bình tăng đều từ 4 đến 7% cho đến 1999, nhưng từ năm 2000 bị khựng lại ở mức 3,9% rồi tăng đều trở lại cho đến nay : năm 2004 là 6,6%, niên khóa 2005-2006 khoảng 8,1%. Tuy có một tỷ lệ phát triển kinh tế tương đối cao nhưng tổng sản lượng quốc gia của Ấn Độ còn khá thấp so với trọng lượng dân số của mình, gần 700 tỷ USD năm 2004, lợi tức đầu người khoảng 600 USD/năm. Hơn 1/3 dân số Ấn Độ sống dưới mức nghèo khổ, nhưng tỷ lệ này không đúng với sức mạnh thực sự của Ấn Độ trên chính trường quốc tế.

Phải nhìn lại Ấn Độ từ sau khi Anh trao trả độc lập năm 1947 (15-8), đó là một quốc gia khổng lồ bị phân hóa và chậm tiến, hơn 70% dân số sống dưới mức nghèo khổ, đó là chưa kể thiên tai, dịch bệnh và đói kém đã làm hao hụt thành phần dân số bản cùng rất nhiều. Nhưng từ sau ngày 26-1-1950, Ấn Độ trở thành một nước cộng hòa liên bang và tổ chức chính trị theo thể chế đại nghị, nền kinh tế của Ấn Độ đã cất cánh một cách ngoạn mục qua các kế hoạch ngũ niên do thủ tướng Nehru phát động. Nhưng tất cả những thành tựu về kinh tế trong giai đoạn này đều dồn hết vào chiến tranh chống Pakistan, một nước láng giềng đang tranh giành ảnh hưởng với Ấn Độ trong vùng Nam Á. Sau bốn cuộc xung đột lớn trên vùng Kashmir làm hàng triệu người thiệt mạng, cuộc chiến vẫn chưa ngã ngũ, đến nay hai nước luôn ở trong tư thế thù địch. Từ 1975 đến 1977, chính sách cai trị hà khắc của bà thủ tướng Indira Gandhi (bị ám sát năm 1984) gây nhiều bất mãn trong dân chúng và sinh hoạt kinh tế Ấn Độ lâm vào trì trệ, tình trạng này kéo dài cho tới năm 1991 sau khi con trai bà là thủ tướng Rajiv Gandhi bị hai cận vệ gốc Sikh ám sát.

Từ 1991 đến 2004, quyền lãnh đạo quốc gia thuộc về tay đảng quốc gia Janata Dal. Dưới quyền lãnh đạo của đảng này, Ấn Độ đã làm nhiều cải tổ quan trọng để phát triển kinh tế và phát triển con người, nhờ đó Ấn Độ đã bắt kịp sự chậm trễ của mình đối với thế giới tiến bộ. Hiện nay thủ tướng Manmohan Singh, thuộc đảng Quốc Đại, tiếp tục các chính sách phát triển của đảng Janata Dal để lại và quyết tâm biến Ấn Độ thành một cường quốc khu vực.

Tiềm năng nhân lực hiện nay của Ấn Độ rất là khủng khiếp : 9.000 bác sĩ, 200.000 kỹ sư và 300.000 người tốt nghiệp đại học mỗi năm, trong đó 250.000 tìm được việc làm trong nước, số còn lại được tuyển dụng làm việc trong những công ty tin học hay văn phòng kỹ sư nổi tiếng nhất

của Anh và Mỹ, vì tất cả đều nói thành thạo tiếng Anh.

Nét độc đáo của giới lãnh đạo Ấn Độ là biết quốc gia mình nghèo nên thay vì phát triển nông, lâm, công nghiệp như tất cả các lãnh tụ quốc gia nghèo khó khác thường làm, họ đã tập trung phát triển con người trong những kỹ thuật đi trước thời đại là tin học, từ đó làm đầu tàu lôi kéo các ngành nghề khác. Và họ đã thành công !

Ngày nay Ấn Độ đã tự túc được đủ mọi mặt và còn dư khả năng xuất khẩu hàng hóa và kỹ thuật sang các quốc gia khác. Trong vụ sóng thần cuối năm 2004, Ấn Độ đã từ chối sự giúp đỡ của thế giới vì đủ sức tự lo liệu lấy. Nhưng trước những đe dọa thường xuyên của hai nước láng giềng là Pakistan và Trung Quốc, các giới lãnh đạo Ấn Độ bất kể thuộc khuynh hướng nào cũng đều chung một ước muốn là tăng cường lực lượng quốc phòng để tự phòng vệ.

Lực lượng quốc phòng của Ấn Độ

Theo Cục điều tra của quốc hội liên bang Mỹ (CRS) công bố hồi tháng 8-2005, Ấn Độ là quốc gia nhập khẩu vũ khí nhiều nhất thế giới trong năm 2004. Năm 2005, Ấn đã nhập 5,7 tỷ USD vũ khí mới của Nga, Mỹ, Pháp và Anh. Ngân sách quốc phòng của Ấn trong năm 2004 là 19, 1 tỷ USD (3,1% GDP), năm 2005 là 22 tỷ USD (2,5% GDP).

Ý thức được sự mong manh của một quốc gia rộng lớn, với một đường biên giới dài 8.000 km trên bộ và 7.000 km bờ biển, Ấn Độ phải liên tục tăng cường lực lượng quốc phòng trên cả ba lãnh vực : bộ binh, hải quân và không quân để đáp ứng đúng với những đòi hỏi mới của chiến trường. Quân số của Ấn Độ hiện nay 1,325 triệu người và 535.000 quân trừ bị, trong đó bộ binh có 1,1 triệu người, không quân 170.000 người và hải quân 55.000 người.

Theo Military Balance phát hành tại Anh tháng 4-2005, quân đội Ấn Độ có hơn 3.000 chiến xa, 1.900 thiết giáp đủ loại, 760 phần lực cơ chiến đấu (cho cả không quân và hải quân), 16 tàu ngầm, một hàng không mẫu hạm, 8 khu trục hạm và 150 chiến hạm đủ loại. Với những trang bị này Ấn Độ có đủ khả năng tự phòng vệ, nhưng trước sự bành trướng của Trung Quốc ra biển cả và sự đe dọa tấn công bằng vũ khí hạch nhân của Pakistan, giới lãnh đạo Ấn Độ dành cho ngân sách quốc phòng từ 2 đến 3% GDP mỗi năm để tân trang và trang bị thêm những kỹ thuật mới nhất cho quân đội Ấn Độ, bắt kịp đà tiến bộ của những lực lượng quân sự tiên tiến nhất trên thế giới.

Ưu tư chính của các cấp lãnh đạo Ấn hiện nay là lực lượng hải quân, còn quá yếu so với Mỹ và Anh trên Ấn Độ Dương và chưa đủ khả năng bảo vệ sự toàn vẹn lãnh hải ở cả hai mặt Đông và Tây cùng một lúc. Nhất là gần đây, lực lượng hải quân của Trung Quốc đang tìm cách vào Ấn Độ Dương để lập căn cứ bảo vệ các đoàn tàu chở dầu.

Khả năng phòng thủ trên Ấn Độ Dương

Với một bờ biển dài trên 7.000 km, công tác bảo vệ và phòng thủ vùng biển rất phức tạp và tốn kém, thêm vào đó hai mặt Đông và Tây của Ấn Độ nằm trên đường vận chuyển hàng hóa và dầu thô lớn nhất châu Á : 90% lượng dầu thô của Đông Á và Đông Nam Á, bằng 1/3 lượng dầu thô trên thế giới.

Trước thế chiến lược quan trọng này, Ấn Độ không thể để cho những thế lực khác làm chủ vùng này, trừ Hoa Kỳ là cường quốc hải quân có mặt từ 1966 tại căn cứ Diego Garcia (do Anh cho Mỹ thuê), thuộc quần đảo san hô Chagos trên Ấn Độ Dương, cách bờ biển Ấn Độ 2.000 km. Tháng 4-1986, Anh bán lại cho Ấn Độ hàng không mẫu hạm Viraat (tên cũ là Hermès, hạ thủy từ 1953), dự trù hoạt động đến năm 2010. Đây là hàng không mẫu hạm đầu tiên không phải chỉ riêng của Ấn Độ mà cả châu Á, có khả năng chứa từ 12 đến 18 chiến đấu cơ lên thẳng Sea Harrier (khi lâm trận có thể chứa 30 chiếc) và từ 7 đến 8 trực thăng Sea King. Với hàng không mẫu hạm này, hải quân Ấn Độ đã nhiều lần tập trận chung với Hoa Kỳ, Nga, Singapore và Pháp trên Ấn Độ Dương.

Ngày 20-1-2004, Nga chấp thuận nhượng lại cho Ấn Độ hàng không mẫu hạm Vikramaditya (tên cũ là Admiral Gorshkov), với giá 1,6 tỷ USD, có khả năng chứa từ 18 đến 20 chiến đấu cơ Mig-29K và 12 trực thăng săn tàu ngầm Ka 27 và Ka 29. Hải quân Nga sẽ giao mẫu hạm này cho Ấn Độ vào tháng 5-2008 sau khi đã huấn luyện xong thủy thủ đoàn.

Tháng 10-2005, Nga thuận nhượng cho Ấn Độ bằng sáng chế hàng không mẫu hạm cỡ trung 37.500 tấn, đặt tên là Vikrant, tương đương với hàng không mẫu hạm Charles de Gaulle của Pháp, có thể chứa 16 chiến đấu cơ Mig-29K và 20 trực thăng săn tàu ngầm và cấp cứu loại Ka 27 và 29. Công trình thiết kế đã bắt đầu từ tháng 4-2006, nhưng chỉ thực sự thi công năm 2009 và dự trù sẽ hoàn thành năm 2012. Sau đó Ấn Độ sẽ sản xuất chiếc hàng không mẫu hạm nội địa thứ hai và sẽ đi vào hoạt động năm 2018.

Theo dự trù, hai hàng không mẫu hạm mới này (Vikramaditya và Vikrant) sẽ do hai bộ tư lệnh hải quân phía Đông (căn cứ Vishaka Patnam, bang Andrapradesh trong vịnh Bengal) và phía Tây (căn cứ Mumbai, bang Maharashtra trong vịnh Ả Rập) chỉ huy. Còn hàng không mẫu hạm Viraat, trực thuộc bộ tư lệnh trung ương, được dùng làm tàu huấn luyện hay tàu cứu trợ như cứu trợ nạn nhân tsunami hồi cuối năm 2004.

Về chiến lược phòng thủ và bảo vệ hiện nay, vai trò của bộ tư lệnh phía Đông quan trọng hơn cả : bảo vệ sự qua lại an toàn của các tàu thuyền trong vịnh Bengal và eo biển Malacca, theo chính sách Look East của bộ ngoại giao và bộ quốc phòng Ấn Độ. Chính vì vai trò quan trọng này mà hải quân Ấn Độ rất được hải quân Mỹ, hạm đội 7, trọng dụng để bảo vệ sự qua lại của các tàu thuyền trong Ấn Độ Dương và biển Nam Hải.

Năm 2004, hải quân Ấn có 16 tàu ngầm đủ loại, năm 2006 thêm 8 chiếc mới được đưa vào hoạt động, như vậy đội tàu ngầm của Ấn có 24 chiếc. Tháng 10-2005 vừa qua,

chính phủ Ấn đã mua bằng sáng chế tàu ngầm của Pháp và Tây Ban Nha để sản xuất 6 tàu ngầm cỡ trung Scorpène vào năm 2015. Ngoài ra Ấn đã có kế hoạch tự đóng tàu ngầm nguyên tử dự trù hạ thủy năm 2009, nghĩa là đến 2010 tàu ngầm Ấn Độ có thể hoạt động ở khắp nơi, có thể sang Thái Bình Dương và biển Đông Trung Hoa mà không cần tiếp tế nhiên liệu. Những tàu của Ấn đều có hệ thống phóng hỏa tiễn liên lục địa nhưng chưa phóng thử lần nào.

Trong các cuộc tập trận với Mỹ, Anh và Pháp, Ấn Độ đã cho các tàu ngầm của mình tham gia tác chiến tàu ngầm chống tàu ngầm, các tàu chiến tham gia tác chiến đối không và tác chiến chống khủng bố, cách tiếp nhiên liệu, tìm vớt và cứu người trên biển.

Vai trò của Ấn Độ trên Ấn Độ Dương

Sự lớn mạnh của Ấn Độ không che giấu được ai, nhất là đối với Trung Quốc, một đối thủ ngang tầm vóc của Ấn Độ tại châu Á. Chính vì thế, để xoa dịu tình hình lãnh đạo hai nước đã thỏa thuận cùng tập trận với nhau trên biển, lần đầu trong vùng biển Vàng thuộc Trung Quốc và lần thứ hai trong vùng biển Cochín thuộc Ấn Độ. Thực ra đây là dịp để hải quân hai nước làm quen xã giao với nhau và để có thể liên lạc khi khẩn cấp, vì những thực tập trên biển chỉ giới hạn trong các lãnh vực huấn luyện, cấp cứu và tìm người trên biển.

Ngược lại Ấn Độ muốn tăng cường hợp tác với Hoa Kỳ như một đồng hành chiến lược trong việc hạn chế sự bành trướng ảnh hưởng của Trung Quốc trên Ấn Độ Dương. Cũng nên biết 90% lượng dầu thô của Trung Quốc phải đi qua vùng này, nhất là từ năm 2006 Trung Quốc bắt đầu nhập LNG (khí đốt dưới dạng thể lỏng). Con đường vận chuyển nhiên liệu qua Ấn Độ Dương chính vì thế ngày càng quan trọng đối với Trung Quốc, do đó hải quân Trung Quốc phải có mặt để bảo vệ con đường tiếp tế này.

Để thực hiện ước muốn đó, Trung Quốc đã tích cực hợp tác ngoại giao, kinh tế và quân sự với Miến Điện, Bangladesh và Pakistan để được xây dựng những căn cứ hải quân lâu dài trong Ấn Độ Dương. Ở phía Tây Ấn Độ, Trung Quốc tài trợ cho Pakistan xây dựng cảng Guwadal ở vùng ra vào vịnh Ba Tư. Mặt phía Đông, Trung Quốc tích cực xuất khẩu vũ khí và hợp tác xây dựng hải cảng cho Bangladesh để tìm đường gần nhất ra vịnh Bengal. Trung Quốc đang thương lượng với Miến Điện để thuê dài hạn đảo Coco, cạnh quần đảo Adaman của Ấn. Mục đích của Bắc Kinh là xây dựng một đường vận chuyển dầu thô và vật tư từ Trung Đông và châu Phi vào Trung Quốc qua ngả Vân Nam mà không phải đi ngang qua eo biển Malacca.

Để hạn chế sự bành trướng này, New Ddehli đang chứng tỏ cho các quốc gia Nam Á thấy Ấn Độ là cường quốc khu vực. Ở phía Đông, Ấn Độ tăng cường sự kiểm soát vùng biển Adaman để ngăn chặn sự hiện diện đầy đe dọa của hải quân Trung Quốc. Được sự hợp tác của Hạm đội 7 của Hoa Kỳ, Ấn đang làm áp lực trên Miến Điện và Bangladesh để hai nước này không rơi vào quỹ đạo chiêu dụ của Trung Quốc. Tại phía Tây, Ấn Độ đang thi hành chính sách hòa hoãn với Pakistan nhân vụ động đất trên

vùng Kashmir, đang làm áp lực dân chủ hóa trên vương quốc Nepal, trước đó đã sát nhập thành công tiểu vương quốc Sikkim vào Ấn Độ (1970).

Được tham dự vào việc thành lập cộng đồng Đông Á từ đầu, Ấn Độ đã giữ một vai trò quan trọng trong việc hòa giải những mâu thuẫn giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Trong những ngày sắp tới, New Dehli muốn Bắc Kinh phải thương lượng một cách tương kính với Ấn Độ trên các vấn đề liên quan tới châu Á, nhất ở Nam Á. Chẳng hạn như việc muốn lập căn cứ quân sự trên Ấn Độ Dương, biến Tây Tạng thành tiền đồn quân sự, bao vây Ấn Độ bằng cách viện trợ quân sự cho những quốc gia lân bang, v.v. Với sự tăng cường lực lượng hải quân trên Ấn Độ Dương, New Dehli bắt tiếng cho Bắc Kinh biết rằng Ấn Độ có thừa khả năng phong tỏa đường vận chuyển dầu vào Trung Quốc trên Ấn Độ Dương khi bị đe dọa.

Thêm vào đó, Ấn Độ là một trong bốn quốc gia châu Á nắm vững kỹ thuật sản xuất vũ khí hạch nhân với những hỏa tiễn tầm xa liên lục địa, do đó có đủ khả năng trả đũa bất cứ một cuộc tấn công nào bằng vũ khí hạch nhân. Mọi đe dọa tấn công lẫn nhau bằng vũ khí hạch nhân không đặt ra, kể cả đối với Pakistan.

Nguyên tắc điều hành quân đội Ấn Độ

Là một quốc gia dân chủ đông dân nhất thế giới và trung thành với chủ trương bất bạo động của người cha lập quốc Gandhi, quân đội Ấn Độ phải đặt dưới quyền kiểm soát của một bộ trưởng quốc phòng dân sự và phải là một dân biểu quốc hội. Quân đội Ấn cũng không được nhân danh an ninh và an toàn xã hội chà đạp nhân quyền, nghĩa là đàn áp những cuộc chống đối của xã hội dân sự trong nước. Lý do là gần đây, chính phủ Ấn có ban hành luật phòng chống khủng bố và nêu tên 23 tổ chức khủng bố, đa số là những tổ chức Hồi giáo quá khích, đã gặp sự phản đối của xã hội dân sự cho rằng đạo luật có khả năng phá hoại sinh hoạt dân chủ. Chính vì thế, ngày 21-2-2003 quốc hội Ấn đã ban hành một luật mới : không được lấy cơ chống khủng bố để vi phạm nhân quyền, cụ thể là không được bắt người mà không xét xử sau 80 ngày. Điều này cho thấy cho dù có tăng cường binh bị, quốc gia Ấn Độ luôn chú trọng tới việc bảo vệ những quyền cơ bản của quốc dân.

Cũng nên biết cách tổ chức quân đội Ấn Độ hiện nay thừa hưởng từ quân đội Anh, nghĩa là độc lập với chính trị. Nguyên tắc tổ chức ngoại giao và quốc phòng Ấn, do thủ tướng Nehru chủ trương, dựa trên 5 nguyên tắc của Phong trào phi liên kết do ông sáng lập : xây dựng quan hệ hữu nghị với tất cả các nước trên thế giới ; giải quyết các vấn đề quốc tế trong hòa bình ; đối xử bình đẳng và tôn trọng chủ quyền lẫn nhau ; tôn trọng quyền tự do trong tư tưởng và hành động trong từng quốc gia ; tôn trọng nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ giữa các nước.

Nhưng từ khi được trả độc lập năm 1947, quốc gia Ấn Độ còn non nớt đã phải đương đầu với nước láng giềng Pakistan về chủ quyền trên vùng Kashmir bằng vũ lực. Hai quốc gia đã ba lần gây chiến với nhau, làm hàng trăm ngàn người thiệt mạng, nhưng đến nay chủ quyền vẫn chưa giải

quyết. Lợi dụng sự non yếu của Ấn Độ, lúc đó đang tranh chấp với Pakistan tại Kashmir, năm 1962 Trung Quốc xua quân sang lãnh thổ Ấn Độ chiếm giữ một số cao điểm trên dãy Himalaya, dọc vùng biên giới với Tây Tạng.

Từ sau ngày đó Ấn Độ từ bỏ đường lối dĩ hòa vi quý và tập trung xây dựng lực lượng quân sự của mình. Trung thành với chủ trương phi liên kết, mà đối thủ là các quốc gia phương Tây, Ấn Độ xây dựng quan hệ mật thiết với Liên Xô để đối đầu với Pakistan lúc đó đang được Mỹ và Trung Quốc tích cực giúp đỡ. Từ thập niên 1970, Ấn đã sản xuất được vũ khí hạch nhân và thử nghiệm thành công một vụ nổ nguyên tử tại Pokran ngày 18-5-1974, từ đó Ấn Độ bắt đầu sản xuất các loại hỏa tiễn tầm gần và tầm xa Agni và Prithvi có gắn đầu đạn nguyên tử. Nắm vững kỹ thuật này, Ấn đã tự sản xuất các lò điện nguyên tử dựa theo các bằng sáng chế của Canada và Pháp.

Về ngoại giao, thành công đầu tiên của Ấn Độ là giúp miền Đông Pakistan tách khỏi miền Tây để thành lập quốc gia Bangladesh năm 1971, sát nhập vương quốc ở chân núi Himalaya là Sikkim vào liên bang Ấn Độ năm 1975, làm áp lực để dân chủ hóa Nepal năm 2006. Từ 1958 New Dehli đón nhận những người Tây Tạng chạy sang Ấn Độ tị nạn khiến Bắc Kinh nổi giận xua quân sang chiếm giữ một số cao điểm dọc vùng biên giới Ấn Độ-Tây Tạng năm 1962, nhưng từ sau ngày đó quân đội Trung Quốc bị mắc kẹt ở những vùng lạnh lẽo đó cho tới ngày nay.

Sự căng thẳng trong quan hệ ngoại giao với Trung Quốc được duy trì từ 1962 đến 1984. Dưới thời thủ tướng Rajiv Gandhi, chính sách của Ấn Độ thay đổi hẳn. Về quân sự, thay vì đối đầu với Mỹ và Trung Quốc, ông chủ trương hợp tác. Về kinh tế, thay vì tiếp tục đường lối kinh tế chỉ huy có tính kế hoạch, ông đổi hẳn sang sinh hoạt tư bản chủ nghĩa, lấy nguyên tắc tự do cạnh tranh làm nền tảng. Về ngoại giao, ông đích thân sang thăm Trung Quốc năm 1988 để phục hồi lại quan hệ nguyền rủa giữa hai nước từ 1962. Rajiv Gandhi bị ám sát năm 1991, người kế vị ông là bộ trưởng tài chính Narashime Lao tiếp tục hiện đại hóa Ấn Độ và vẫn còn tiếp tục cho đến thủ tướng Singh hiện nay.

Về vũ khí hạch nhân, Ấn Độ đang có chủ trương phớt lờ toàn bộ lượng vũ khí hạch nhân nếu các nước xung quanh cùng làm. Tuy nhiên Ấn Độ vẫn chưa ký hai hiệp ước chống phổ biến vũ khí hạch nhân (NPT-Nuclear nonproliferation Treaty) và hiệp ước cấm thử nghiệm hạch nhân bao quát (CTBT-Comprehensivenuclear Test Ban Treaty) vì cho rằng hai hiệp ước này có tính phân biệt đối xử, chỉ có lợi cho các cường quốc có vũ khí hạch nhân sớm nên Ấn chưa tham gia. Mặc dù vậy, Ấn Độ hoàn toàn tự tin về sức mạnh phòng vệ quân sự của mình ở châu Á, nghĩa là trong khu vực Nam Á và trên Ấn Độ Dương.

Về thực chất sức mạnh quân sự của Ấn Độ ngang ngửa hoặc hơn Trung Quốc trên một số mặt, nhưng Ấn Độ không khoe khoang : bộ binh Ấn Độ được trang bị rất tối tân và được huấn luyện thiện nghệ thích ứng với mọi chiến trường, hải quân Ấn Độ được xếp vào hạng thứ 5 thế giới, không quân Ấn Độ đứng hạng thứ tư trên thế giới.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Tham vọng bành trướng ra biển Đông của Trung Quốc

Lý Hiệp Long

Tham vọng bành trướng ra biển Đông của Trung Quốc chỉ thực sự bắt đầu sau từ sau khi tái lập bang giao với Hoa Kỳ năm 1972.

Sau khi biết chắc quân đội Hoa Kỳ sẽ rút khỏi miền Nam sau Hiệp định Paris 1973, hải quân Trung Quốc đã đổ bộ và xâm chiếm những đảo còn lại ở phần phía Tây (Crescent) của quần đảo Hoàng Sa thuộc Việt Nam Cộng Hòa ngày 15-1-1974. Từ 1977 trở đi, Trung Quốc không ngừng xác nhận chủ quyền trên quần đảo Trường Sa ở ngoài khơi biển Đông và chiếm từ trên tay của Việt Nam đảo Thị Tứ năm 1982. Trong suốt thời gian từ 1982 đến 1988, Trung Quốc không ngừng gia tăng áp lực quân sự trên quần đảo Trường Sa và chiếm thêm 6 cồn và bãi san hô của Việt Nam. Để xác nhận chủ quyền trên những hải đảo và bãi san hô mới chiếm này, Trung Quốc cho vẽ lại bản đồ mới về hải phận, trong đó có Hoàng sa và Trường Sa, và mời công ty Crestone (Mỹ) vào dò tìm dầu hỏa trên ba lô (133, 134 và 135) ngay trong khu vực kinh tế độc quyền của Việt Nam, cạnh hai mỏ Thanh Long và Đại Hùng (lô 5-1) ngoài khơi Vũng Tàu.

Trong vịnh Bắc Bộ, tháng 8-1992 Trung Quốc đưa hai tàu vào lập dàn khoan ở khu vực phân chia lãnh hải đang còn tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Từ 2004, Trung Quốc bắt đầu xung đột trực tiếp với Nhật trong việc khai thác mỏ khí đốt trên quần đảo Senkaku nằm gần đường trung gian giữa hai nước trên Đông Hải, và tàu Trung Quốc cũng đang dò tìm mỏ dầu ở biển Hoàng Hải trên khu vực phân chia lãnh hải giữa Trung Quốc với Bắc Triều Tiên.

Kế hoạch bành trướng lãnh hải của Trung Quốc

Từ sau 1989 Trung Quốc đã hòa giải được với Nga (cựu Liên Bang Xô Viết) nên không còn phải lo ngại mối nguy từ phương Bắc để dồn sức mọi nỗ lực bành trướng ra biển Đông. Chiến lược này gồm hai phần : mềm dẻo với những quốc gia hùng mạnh và cứng rắn với các quốc gia yếu kém. Ước muốn sau cùng của Trung Quốc vẫn là làm chủ cho bằng được những vùng tranh chấp.

Đối với Nhật, Bắc Kinh chủ trương mềm dẻo, nghĩa là bằng đường lối hòa bình qua thương lượng. Trong cuộc hiệp thương giữa hai chính phủ Nhật-Trung lần thứ 4 tổ chức trong hai ngày 6 và 7-3-2006 vừa qua, Nhật đề nghị hợp tác Trung Quốc trong việc khai thác mỏ dầu và khí đốt ở hai điểm : Dục Thuần (tên Trung Quốc là Long Tỉnh) ở thềm lục địa Nhật-Hàn và một ở Bắc đảo Tiên Cát (Lưu Cầu) cạnh vùng kinh tế đặc quyền của Nhật. Nhưng Trung Quốc đã bác bỏ đề nghị này và tuyên bố sẵn sàng hợp tác với Nhật trong lãnh hải của Nhật, cụ thể là khai thác mỏ dầu ở đảo Tiên Cát (Senkaku) của Nhật.

Nguyên tắc bành trướng lãnh hải của Trung Quốc rất giản dị : cứ chiếm đóng và khai thác trước những hải đảo

hay vùng biển đang có tranh chấp ở Đông Hải, đặt các nước láng giềng trước sự đã rồi, để sau đó thương lượng chủ quyền trong thế mạnh. Đó là những trường hợp đã xảy ra trên các quần đảo Hoàng và Trường Sa của Việt Nam và Philippines trong những năm 1982-1988, trong vịnh Bắc Bộ năm 1990 và trong Hoàng Hải ở bán đảo Triều Tiên. Trong các vùng biển này, các tàu dò tìm dầu khí của Trung Quốc viện cớ thăm dò hải dương đã khoan hơn 100 lỗ.

Đầu thế kỷ 21, Trung Quốc xây dựng gần một trăm đài quan sát hải dương học trên Thái Bình Dương cạnh lãnh hải Nhật Bản và Đài Loan. Trong tháng 10-2001, các tàu tình báo của hải quân Trung Quốc đã đi vòng quanh các đảo Honshu và Shikoku của Nhật, sau đó đi quanh qua đảo Ogasawara cùng một hành tuyến với quần đảo Guam của Mỹ. Cuối tháng 2-2004 các tàu tình báo Trung Quốc mở liên tiếp nhiều cuộc điều tra hải dương học đến cạnh quần đảo Okinawa và đảo Nakanoshima ở phía Đông Nam của Nhật. Hiện nay Trung Quốc đã hoàn thành điều tra tuyến đường từ quần đảo số 1 (từ Đông Nhật Bản đến Đông Đài Loan) và đang bắt đầu điều tra tuyến đường từ quần đảo 2 (từ đảo Ogasawara, Iwojima đến quần đảo Guam phía Nam cho đến tận 4 đảo phía Bắc Hokkaido của Nhật do Nga chiếm giữ). Mục đích của những điều tra này nhằm giúp hải quân Trung Quốc vẽ lại bản đồ dưới lòng biển để tàu ngầm Trung Quốc di chuyển và tấn công khi cần. Trong cuộc đấu trí này, Trung Quốc đã lôi kéo được Bắc Triều Tiên về phía mình và nhờ nước này làm áp lực trên ba nước Đông Á và Mỹ để thăm dò phản ứng.

Nhưng Đại Hàn, Nhật Bản, Đài Loan và Hoa Kỳ không dễ dàng rơi vào bẫy sập này, tất cả đều đã thực hiện những bản đồ dưới lòng biển từ lâu đời và đang quan sát ý đồ bành trướng của Trung Quốc ra biển Đông như thế nào để có những phản ứng thích hợp.

Vấn đề sát nhập Đài Loan

Quyết tâm sát nhập Đài Loan vào lãnh thổ Trung Quốc đã được Bắc Kinh chuẩn bị từ hơn 30 năm trước, sau khi thất bại quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Cùng lúc đó, Hoa Kỳ đang tái phối trí lực lượng để đối phó với Liên Xô hơn là với Trung Quốc, sau khi quyết định đóng cửa hai căn cứ quân sự Clarkfield và Subic Bay tại Philippines. Biết chắc Hoa Kỳ không can thiệp vào vùng Đông Á, Trung Quốc không ngừng làm áp lực ngoại giao và kinh tế với các quốc gia phương Tây để cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan. Đối với Đài Loan, Bắc Kinh vừa gia tăng áp lực quân sự trên các chính quyền Đài Bắc vừa kêu gọi doanh nhân Đài Loan vào Trung Quốc đầu tư, trong mục đích lôi kéo Đài Loan về dưới trướng Bắc Kinh.

Nhưng sau hơn 30 năm làm áp lực, khuynh hướng tuyên bố thành lập một quốc gia độc lập tại Đài Loan ngày càng cao. Trong mùa bầu cử tổng thống tháng 3-1997, Trung

Quốc đã mở một cuộc tập trận quân sự qui mô lớn để hù dọa nhưng Mỹ đã phái hai hàng không mẫu hạm đến eo biển Đài Loan quan sát buộc Bắc Kinh phải xuống giọng, nỗi nhục này giới lãnh đạo Trung Quốc rất khó quên.

Từ khi gặt hái được những tỷ lệ phát triển kinh tế cao liên tiếp trong nhiều năm, Trung Quốc đã không ngừng gia tăng ngân sách quốc phòng nhằm hiện đại hóa quân đội. Bây giờ Bắc Kinh không những đã có đủ tự tin để thách đố Hoa Kỳ trên eo biển Đài Loan mà còn có muốn loại trừ ảnh hưởng của Hoa Kỳ ra khỏi vùng Đông Nam Á để chỉ còn lại một cường quốc quân sự duy nhất là Trung Quốc, bất chấp Nam Hàn, Nhật Bản và Ấn Độ.

Đối với Bắc Kinh, nếu Đài Loan không chịu sáp nhập vào Trung Quốc bằng con đường hòa bình và còn tuyên bố độc lập thì Bắc Kinh sẵn sàng sử dụng bạo lực để thực hiện sự thống nhất đó. Hiện nay Bắc Kinh đã đặt hơn 700 hỏa tiễn hướng vào Đài Loan, mỗi đầu đạn chứa từ 250 đến 500 kg chất TNT. Dám tấn công Đài Loan bằng quân sự hay không là chuyện khác, nhưng ước muốn thống nhất Đài Loan với lục địa lúc nào cũng còn là thời sự nóng bỏng.

Nếu Đài Loan lọt vào tay Bắc Kinh, cả vùng Đông Á sẽ lần lượt bị đặt dưới quyền kiểm soát của Trung Quốc, nghĩa là từ bán đảo Triều Tiên qua biển Đông Hải đến Hoàng Sa, Trường Sa và biển Nam Trung Hoa, Philippines. Thực hiện được ước muốn này hay không, đó là chuyện khác vì lực lượng hải quân và không quân của Trung Quốc còn quá yếu kém so với Đại Hàn, Đài Loan và Nhật Bản. Chính vì thế Trung Quốc đang ráo riết chạy đua vũ trang để cạnh tranh và hiện đại hóa quân đội, đương nhiên là có sự xúi giục của Mỹ trong cuộc chạy đua này.

Có lẽ Trung Quốc sẽ bị hụt hơi trong cuộc chạy đua này vì hiện nay vẫn còn thua xa Nhật Bản và Hoa Kỳ về kỹ thuật sản xuất vũ khí chiến lược tinh vi như các loại hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử tầm xa và các tàu ngầm nguyên tử có thể phóng những đầu đạn nguyên tử từ bất cứ nơi đâu.

Thái độ của Mỹ và Nhật đối với Trung Quốc

Chạy đua vũ trang rất tốn kém, chỉ những quốc gia giàu có mới đủ khả năng thực hiện nổi. Nhưng đó không phải là quan điểm của giới lãnh đạo cộng sản Trung Quốc, từ thập 1990 đến nay Trung Quốc đã không ngừng gia tăng kinh phí quốc phòng từ 10 đến 20% mỗi năm, những lợi tức do vất công vất của để xuất khẩu đều dồn vào các công trình vĩ đại như xây đập, hải cảng, phi cảng, cao ốc, và nhất là quốc phòng.

Năm 2005 ngân sách quốc phòng của Trung Quốc lên đến 30 tỷ USD, trong thực tế là 90 tỷ USD. Vì trong dự toán quốc phòng, Bắc Kinh không tính phí tổn nghiên cứu, khai thác vũ khí, thiết kế và phóng phi thuyền vũ trụ nên tổng số phí tổn thực sự cho quốc phòng có thể gấp ba lần con số chi phí quốc phòng được công bố. Tốn kém nhất là chi phí hiện đại hóa hải quân và không quân.

Về không quân, Trung Quốc vừa mua 76 chiến đấu cơ Sukhoi mới nhất của Nga và mua luôn bằng sáng chế để tự sản xuất lấy, năm 2002 Trung Quốc đã sản xuất được

đến 32 chiếc. Về hải quân, từ 1996 Trung Quốc đã không ngừng mua tàu chiến loại lớn và tàu ngầm loại mới của Nga, nâng tổng số tàu ngầm Trung Quốc từ 70 chiếc đầu năm 2005 lên gần 100 chiếc vào cuối năm 2008.

Để đối phó với cường độ gia tăng quốc phòng đáng lo ngại này của Trung Quốc, ngoài Hạm đội 7 đang phụ trách khu vực Thái Bình Dương, Hoa Kỳ đang khai triển lại khả năng giáng trả bằng vũ khí hạch nhân với 10.640 đầu đạn nguyên tử tầm trung và tầm xa (ICBM và SLBM), trong khi Trung Quốc hiện nay chỉ có 20 đầu đạn nguyên tử Đông Phong 5 có thể bay xa đến 12.000 km, còn các loại Đông Phong 31, 41 phải sau 2010 mới bắt đầu đi vào hoạt động. Thêm vào đó, bộ quốc phòng Mỹ đang phục hồi lại căn cứ quân sự trên đảo Guam để làm tổng hành dinh chiến lược trong vùng Châu Á-Thái Bình Dương. Tại căn cứ này, ngoài các oanh tạc cơ B2 Stelus tàng hình, khu trục cơ FA-22 tối tân, các thám thính cơ không người lái Global Hawk và máy bay tiếp tế xăng trên không tạo thành một hành lang chiến lược kéo dài từ Virginia đến Hawaii và từ Hawaii đến Thái Bình Dương. Việc bộ tư lệnh Không đoàn 5 của Mỹ được chuyển đến Anderson và bộ tư lệnh Sư đoàn lục quân số 1 của Mỹ được chuyển đến căn cứ Zama ở Nhật trong vòng năm 2006 đều nằm trong chiến lược đối đầu với sự bành trướng của Trung Quốc.

Trước sự đe dọa vũ khí hạch nhân của Bắc Triều Tiên và sự bành trướng của Trung Quốc ra biển Đông, dư luận Nhật đang thuận lợi cho việc sửa đổi lại hiến pháp để tái vũ trang lực lượng quốc phòng. Đội tự vệ Nhật đang tiếp thu toàn thể hệ thống phòng thủ của thủy quân lục chiến Mỹ, sắp dời căn cứ qua đảo Guam (theo hiệp định Kubo-Curtis 2005). Chính quyền Nhật cũng đang thành lập lực lượng triển khai cấp tốc hải lực không quân với những binh sĩ tinh nhuệ và được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại để vô hiệu hóa tàu ngầm địch. Cơ đoàn cao xạ số 6 ở Okinawa cũng được trang bị những hỏa tiễn và súng cao xạ tối tân.

Cuộc tập trận quy mô lớn nhất của Liên quân hải quân Mỹ-Nhật-Hàn đầu thế kỷ 21 này sẽ được tổ chức vào tháng 7-2006 ngoài khơi Hawaii, với sự tham dự của 5 hàng không mẫu hạm, 500 chiến đấu cơ, 40 tàu ngầm nguyên tử và 600 hỏa tiễn tầm trung và tầm xa sẽ được phóng thử trong cuộc diễn tập này. Đây là thông điệp trả lời trước hành động phóng hỏa tiễn cự lưu ý xa của Trung Quốc trong năm 2005 vừa qua. Ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc diễn tập này tương tự như cuộc diễn tập quân sự của khối NATO năm 1989 đánh dấu sự sụp đổ của khối Warsaw trong cuộc tranh đua vũ trang.

Nhưng cuối tháng 4 vừa qua, hai khu trục hạm của Trung Quốc đã được hải quân Việt Nam hướng dẫn tuần sát lãnh hải Việt Nam trong vịnh Bắc Bộ để nắm vững địa hình trong vịnh để hạm đội Bắc Kinh vào né tránh khi có xung đột vũ trang với Hoa Kỳ trên biển Đông. Người ta không biết chính quyền cộng sản Việt Nam muốn gì, vì một mặt vẫn mời các tàu chiến Mỹ, Nga ghé vào các hải cảng của mình, mặt khác vẫn tiếp tục khuấy phục Bắc Kinh và còn phụ giúp bành trướng ra biển Đông.

Lý Hiệp Long (Chiba, Nhật Bản)

Sự thật về ảnh hưởng của văn hóa Nhật trong xã hội Trung Quốc

Kiểm tra chuyên ngữ

Tình thầy trò

Tối ngày 28-8-2005, trong tiệm ăn Vạn Thọ Lộ (Bắc Kinh), khoảng 30 võ sinh hiệp khí đạo (aikido) đã làm buổi tiệc tiễn biệt người thầy Nhật, ông Yoshiki Ishii, về nước. Ông Ishii, 55 tuổi, được trường dạy hiệp khí đạo Heisho ở Nhật cử sang Trung Quốc dạy bộ môn này tại Bắc Kinh. Trong suốt thời gian huấn luyện, ông Ishii đã cùng các học trò lau chùi sàn võ đường, tự xếp lại các võ phục của thầy lẫn trò sau khi luyện tập. Thái độ này khác với các võ sư Trung Quốc, chỉ biết ra lệnh cho học trò, chỉ tay năm ngón, không làm việc chung với học trò. Trong buổi tiệc chia tay, ông Ishii mắt rưng rưng đổ đứng lên nói bằng tiếng Trung Quốc: "Hôm nay tôi thật vui sướng!", rồi giới thiệu người thay thế mình. Đó là Yuasa, một võ sư trẻ người Nhật, 27 tuổi. Yuasa đã từ chối một việc làm trong ngành điện tử ở Nhật để tình nguyện qua Trung Quốc dạy hiệp khí đạo. Đang lúc giới thiệu người ta thấy ông thầy trẻ này đang đùa giỡn và vật lộn với những trẻ em Trung Quốc ngay giữa sàn nhà của tiệm ăn. Cuối buổi tiệc, ông Ishii đã trao cho từng môn sinh cũ một bưu thiếp có chụp hình của từng người, ở mặt sau ông viết bằng tiếng Tàu cảm tưởng sau một năm dạy học đối với từng trò. Các môn sinh Trung Quốc đều cảm động khi nhận tấm bưu thiếp, mỗi em ôn chăm lấy vị thầy sắp trở lại Nhật và nói vài lời cảm ơn, lúc ấy mọi người trong tiệm ăn quên hẳn quá khứ chiến tranh Trung-Nhật.

Không thể bàn quốc sự với người Nhật

Ông Trần Quý, nhân viên một công ty đại lý vận chuyển hàng hóa quốc tế ở Thượng Hải, nói: "Khi cùng làm việc với người Nhật, tôi giữ phương châm đã có từ trước là không bàn chuyện quốc sự, vì cả hai đều biết nếu bàn tới sẽ để lộ quan điểm thù địch nhau. Người Nhật nhìn người Trung Quốc một cách nghi ngại, trong khi người Trung Quốc vẫn còn thù hận người Nhật".

Còn ông Cao Thiên Hùng, giám đốc công ty Thượng Hải Nhật-Hoa Dụng Phẩm, tiết lộ: "Khi buôn bán với người Nhật, điều khó nhất là thỏa mãn các yêu cầu (cao) về phẩm chất của họ. Chẳng hạn khi tôi xuất khẩu những chén trà qua Nhật, đối tác người Nhật của tôi lật bề sau của từng chiếc quan sát kỹ rồi lật bề mặt ra xem lớp men tráng có đồng nhất không. Họ xét kỹ độ láng của từng cái chén, cái đĩa!". Từ sau khi tốt nghiệp ngành ngoại ngữ ở đại học ngoại ngữ Thượng Hải, ông Cao đã thường xuyên giao dịch buôn bán với người Nhật và cho biết lúc nào họ (người Nhật) cũng đòi hỏi cung cấp sản phẩm tốt nhất cho dân nước họ, không riêng gì hàng của Trung Quốc mà ngay cả hàng Âu Mỹ họ cũng đòi hỏi y như thế.

Còn anh Hàn Vĩ, làm thông dịch cho người phụ trách kỹ thuật trong một đại xí nghiệp vốn của Nhật, đã rút ra một kinh nghiệm: "Người Trung Quốc vì chưa nắm vững được

những kỹ thuật mới nên thường bị những kỹ thuật gia Nhật "cười ruồi", xem chuyên viên Trung Quốc là những ông bán bánh bao (cán bộ) cả. Do đó những người làm việc trong các xí nghiệp của Nhật đều cố gắng học hỏi để nâng cao trình độ kỹ thuật của mình. Chỉ khi nào người Trung Quốc nắm vững được kỹ thuật và Trung Quốc thật giàu mạnh thì lúc đó người Nhật mới kính trọng trở lại".

Đáp lại ý kiến này, ông Furuya, nhân viên văn phòng một xí nghiệp Nhật ở Thượng Hải đã đến Trung Quốc được hơn 4 năm, giải thích rằng người Nhật nói chung không hề khinh miệt người Trung Quốc nhưng thường có khuynh hướng sau đây: người Nhật muốn cho xí nghiệp của họ thành công, chỉ bất mãn khi thấy một bộ phận người Trung Quốc không chịu đoàn kết mà chỉ xem trọng tư lợi, nhất là khi thấy có những người Trung Quốc không xem Trung Quốc là đất nước của mình, chỉ muốn trục lợi riêng do đó không chuyên tâm làm việc.

Lo ngại xảy ra chiến tranh Trung-Nhật

Hiện nay một số cán bộ trung cao cấp trong chính quyền Trung Quốc lo ngại có thể sẽ xảy ra chiến tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản.

Ông Vinh Duy Mộc, chủ nhiệm ban biên tập tạp chí *Nghiên cứu chiến tranh chống Nhật* của Sở nghiên cứu lịch sử cận đại thuộc Viện khoa học xã hội Trung Quốc và là phó bí thư đảng ủy Hội nghiên cứu lịch sử chiến tranh chống Nhật, nói: "Trước mắt chủ đề quan hệ giữa hai nước là hòa bình và phát triển, nhưng đe dọa sẽ xảy ra chiến tranh không phải là không có!". Lý do là vì, theo ông Vinh, phái hữu ở Nhật muốn phục hồi lại chủ nghĩa quân phiệt và đang cố gắng lập trường của chính phủ Nhật đối với Trung Quốc, nếu người Trung Quốc không nhận thức và phê phán sự kiện này cho đúng với sự trầm trọng đó thì trong tương lai gần có thể sẽ xảy ra chiến tranh giữa hai nước.

Đại úy Lưu Thắng Tuấn, người trách nhiệm tiểu bang quân sự trong Hội nghiên cứu tương lai của Trung Quốc, nói: "Cho dù Trung Quốc có theo đuổi chính sách ngoại giao hòa bình tới đâu đi nữa, Mỹ và Nhật lúc nào cũng bảo vệ Đài Loan theo chính sách an ninh hỗ tương mà họ đã ký từ trước. Trong thực tế, đây là một hình thức xâm lược trá hình nên Trung Quốc phải cực lực chống đối. Khả năng xảy ra chiến tranh giữa Trung Quốc và Nhật là có thật".

Theo tiến sĩ Hoàng Đại Tuệ, giám đốc Sở nghiên cứu Đông Á thuộc Đại học nhân dân Trung Quốc, thì: "Người Nhật khi bàn về chiến tranh chống Nhật (1937-1945) đều nghĩ rằng Mỹ và Liên Xô là người đánh thắng họ chứ không phải là người Trung Hoa, nên người Nhật chỉ biết phục Mỹ, chỉ muốn học của Mỹ. Do đó, cuộc phân tranh giữa Trung-Nhật nếu có xảy ra thì nguyên do có thể đến từ các mặt về lịch sử, lãnh thổ, năng lượng, cạnh tranh thương mại".

Còn ông Nguyễn Thiệu Minh, giáo sư phụ trách khoa lịch sử ở Đại học Phục Đản ở Thượng Hải, cho biết : "Cuộc chiến tranh Trung-Nhật trong tương lai sẽ không giống các cuộc chiến tranh cổ điển". Ông tin rằng Nhật sẽ thực hiện một cuộc chiến tranh toàn diện và Đội tự vệ Nhật sẽ đóng vai cảnh sát quốc tế. Người Nhật đang tranh giành thế lực với Trung Quốc từ quân sự, kinh tế, ngoại giao trên khắp thế giới. Họ định bất chiến tự nhiên thành !".

Nhưng giáo sư Thịnh Bang Hòa, giám đốc Sở nghiên cứu lịch sử thuộc Đại học kinh tế tài chính Thượng Hải, không chia sẻ những lý do bài Nhật, ông nói : "Quốc gia Trung Quốc hiện đại chỉ mới vừa được thành lập nên rất còn non yếu". Ông Thịnh nhắc lại lúc còn thiếu thời, ông đã từng nghe chủ tịch Mao Trạch Đông cổ vũ sự bang giao với Nhật. Vào tuổi thanh niên, ông nghe Đặng Tiểu Bình hô hào cải cách, xây dựng đường cao tốc Shinkansen tối tân như Nhật. Hơn nữa, hiện nay vì nhu cầu hiện đại hóa, Trung Quốc đang cần Nhật về đủ mọi mặt phát triển kinh tế nên ông không chia sẻ "chủ trương chống Nhật, bài Nhật" như hồi tháng 4-2005 vừa qua. Nhắc lại thời học tiếng Nhật năm 1972, giáo sư Thịnh nói : "Lúc đó tôi là một thanh niên đầy lý tưởng, quyết tâm của tôi là phải học gương hiện đại hóa của Nhật Bản để phát triển đất nước Trung Quốc, chỉ khi nào Trung Quốc phát triển thực sự lúc đó nỗi nhục bị thua kém hơn một trăm năm của Trung Quốc đối với Nhật mới được gột rửa". Ông Thịnh cho biết ông đã từ chối học bổng do Ngân hàng thế giới cấp cho những tiến sĩ văn học đầu tiên của Đại học sư phạm Hoa Đông đi sang Anh du học, ông chỉ muốn đi Nhật để trau dồi và học hỏi kinh nghiệm hiện đại hóa để mang về Trung Quốc. Cuối cùng năm 1985 ông Thịnh được Nhật cấp học bổng nghiên cứu ở Đại học Tokyo.

Tại Trung Quốc số người có cảm tình sâu đậm với nước Nhật hiện đại như ông Thịnh hiện nay rất nhiều. Người Trung Quốc vẫn còn giữ những kỷ niệm đẹp về cô đào Momoe Yamaguchi của Nhật và nam tài tử Ken Takakura, cả hai đã là thần tượng của những thế hệ thanh thiếu niên đang lớn lên tại Trung Quốc. Đa số những tài tử điện ảnh Trung Quốc hiện nay đều chịu ảnh hưởng không nhiều thì ít cách diễn xuất của tài tử này. Rất nhiều đạo diễn phim ảnh Trung Quốc chịu ảnh hưởng của đạo diễn Akina Kurosawa. Chẳng hạn đạo diễn Trương Mậu Nghệ khi làm phim "Anh hùng" đã bằng mọi cách tạo khung cảnh và nội dung chuyện phim giống như tác phẩm "Người trá hình" của A. Kurosawa.

Còn đối với thế hệ trẻ Trung Quốc, sách của nhà văn Haruki Murakami được đọc nhiều nhất. Những tác phẩm của ông đang là kim chỉ nam sinh hoạt của giới trung lưu Trung Quốc. Tiểu thuyết "Khu rừng Na-uy" của ông là cuốn sách bán chạy nhất Trung Quốc hiện nay. Tác phẩm của những nhà văn Nhật đương thời như *Khu rừng Na-uy* được tranh nhau dịch và bày bán ở khắp các quầy bán sách khắp Trung Quốc.

Không chống chế được sự cám dỗ của Shiseido

Gần như đa số người Trung Quốc hiện nay đang sống

trong tâm trạng mâu thuẫn đối với Nhật.

Cô Hoa Nham cũng như đa số thiếu nữ trẻ sống ở thành phố Trùng Khánh đã chịu thua trước sự cám dỗ của mỹ phẩm Shiseido. Sản phẩm nước rửa và làm đẹp da mặt có chất sữa này do một công ty mỹ phẩm lớn của Nhật sáng chế ra, có sức quyến rũ các thiếu nữ Trung Quốc hơn cả người yêu. Vừa bước ra đường sau khi mua xong sản phẩm Shiseido, Hoa Nham liền giặt mình khi nghe tiếng còi báo động. Vài giây sau cô mới sực tỉnh : "À, hôm nay là 6 tháng 5, ngày kỷ niệm". Từ sau 1998, thành phố Trùng Khánh chọn ngày 6 tháng 5 làm ngày kỷ niệm cuộc dội bom tàn bạo nhất của quân đội Nhật năm 1940 trên thành phố này. Mỗi năm cứ đúng ngày này còi báo động phòng không rú lên nhắc nhở mọi người đừng quên cuộc chiến lúc đó. Sau tiếng còi hụ, Hoa Nham nói : "Lúc trước, khi nghe còi hụ em nghĩ có lẽ mình không nên mua sản phẩm của Shiseido nữa, nhưng nay lại quyết định mua để dùng". Có lẽ số người như thế ở Trung Quốc có nhiều.

Giáo sư Tế Kiên Quốc, chủ nhiệm trung tâm Châu Á Thái Bình Dương của Đại học Đồng Tế, nói đùa về máy cạo râu điện hiệu Matsushita của ông : "Mỗi sáng tôi đều có quan hệ thân mật với nó (máy cạo râu với Nhật Bản), nhưng khi đọc báo thấy những phát ngôn bảo thủ của các chính khách cánh hữu Nhật, tôi cảm thấy lồng ngực như muốn vỡ", nhưng cho đến nay ông chưa hề có ý định vứt bỏ bộ cạo râu Matsushita rất tốt của mình.

Trần Tân (tên giả), sinh viên năm thứ 2 Đại học Lý Công Thượng Hải, khi được phỏng vấn đã phê phán những người ủng hộ Nhật ở Trung Quốc là đồ "phản bội", nhưng yêu cầu chấm dứt cuộc phỏng vấn sớm vì anh ta còn phải đi học tiếng Nhật. Ký giả hỏi tại sao xem trọng giờ học tiếng Nhật như thế, sau một hồi ấp úng anh ta khai thật : "Ở Thượng Hải có nhiều xí nghiệp Nhật, biết tiếng Nhật sẽ dễ kiếm việc làm".

Qua cuộc điều tra của ký giả bản báo, rất nhiều người khi được phỏng vấn tỏ ý bất bình với chính quyền Nhật về vấn đề lịch sử nhưng khi chọn sản phẩm tiêu dùng thì ai cũng muốn hàng Nhật vì là đồ tốt hảo hạng. Ông Hạ Thánh Truy, làm việc ở nhà xuất bản của Đại học Phục Đản, giải thích lý do : "Đó là do Nhật Bản đã hình thành được mô thức làm việc tốt nhất trong gia công tài nguyên. Từ sản phẩm hàng hóa cho đến văn hóa phẩm, tất cả đều rất tinh xảo. Họ đã đạt được kỹ thuật cao trong sản xuất".

Văn hóa Nhật Bản có mặt ở khắp nơi

Trong hơn 20 năm qua, văn hóa Nhật Bản đã đi sâu vào lòng người Trung Quốc.

Cô Luật Dương là biên tập viên một tạp chí thời trang của Trung Quốc. Lúc đầu tạp chí của cô mô phỏng theo tạp chí thời trang của Nhật và rất bán chạy vì có nhiều sáng tạo mới. Khi trả lời phỏng vấn, cô khoe con chó nhỏ màu trắng cột ở bao điện thoại cầm tay là do đài truyền hình NHK tặng. Về sự thành công của tờ báo, cô nói : "Dĩ nhiên ai cũng thích những món ăn làm đẹp da của Nhật, nhất là món lăn bột tempura từ rau, nấm cho đến tôm cá thịt đều khoác một lớp áo dinh dưỡng trước khi cho vào miệng !".

Về ẩm thực, từ nhiều năm qua tiệm ăn Nhật mọc lên khắp nơi tại Trung Quốc. Riêng ở Bắc Kinh và Thượng Hải đã có gần vạn tiệm, đêm đến đèn nê ông sáng trưng gần 100 cây số, có trên một trăm tiệm ăn Nhật Bản. Ngay ở thành phố cổ kính như Tô Châu cũng có một phố Nhật.

Ông Lý Biên, 35 tuổi, khách du lịch từ Thượng Hải là một người Trung Quốc tiêu biểu thích món ăn Nhật. Theo ông, "món ăn Nhật được phân bố màu sắc rất mỹ thuật, ngay cả chén bát đựng món ăn cũng rất tinh xảo và hài hòa, đẹp như một bức tranh. Họ để ý cái đẹp từ tô cơm đến chén súp sơn mài, đồ gác đĩa vệ sinh, từ con thuyền đựng cá sống động đến cây cầu có lá liễu điểm tô đều là những tác phẩm nghệ thuật ! Ăn món ăn Nhật là một dịp để thưởng thức một nền văn hóa cao cấp !".

Thời trang nhuộm tóc đủ màu của thanh niên Nhật cũng được giới trẻ Trung Quốc yêu thích, các cô gái thì bắt chước phụ nữ Nhật trang điểm, vẽ từ mặt đến từng móng chân. Khi phong trào karaoke bắt đầu được phổ biến sau năm 1988, nó được sự ủng hộ nhiệt tình của người Trung Quốc. Tại Hoa Lục ngày nay, từ bờ biển vào đến nội địa xa xôi, các quán karaoke mọc lên như nấm và là nơi để các cặp trai gái hẹn hò và ca hát.

Nhiều người cho rằng văn hóa phẩm Nhật Bản ngày càng ảnh hưởng sâu đậm đến lối sống của người Trung Quốc, do đó cho dù có hô hào tẩy chay hàng Nhật thanh thiếu niên Trung Quốc đều bất cần. Hiện nay trò chơi điện tử của Nhật thuộc loại số 1 thế giới như có ma lực thu hút sự chú ý của giới trẻ Trung Quốc, nhiều đứa chỉ muốn học tiếng Nhật để đọc được những bản giải thích và cách chơi "game" sao sành điệu hơn bạn mình.

Tranh hoạt họa (manga) được du nhập ồ ạt vào Trung Quốc từ năm 1989. Thống kê về thế hệ dưới 20 tuổi ở Trung Quốc mới đây cho thấy hơn 1/3 thời gian của giới trẻ dùng để xem truyện tranh và phim hoạt họa của Nhật. Nhiều người lo ngại rằng trong vòng 10 năm nữa, khi giới trẻ này trưởng thành, ảnh hưởng của văn hóa Nhật vào xã hội Trung Quốc khó tẩy xóa được.

Kỹ thuật cao cấp của Nhật

Ảnh hưởng lớn nhất của Nhật vào xã hội Trung Quốc là kỹ thuật cao cấp, nó có ma lực lôi kéo mọi người.

Giáo sư Trần Thiện An, chuyên gia về kinh tế Nhật tại Đại học đại học Phục Đán cho biết : "Sự phát triển nhanh chóng, sự điều chỉnh hợp lý qui trình sản xuất và chế biến tại Trung Quốc bắt nguồn từ sự chuyển giao kỹ thuật và công nghệ của Nhật Bản cho Trung Quốc".

Năm 2004, vốn đầu tư trực tiếp (FDI) của Nhật vào Trung Quốc là 9,2 tỷ USD, đứng hạng ba sau Hồng Kông-Singapore và Đài Loan. Tại công ty Hitachi điện khí Thượng Hải lúc mới thành lập, các thiết bị chủ yếu của công trường, các bản đồ thiết kế đều do phía Nhật cung cấp. Các nhân viên chính trong bộ môn quản lý của công ty đều được đi tu nghiệp ở Nhật. Nhưng sau hơn 10 năm tồn tại, công ty Hitachi điện khí Thượng Hải đã kết hợp lại và trở thành tập đoàn Hải Lập Thượng Hải là công ty chế tạo máy điều hòa không khí đứng hạng thứ ba trên thế giới.

Công ty Hitachi điện khí Thượng Hải lúc đầu "nhận gia công" sản xuất hàng hóa cho công ty mẹ ở Nhật, bây giờ đã tự sản xuất và xuất khẩu dưới nhãn hiệu riêng "Hải Lập" có số bán cao hơn cả công ty Hitachi mẹ.

Theo mô thức này, phương pháp quản lý và kỹ thuật sản xuất của Nhật đã được chuyển giao cho các xí nghiệp Trung Quốc, nhờ đó rút ngắn lại khoảng cách thua kém giữa các xí nghiệp Trung Quốc và các xí nghiệp tiên tiến phương Tây. Không biết đây có phải là sự báo thù của người châu Á đối với thế giới phương Tây không, nhưng qua sự chuyển giao kỹ thuật cao cấp của Nhật, các nước đang phát triển như Trung Quốc có thể cải tiến lại phương thức sản xuất và phát triển với tốc độ nhanh để bắt kịp sự tiến bộ của thế giới văn minh. Cho dù quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản có thể nào đi nữa, vai trò làm "cây cầu hiện đại" bắc qua bờ kỹ thuật tiến bộ của Nhật rất là quan trọng.

Văn phòng của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) ở Trung Quốc là nơi cung cấp giấy phép hợp tác kỹ thuật hay chuyển giao kỹ thuật của Nhật cho các nước đang phát triển. Trong một cuộc phỏng vấn của bản báo, ông Fuzitani, phó giám đốc cơ quan này, cho biết : "Từ 1986, tức là năm JICA bắt đầu đặt văn phòng ở Trung Quốc, cho đến cuối 2003, số lượng giấy phép chuyển giao kỹ thuật của Nhật dành cho Trung Quốc lên đến 715 trường hợp, hợp tác kỹ thuật ở cấp cơ sở có 59 trường hợp, số chuyên viên Nhật được phái sang Trung Quốc làm việc là 5.102 người, số thanh niên tình nguyện Nhật sang giúp dài hạn Trung Quốc là 572 người. Số người Trung Quốc sang Nhật để được huấn luyện và thực tập kỹ thuật là 15.627 người".

Gần đây, một chuyên viên cao cấp khác từ Nhật sang Trung Quốc, ông Kobayashi, đã giúp các xí nghiệp ở khu tự trị Quảng Tây xây dựng kế hoạch kinh doanh theo qui trình hiện đại.

Một thực tập sinh của Trung Quốc được huấn luyện kỹ thuật săn sóc người già tại học viện chuyên môn y tế Asahi Kawa (Hokkaido), bà Dương Lê Bình, hiện là y tá trưởng khoa săn sóc người già ở bệnh viện Hồng Thập Tự Thượng Hải, cho biết : "Khi tham quan và thực tập ở Nhật, lúc nào tôi cũng kinh ngạc về tinh thần phục vụ của người Nhật. Các cô y tá trẻ thực sự là những hiện thân của sự tận tụy khi săn sóc người già. Tôi đã học rất nhiều từ họ". Nhật Bản có lịch sử chăm sóc người già một cách khoa học từ hơn 18 năm qua, ở Thượng Hải Trung Quốc chỉ mới bắt đầu. Do cơ cấu xã hội văn hóa của Á Đông về gia đình có nhiều điểm giống nhau, kinh nghiệm của Nhật Bản có thể là một mẫu mực để hoàn thiện chế độ chăm sóc người già và bảo vệ sức khỏe quốc dân.

Gần đây báo chí Trung Quốc có khuynh hướng cho rằng quan hệ Trung-Nhật xấu nhất từ khi hai nước bang giao trở lại năm 1972, nhưng nhiều người Nhật sinh sống ở Thượng Hải không nghĩ như thế.

Kiểm Hương chuyển ngữ

(*) "Sự thật về sự tồn tại của Nhật tại Trung Quốc 60 năm sau", *Liễu Vọng Đông Phương* phát hành tại Thượng Hải ngày 8-9-2005.

LIÊN HIỆP CHÂU ÂU TIẾP TỤC DẬM CHÂN TẠI CHỖ

Hội nghị thượng đỉnh 25 quốc gia thành viên Liên Hiệp Châu Âu, họp tại Bruxelles ((Bỉ) trong hai ngày 15 và 16-6-2006, đã kết thúc bằng những hứa hẹn. Không một đề nghị cải tổ sâu rộng nào được đề cập tới trong khi những thảo luận về dự thảo hiến pháp châu Âu được hoãn lại cho đến nửa sau năm 2008, gọi là để có thêm thời gian suy nghĩ. Tất cả đều chờ kết quả bầu cử tổng thống Pháp và quốc hội Hòa Lan mùa xuân 2007 để có một cái nhìn rõ rệt hơn về bản hiến pháp chung cho toàn Liên Hiệp Châu Âu, vấn đề sẽ đặc biệt được đề cập dưới quyền chủ tịch luân phiên của Pháp nửa cuối năm 2008. Từ đây đến đó, sinh hoạt chính trị của các quốc gia trong Liên Hiệp gần như bị trì trệ, mọi sinh hoạt tiếp tục theo nội dung những hiệp ước đã ký trước đó (Maastricht, Amsterdam, Nice).

Từ sau tiếng KHÔNG của cuộc trưng cầu dân ý tại Pháp và Hòa Lan tháng 5 và 6-2005, đoàn tàu Liên Hiệp Châu Âu đã bị khựng lại, không một quyết định quan trọng nào đã được lấy trong sự đồng thuận tuyệt đối. Cặp bài trùng Đức-Pháp đã mất đi sức mạnh lôi kéo của một đầu tàu vì dân chúng Pháp từ chối đi chung chuyến tàu tiến về tương lai mà quyền lợi của họ không được bảo đảm.

Hiện nay chỉ 18 trên 25 quốc gia trong Liên Hiệp đã bầu xong dự thảo hiến pháp châu Âu, trong đó có 16 phiếu thuận và 2 phiếu chống. Nhiều người lên tiếng không nên tổ chức bỏ phiếu thông qua dự thảo này nữa vì vô ích ; theo tinh thần Hiệp ước Nice ngày 26-2-2001, mọi quyết định muốn có hiệu lực thi hành phải được sự nhất trí hoàn toàn. Nhưng sau Pháp và Hòa Lan, nhiều quốc gia khác cũng đang do dự và có khuynh hướng không thông qua dự thảo hiến pháp vì bị cho là không phù hợp với nguyện vọng của dân tộc của họ, mặc dù ước muốn sống chung trong một Liên Hiệp Châu Âu vẫn mạnh.

Từ sau tháng 5-2005, tiếng nói của Pháp mất hẳn trọng lượng, những quốc gia có tuổi thâm niên kém hơn như Anh, Ba Lan đã không ngần ngại muốn loại trừ vai trò áp đảo của Pháp trong những quyết định chung, như việc biểu quyết ngân sách của Liên Hiệp tài khóa 2007-2013. Mọi người đang chờ đợi Pháp và Hòa Lan đưa ra những đề nghị cụ thể để bổ sung hoặc thay thế những điểm không đồng ý tới bản dự thảo, đến nay mọi người vẫn tiếp tục chờ đợi. Thật ra hai quốc gia này không thể đưa ra một đề nghị mới nào vì không có gì để đề nghị ; sự từ chối thông qua bản dự thảo hiến pháp này chỉ vì một lý do giản dị là ích kỷ, nhất là sự ích kỷ này xuất phát từ các nhóm cực tả và cực hữu vì không muốn chia sẻ thêm. Sự kết nạp thêm hai quốc gia mới : Romania và Bulgaria đầu năm 2007, Turkey, Montenegro và Croatia sau đó, càng làm cho những người bị quan lo sợ và chống đối thêm. Không ai biết bản dự thảo hiến pháp châu Âu này sẽ có thêm bao nhiêu phiếu thuận trong những cuộc đầu phiếu sắp tới.

Liên Hiệp Châu Âu đang trải qua giai đoạn khủng hoảng bản thể. Sự mở rộng không gian sinh tồn quá nhanh trong khi tâm lý người dân chưa chín muồi để chấp nhận

làm thêm những hy sinh về mức sống để đón nhận những quốc gia châu Âu khác nghèo khó hơn. Khủng hoảng bản thể này kèm theo những khủng hoảng kinh tế và xã hội tại một vài quốc gia thành viên càng làm cho dân chúng sợ hãi một châu Âu mở rộng. Sự sợ hãi này chính vì thế là chủ đề mà trong các cuộc vận động tranh cử các ứng cử viên mọi dân thuộc đủ mọi khuynh hướng đang nhắm tới để thắng cử. Những tổ chức chính trị bảo thủ còn quá i hóa hình ảnh những định chế điều hành Liên Hiệp Châu Âu khiến người dân không ủng hộ những quyết định đến từ các định chế này. Từ những khủng hoảng này, các quốc gia thành viên chưa đồng ý được với nhau về các chính sách liên quan đến quốc phòng và ngoại giao. Cũng may hiện nay thế giới đang sống trong hòa bình, vì Liên Hiệp Châu Âu sẽ không đủ khả năng giải quyết một khủng hoảng chính trị tầm cỡ châu Âu hay quốc tế, trong khi tham vọng muốn được nhìn nhận như một định chế quốc tế ngang tầm với Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc hay Liên Hiệp Quốc.

Thêm vào đó, những mục tiêu đề ra trong Chiến lược Lisbonne tháng 3-2000 như đầu tư và nghiên cứu để phát triển và toàn dụng nhân công không được quan tâm đúng mức. Trong các cuộc vận động bầu cử địa phương, các ứng cử viên chỉ vận động cho các mục tiêu thiết thực của từng quốc gia, ít ai nhắc tới châu Âu hay những mục tiêu của nó. Đáng lo ngại là những khuynh hướng bảo thủ, hay dân tộc cực đoan ngày càng được ủng hộ, nếu những khuynh hướng này đặc cử và lên cầm quyền không ai biết tương lai của Liên Hiệp sẽ đi về đâu.

Về phát triển kinh tế, hiện nay đang có tranh cãi giữa hai khuynh hướng : một là khuynh hướng tự do (liberal) do thủ tướng Anh Tony Blair làm đại diện ; hai là khuynh hướng can thiệp của Liên Hiệp (Union interventionnism) do tổng thống Jacques Chirac đứng đầu. Những quốc gia Bắc Âu và Trung Âu ủng hộ khuynh hướng tự do trong khi những quốc gia Nam Âu ủng hộ lập trường can thiệp. Tony Blair quan niệm rằng quốc gia chỉ có thể cho những gì mình có và không muốn để con cháu sau này trả nợ thay cho mình ; Jacques Chirac thì ngược lại, chủ trương quốc gia phải vay mượn thêm nếu không có tiền để duy trì mức sống cao của dân chúng. Tranh cãi giữa hai khuynh hướng này đang rất nghiêm ngẽ nhưng có thể khuynh hướng tự do sẽ thắng thế vì quan điểm của Tony Blair hợp lý hơn. Để dung hòa, hiện đang có một khuynh hướng hỗn hợp, nghĩa là một mặt vẫn chủ trương tự do kinh tế nhưng mặt khác tiếp tục trợ giúp những người kém may mắn để bắt kịp đà tiến bộ chung. Về tình thì khuynh hướng hỗn hợp này rất hay, nhưng về lý thì rất khó thực hiện vì rất tốn kém.

Với phong trào toàn cầu hóa, sự cạnh tranh đang rất gay go, những quốc gia phát triển muốn tiếp tục thụ hưởng phúc lợi của phát triển bắt buộc phải cải tổ không ngừng để đáp ứng với những đòi hỏi của tình thế và để giữ thế thượng phong. Từ chối cải tổ là chấp nhận sự thua kém.

Nguyễn Văn Huy

Quốc hội độc đảng : những rào cản không thể vượt

Bài Tin

*** tử trụ mới * nhân sự mới từ đâu ra * hứa và làm * rào cản không thể vượt *
* quốc hội độc đảng bắt thành quốc hội ***

Thế là phiên họp thứ 9 của quốc hội khóa 11 kéo dài 45 ngày đã bế mạc. Thảo luận thông qua 10 bộ luật, nghe trả lời chất vấn của thủ tướng và 12 bộ trưởng, cử và thông qua chủ tịch quốc hội, chủ tịch nước, thủ tướng mới và một số bộ trưởng... là nội dung chính của phiên họp, ngay sau khi đại hội 10 của đảng cộng sản bầu ra ban chấp hành trung ương, bộ chính trị mới và bầu lại tổng bí thư Nông Đức Mạnh.

Một loạt nhân sự mới trong lãnh đạo đất nước hứa hẹn điều gì, đang là đề tài suy nghĩ, trao đổi, tranh luận của dư luận trong nước và cả nước ngoài.

Mới hay không mới

"Tử trụ triều đình" hay "bộ tứ" đã được công bố gần như chính thức và công khai từ trước đại hội 10, ngay sau cuộc họp trung ương đảng lần thứ 15, vào tháng 4-2006. Một nhóm trong bộ chính trị cũ đã bao biện, ngang nhiên chiếm đoạt quyền lực của nhà nước, xóa bỏ trên thực tế quyền hạn của quốc hội được ghi trong hiến pháp hiện hành (quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất) để chia nhau trước bốn vị trí then chốt : tổng bí thư, thủ tướng, chủ tịch nước và chủ tịch quốc hội, ngay trước khi họ bày trò xin ý kiến toàn dân và toàn đảng về giới thiệu nhân tài lãnh đạo của đất nước.

Một số đại biểu quốc hội lên tiếng than vãn về cung cách áp đặt thô bạo của nhóm lãnh đạo, và đòi phải giới thiệu ít nhất hai người cho mỗi chức danh, nhưng lãnh đạo vẫn giữ thái độ ngang ngược kiểu cường hào.

Có thể nhận rõ là hơn một ngàn đại biểu ở đại hội 10 cũng như gần năm trăm đại biểu quốc hội không hề có một tiếng nói nào trong việc đề cử bốn vị trí cột trụ của chế độ, nói gì đến đảng viên và nhân dân. Đã có hàng vạn ý kiến xác đáng đề xuất về phát hiện, tuyển chọn nhân tài lãnh đạo nhưng đã bị nhóm lãnh đạo hoàn toàn bỏ ngoài tai.

Xét cho cùng, trước yêu cầu khẩn thiết đổi mới đường lối chính trị và nhân sự, đổi mới vừa qua vẫn chỉ là cải lương, có đổi mà không mới, nhân sự mới chỉ là do một nhóm người trong bộ chính trị cũ cử ra, "bộ tứ" mới không hề do dân, bởi dân, vì dân, vẫn hoàn toàn là do đảng, bởi đảng, vì đảng.

Điểm qua từng nhân vật

Tổng bí thư "mới" thật ra chỉ là nhân vật tạm thời khi được cử trong hoàn cảnh đặc biệt tại đại hội 9 năm 2001. Ông Nông Đức Mạnh không có sai lầm cá nhân gì nghiêm trọng, nhưng cũng chẳng có một nét nào nổi trội về khả năng lãnh đạo, về ý chí chống tham nhũng, về tư duy chiến lược đột phá, về khả năng đề xuất một sáng kiến gì đặc

sắc, mới mẻ. Khả năng lãnh đạo ở ông là thường thường bậc trung, là mờ nhạt, vẫn là hụt hẫng rõ rệt so với yêu cầu của tình thế đòi hỏi. Đặt ông ở vị trí số 1 của đảng cộng sản, của chế độ thì thật là oan uổng, có thể nói là "tủi hổ" cho đảng, cho chế độ !

Ở trong nước, ở trong đảng cộng sản nhiều người nói với nhau rằng nếu như không có sự lũng đoạn của hai ông già M+A (Đỗ Mười và Lê Đức Anh) ma quái - cựu tổng bí thư và cựu chủ tịch nước can thiệp, hoành hành công khai rồi âm thầm trong cung đình cộng sản suốt từ đại hội 7 (năm 1991) đến tận đại hội 10 năm nay - vẫn chưa chịu ngồi yên, chưa chịu buông tha, rằng nếu hai ông già dằng dai ấy không được nhóm bảo thủ cực đoan nhất trong bộ chính trị cũ gồm các ông trùm tổ chức Trần Đình Hoan, trùm tư tưởng Nguyễn Khoa Điềm, trùm quốc phòng Trần Văn Trà... cùng bộ hạ cút cung tiếp tay (sau lưng của trung ương, sau lưng đại hội, sau lưng quốc hội) thì sức mấy mà ông Mạnh có thể còn tại vị. Cho nên có thể nói tổng bí thư "mới" là do thế lực ma quái có những tính toán ma quái từ xa tạo nên, là sản phẩm độc đáo của một chế độ phi dân chủ, độc quyền độc đảng, không thể có ở bất kỳ một đảng lành mạnh và dân chủ nào.

Chủ tịch nước mới Nguyễn Minh Triết được coi là trội hơn hẳn ông Trần Đức Lương, từng chỉ đạo cuộc đổi mới và mở cửa khá đặc sắc ở tỉnh Bình Dương và thành phố Sài Gòn ; ông cũng từng tuyên bố ưa nghe những ý kiến ngoài luồng để tham khảo và suy nghĩ ; ông vừa hứa hẹn sẽ làm nhiều mà nói ít. Theo dư luận trong nội bộ đảng, để ông Triết thay ông Mạnh trên cương vị tổng bí thư thì chắc chắn là tốt hơn, nhưng chủ ý này đã bị nhóm trên đây cản phá.

Thủ tướng mới Nguyễn Tấn Dũng tương đối trẻ, từng là phó thủ tướng thường trực nhiều năm, phụ trách các ngành dầu khí, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện viễn thông, đều là các ngành thất bại nhiều hơn thắng lợi, có thể rút ra nhiều kinh nghiệm thực tế bổ ích.

Hai ông này xuất thân từ miền Nam có tư duy thực tế, thoáng đạt cởi mở, trong khi hai vị xuất thân từ miền Bắc - tổng bí thư và chủ tịch quốc hội - thì lại mang chất bảo thủ khá nặng, đặc biệt là ông Nguyễn Phú Trọng. Chính một đại biểu quốc hội đã nghi ngờ khả năng lãnh đạo quốc hội của ông Trọng khi nhận xét rằng ông chưa hề mở mồm phát biểu một ý kiến nào trong quốc hội và các nhà báo lưu ý công luận là thủ đô Hà Nội dưới sự lãnh đạo của ông trên cương vị bí thư thành ủy đã tụt hậu thê thảm, xếp hạng về tính hấp dẫn trong cung cách làm ăn giữa các tỉnh thành cả nước đã tụt hạng từ thứ 5 xuống thứ 37 trong năm qua!

Theo quan niệm của đảng cộng sản, chính trị là thống

soái, mọi quan niệm kinh tế, văn hóa, đối ngoại dù có cởi mở, thoáng đạt đến đâu cũng sẽ vấp phải bức tường đá vô cảm về chính trị là sự kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, sự kiên trì chế độ độc đảng, là giữ cái đuôi định hướng xã hội chủ nghĩa... Cặp Mạnh+Trọng sẽ là những hậu vệ chính trị mẫn cán thừa sức cản phá cặp tiền đạo kinh tế Triết+Dũng. Tình hình sẽ có nhiều khả năng bùng nổ, trì trệ và nhiều cơ hội tốt sẽ lại bị bỏ qua.

Hy vọng nhen lên để vụt tắt

Trước đại hội 10, biết bao hy vọng được nhen nhóm lên trong đảng và trong xã hội ; đổi mới về kinh tế và mở cửa hội nhập với thế giới thu được một số kết quả bước đầu ; triển vọng vào tổ chức thương mại quốc tế WTO thổi thốc. Biết bao ý kiến nêu lên về "thời cơ vàng", về "đổi mới bước 2", về "đổi mới nhân sự", "cử tổng bí thư mới và khung lãnh đạo mới", về "tuyển chọn nhân tài mới", về "đột phá chiến lược", về "dứt điểm hai quốc nạn tham nhũng và tụt hậu"...

Kết quả chỉ là ngao ngán, thất vọng ; người lương thiện ngay thẳng cảm thấy bị lừa ; đại hội đảng bị lừa, quốc hội cũng bị lừa ; mọi sự đã được quyết định, đã được tiền chế cả rồi. Một tổng bí thư cũ, mờ nhạt, nhu nhược, buông trôi, dính chặt vào vụ nhơ nhớp PMU 18 nhưng vẫn tại vị. Một vị chủ tịch quốc hội không do quốc hội tuyển lựa, dù nổi tiếng là bảo thủ, giáo điều ngoại cỡ. Cả 6 thứ trưởng ngoại giao bị thất cử trong khi 7 bộ và thứ trưởng công an đều trúng cử.

Nhiều cảnh treo giò. Bộ trưởng ngoại giao mới chưa từng ở ngành ngoại giao đến một ngày, chưa hề biết mặt mũi Liên Hiệp Quốc ra sao. Bộ trưởng tài chính vô trách nhiệm, lỏng lẻo về quản lý ngân sách đến độ kinh hoàng, để tiền bạc của dân mất trắng hàng chục tỷ đô la, lại được đưa lên phó thủ tướng ! (Cố dư luận là chỉ vì ông này luôn phóng túng chỉ thả cửa cho Tổng Cục 2 nên được ông Đỗ Mười chấm mực đỏ khi giao danh sách cho ông Mạnh và ông Trọng). Một bộ trưởng giáo dục chưa biết nghề giáo dục, cũng chưa từng quan tâm phát biểu một ý kiến gì về cải cách giáo dục, đang làm chủ tịch thành phố, bỗng nhiên bị giao một lĩnh vực cực kỳ hệ trọng lại đang khủng hoảng gay gắt, có tài thánh mới làm nổi ! Bệnh duy ý chí vẫn còn y nguyên.

Sự thất vọng càng thêm sâu, khi vụ án PMU 18 vẫn nhùng nhằng, úp úp mở mở ba tháng ròng, kẻ trùm sở Đào Đình Bình chỉ được miễn nhiệm chức bộ trưởng (dù phạm biết bao trọng tội về tham nhũng, tàn phá của công, công trình bị moi móc hàng tỷ đô la) với một lời xin lỗi nhẹ nhàng ; tổng thanh tra nhà nước Quách Lê Thanh từng nhận hơn trăm triệu tiền dút lót vẫn hạ cánh an toàn ; phó văn phòng quốc hội Nguyễn Văn Lâm để quên cặp chửa toàn tiền bẩn phi pháp, vẫn hầu như vô can, chỉ bị phê bình lấy lệ. Họ cứ nói kỷ luật nghiêm minh, nhưng thực hiện thì ngược lại.

Những rào cản không thể vượt qua

Phiên họp quốc hội vừa qua vẫn lạm phát những lời mỹ

từ, những lời tự khen, những lời hứa hẹn.

Nhân dân và công luận trong nước nay đã khác trước khá nhiều rồi. Sự lừa dối không còn nhiều chỗ đứng. Luật phòng chống tham nhũng đã bắt đầu có hiệu lực. Chức phó thủ tướng đặc trách phòng chống tham nhũng được lập nên không phải để làm cảnh. Cơ quan chỉ đạo trung ương phòng chống tham nhũng được thiết lập và sẽ không thiếu việc làm. Người dân ghi nhớ lời cam kết và hứa hẹn của lãnh đạo : không có vùng cấm, không có ngoại lệ cho bất kỳ ai.

Trước hết hãy bắt đầu công khai xử vụ PMU 18. Bọn tội phạm đã ăn cắp tiền ở đâu ? bao nhiêu ? bằng cách nào ? đã thu hồi được bao nhiêu ? bao nhiêu kẻ liên quan ? đường giây quốc tế của chúng ra sao ? xử theo luật hay lại cứ thậm thụt cheo chỉ thị nhỏ giọt của bộ chính trị ?

Bao giờ xử hầu hết những khiếu kiện về nhà và đất của công dân như thủ tướng đã hẹn ? Gần 60.000 trong cả nước, theo bộ tài nguyên và môi trường. Dân đang kêu trời về nạn "địa tặc", cướp nhà cướp đất của dân, tội phạm toàn là các quan chức mọi cấp : xã, quận huyện, tỉnh thành và trung ương.

Các vị lãnh đạo mới hãy chịu khó ra gặp bà con khiếu kiện ở vườn hoa Mai Xuân Thưởng, chỉ cách phủ chủ tịch nơi ông Nguyễn Minh Triết làm việc vài trăm mét và cách nơi thủ tướng mới Nguyễn Tấn Dũng còn gần hơn nữa.

Chính phủ mới chớ quên hơn 200 ngư dân còn mất tích và lưu lạc thảng trước chỉ vì cơ quan khí tượng vô trách nhiệm, báo tin sai lạc đã cũ đến 12 tiếng đồng hồ, xui đại tàu thuyền đổ xô vào đúng tâm bão !

Các vị lãnh đạo chớ bỏ qua những tin tức nhỏ, lật vạt vì liên quan chặt với nền nếp cai trị cầm quyền của chế độ độc đảng. Bệnh nhân được chỉ định nhổ răng sâu thì lại bị nhổ chiếc răng lành ; được chỉ định cắt ruột thừa thì bị cắt túi mật ; được chỉ định cắt quả thận bên trái thì lại bị cắt quả thận bên phải. Cứ như chuyện đùa, chuyện bịa. Mà rồi hòa cả làng. Không ai chịu trách nhiệm và đền bù cả. Dù cho các vị không ngừng nói về luật pháp nghiêm minh, về tinh thần trách nhiệm, về xã hội công bằng, nghiêm minh.

Thiếu dân chủ, thiếu luật pháp nghiêm minh, thiếu hiệu quả trong chống tham nhũng, thiếu hiệu quả trong chống tụt hậu, chỉ vì nền chính trị độc đảng, một mình một chiếu, vừa đá bóng vừa thổi còi, không có lực lượng ganh đua trung thực, không có thể lực giám sát công minh, không lấy công luận và cử tri làm trọng tài.

Đây là thiếu sót gốc, là lỗ hổng toang hoác của chế độ hiện hành.

Đó là cản trở không thể vượt qua dù cho người lãnh đạo mới có thiện chí, có ý định đổi mới chân thành. Vì không đổi mới tận gốc chế độ từ độc đảng sang đa đảng thì vẫn chỉ là chữa bệnh theo hiện tượng, không trị bệnh tận gốc. Mà bệnh quan liêu tham nhũng, vô trách nhiệm đã ăn sâu tận xương tủy như ung thư thời cuối rồi !

Điều này nhân dân đông đảo đã và đang nhìn ra rõ ràng, tường tận. Các anh chị em trí thức cũng nhận ra ngày thêm sâu sắc, tỏ tường. Cho đến tuổi trẻ, sinh viên học sinh cũng nhận ra. Anh chị em du học sinh càng nhận ra rất nhanh và dứt khoát. Chỉ trừ nhóm lãnh đạo chơ vơ trên

NHẬN DIỆN CÁC "THẾ LỰC THÙ ĐỊCH" !

Việt Hoàng

Câu chuyện được ghi lại trong một giờ học chính trị về chủ nghĩa Mác-Lênin tại một trường đại học trong nước.

Thầy : Hôm nay thầy cho phép các em được tranh luận công khai về đề tài chính trị Việt Nam và thế giới, thầy sẽ cố gắng giúp các em nhận diện được các thông tin "trái chiều" và "độc hại" mà các thế lực thù địch vẫn tuyên truyền lén lút trên internet, mặc dù Đảng và nhà nước ta đã đặt tường lửa để ngăn chặn các trang web này nhưng chắc chắn có nhiều em ở đây vì tò mò nên vẫn cố tình truy cập vào đấy. Nào ! Các em bắt đầu đi ?

Sinh viên : Thưa thầy, thế nào là các "thế lực thù địch" ạ ?

Thầy : Thế lực thù địch là tất cả những kẻ mà chúng ta vẫn thường nghe, đó là bọn "dân chủ", "phản động cấp tiến", và cả đám dân đen bị xúi giục biểu tình, rồi đám công nhân đình công, nói chung là tất cả những kẻ chỉ trích chính phủ và nói xấu đảng.

Sinh viên : Tại sao lại gọi là "phản động cấp tiến" ?

Thầy : Phản động cấp tiến là những kẻ tiến bộ, có hiểu biết nhưng phạm vào cái tội là "cầm đèn chạy trước ô tô", thầy ví dụ như trường hợp nhà bác học vĩ đại Galilê. Khi ông ta khẳng định rằng trái đất quay quanh mặt trời, dù rằng điều đó là đúng và bây giờ ai cũng phải công nhận nhưng vào thời của ông thì nó là quá sớm vì khi đó chính quyền (Thiên chúa giáo) khẳng định rằng mặt trời quay quanh trái đất. Chuyện đa nguyên đa đảng ở nước ta vẫn là quá sớm, có lẽ một vài chục, hay vài trăm năm nữa nếu một lúc nào đó đảng ta thấy cần thiết thì đảng sẽ cho phép. Bây giờ là quá sớm, quá sớm ! Kẻ nào đòi hỏi điều này đều có thể bị qui cái tội "phản động cấp tiến" !

Sinh viên : Thưa thầy em thấy có nhiều người bị qui tội là "phản động" ! Nên hiểu thế nào là "phản động" ?

Thầy : Phản động hiểu một cách đơn giản là "chống hoặc ngăn cản lại sự phát triển theo chiều hướng tự nhiên, tiến bộ".

Sinh viên : Thưa thầy, thế thì chính quyền Việt Nam ta dưới sự lãnh đạo của đảng đích thực là phản động rồi ! Đảng chống lại kinh tế thị trường bằng cách nâng đỡ và bảo hộ cho các doanh nghiệp nhà nước, chống lại chuyện đa nguyên đa đảng, chống lại xã hội dân sự, tiêu diệt tất cả các tiếng nói đối lập... trong khi tất cả các nước trên thế giới vẫn đang làm như vậy ?

Thầy : Em không được phát biểu lung tung như thế, người ngoài nghe được thì chết... thầy. Đây là giọng điệu của các "thế lực thù địch". Đảng ta quang minh và sáng suốt nhất trên trần gian này nên không thể là phản động được. Các em đã học về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa Mác-Lênin mà không nhận ra ai là "phản động" sao ? Chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin mới là chủ nghĩa đích thực và văn minh nhất, tiến bộ nhất mà loài người đang hướng tới. Tất cả những ai không chọn con đường này mới là phản động. Như vậy trừ Việt Nam và ba nước cộng sản anh em là không phản động còn lại đều là bọn phản động cả.

Sinh viên : Thưa thầy ! Nếu đảng ta cho rằng các giá trị như tự do, dân chủ, nhân quyền này nọ là của bọn tư bản, là ngoại lai, lỗi thời và không thể chấp nhận được với Việt Nam thì chủ nghĩa Mác-Lênin cũng là một thứ chủ nghĩa ngoại lai đấy thôi ? Ông Mác là người Đức và ông Lênin

 đính chớp.

Quốc hội đa đảng mới là quốc hội thứ thiệt

Thế giới có gần 200 nước, hơn 70 nước đã là các nước dân chủ thuần thực theo chế độ nghị viện đa đảng, gần 70 nước khác cũng đã là các nước dân chủ theo nhiều trình độ khác nhau, nhưng đều có tự do báo chí, tự do tôn giáo và bầu cử tự do, và đều theo chế độ đa đảng.

Còn lại khoảng 40 nước độc đoán, độc đảng, không có hay hạn chế tự do báo chí, tự do tôn giáo, không có tự do bầu cử (vì theo kiểu đảng cử dân bầu) như Trung Quốc, Bắc Hàn, Cuba, Việt Nam, Miến Điện, Angola, Lybia, Zimbabwe, Ethiopia, Nigeria, Somalia, Iran... Sao ta cứ an phận mãi ở cái vị trí lạc hậu không về vang này !

Ai cũng biết 20 nước có thu nhập cao nhất thế giới, trong đó người lao động có thu nhập cao, công dân có bảo hiểm đầy đủ, có trợ cấp xã hội về nhà cửa, lao động, thất nghiệp, tàn phế, cô đơn, bệnh tật, tai nạn... đầy đủ nhất đều thuộc 70 nước có nền dân chủ đa đảng lâu đời, có quốc hội thứ thiệt là quốc hội đa đảng, không có một ngoại trừ

nào cả.

Đến bao giờ lãnh đạo đảng cộng sản, bao giờ quốc hội Việt Nam nhận ra sự thật đơn giản và rõ ràng ấy, để trả lại xã hội ta quyền tự do lập hội, lập đảng, để nước ta gia nhập đội ngũ các nước tân tiến của loài người, để nhân dân ta vĩnh viễn thoát khỏi bất công và lạc hậu. Sự hù dọa đa đảng sẽ dẫn đến hỗn loạn là luận điệu dựng đứng vu cáo dân tộc ta, vì nhân ta thừa đủ sáng suốt và trưởng thành để chuyển sang chế độ đa đảng trong trật tự và ổn định, trong luật pháp và hòa bình. Một không khí cạnh tranh chính trị sôi nổi, lành mạnh, hấp dẫn công luận sẽ diễn ra.

Sẽ vui, và hấp dẫn hơn cả World Cup 2006 nhiều !

Điều ấy tất yếu đang đến. Nó phải đến như chế độ vua quan phải qua, như chế độ phong kiến đã phải chấm dứt. Như đêm phải qua cho mặt trời ló dạng. Vấn đề là cổ động sự thức tỉnh của toàn dân, của tuổi trẻ cho nó đến nhanh, đến sớm để đỡ lãng phí thời gian của dân tộc ta bị phí phạm quá nhiều rồi !

Bùi Tín (Paris)

là người Nga kia mà ?

Thầy : Đúng là cái tự do, dân chủ, nhân quyền là sản phẩm của bọn tư sản đế quốc, chỉ có bọn đế quốc mới dùng được thôi còn người Việt Nam ta nhất định không dùng và không bao giờ dùng được mấy thứ nhỏ nhằng đó. Còn chủ nghĩa Mác-Lênin lại là chuyện hoàn toàn khác. Hai ông này mới đích thực là vĩ nhân, chủ nghĩa cộng sản mới đích thực là tương lai của loài người, khi đến đó mọi người sẽ sống trong một thế giới đại đồng, làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu, có nghĩa rằng ai muốn làm việc thì làm ai không muốn làm thì thôi, muốn ăn gì ? dùng cái gì ? đi xe gì ? thì cứ việc. Bọn phản động nó cứ bảo láo lếu rằng đây là "bánh vẽ", các em không được tin chúng nó. Hơn nữa Bác Hồ kính yêu của chúng ta vất vả lắm mới đem được học thuyết tuyệt vời này về Việt Nam và khai sáng cho đám dân đen.

Sinh viên : *Thế thì theo thầy bao nhiêu lâu nữa mới đến ngày huy hoàng đó của chủ nghĩa cộng sản ? và nếu nó tốt đẹp như thế tại sao Nga và các nước Đông Âu khác lại từ bỏ nó ?*

Thầy : Em hỏi thế thì đến bố thầy cũng chịu. Thầy nghĩ kể cả ông Mác, ông Lênin cũng không biết được, hai ông cũng cứ tiên đoán bừa thế. Nhưng các em phải tin vào điều đó vì Bác của chúng ta, đảng của chúng ta đã bảo "ngày ấy" sẽ đến thì chắc chắn nó sẽ đến. Các em phải... kiên nhẫn, phải biết chờ đợi, phải biết hy vọng. Đời thầy thì không mong chờ được thấy ngày huy hoàng đấy rồi, đời các em thầy nghĩ cũng thế nhưng các em cứ tin đi, đời con, đời cháu... các em sẽ được chứng kiến thôi mà. Còn nhân dân các nước Đông Âu họ không kiên nhẫn và có một niềm tin sâu sắc như người Việt Nam ta nên họ đã vội vã từ bỏ con đường hạnh phúc để chạy theo tiếng gọi thấp hèn của chủ nghĩa vật chất mà bọn đế quốc mời gọi. Chủ nghĩa cộng sản ở các nước đó chỉ "tạm thoát trào" thôi. Một ngày đẹp trời nào đó nhân dân sẽ nhận ra bộ mặt thật của chủ nghĩa tư bản bẩn thỉu và xấu xa thì họ sẽ vùng dậy và đập tan chế độ theo đuôi đế quốc đó.

Sinh viên : *Vâng, chúng em sẽ chờ đợi và hy vọng. Và chúng ta phải đời đời biết ơn Bác, ơn đảng ?*

Thầy : Tất nhiên là như thế. Không có Bác và đảng thì chúng ta mất nước về tay bọn đế quốc lâu rồi. Em cứ bình tĩnh, khoan hãy phản đối. Thầy biết em định nói gì rồi. Em sẽ lý luận rằng bây giờ làm gì có nước nào bị làm thuộc địa hay bị xâm chiếm nữa chứ gì ? Thậm chí còn có ý kiến cực kỳ phản động cho rằng nếu không có đảng và Bác thì sẽ có đảng khác, bác khác. Không cần đánh nhau thì bọn đế quốc cũng phải trao trả độc lập cho chúng ta như các nước khác ở Đông Nam Á. Ấu trĩ hết chỗ nói ! Vì Việt Nam ta dưới sự lãnh đạo của Bác và đảng đã đánh tan hệ thống thuộc địa của bọn đế quốc nên chúng mới hoảng sợ trao trả chủ quyền cho các nước đã từng là thuộc địa của chúng. Theo thầy, trong công cuộc cách mạng vĩ đại này của đảng có một điều đáng buồn là Việt Nam và đảng ta làm để cho bọn khác hưởng "cốc mò cò xơi", các nước Đông Nam Á tự nhiên được hưởng lợi độc lập từ cuộc kháng chiến vĩ đại của đảng ta. Nếu không có Bác và đảng thì chúng ta vẫn

mãi mãi là thuộc địa tay sai của đế quốc. Em thấy bọn Hàn Quốc hay Đài Loan chúng giàu có thật nhưng cũng chỉ tay sai của đế quốc Mỹ mà thôi.

Sinh viên : *Thế tại sao chúng ta lại đi làm thuê cho bọn tay sai này làm gì ? Sao không gọi chúng sang làm thuê cho ta ? Mà nhân dân mình muốn đi làm thuê cho chúng cũng không dễ, phải mất rất nhiều tiền mới đi được ?*

Thầy : Đây là chiến lược của đảng ta. Phải cử người sang đó lao động để xem xét và nghiên cứu xem chúng sẽ bị "giã chết" như thế nào để đảng ta còn có biện pháp đề phòng. Hơn nữa cử người sang đó lao động là cơ hội để trao đổi văn hóa và truyền bá tư tưởng vĩ đại của Mác và Lênin cho giai cấp cần lao của các nước đó. Để họ còn biết mà đấu tranh chống lại bọn tư bản địa chủ bóc lột. Thật ra dân các nước đó họ khổ lắm mà họ có biết đâu ? Người Việt Nam ta sang đó sẽ mở mắt cho họ thấy bộ mặt thật của bọn đế quốc. Ngoài nghĩa vụ lo cho nhân dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa cộng sản, đảng ta còn có nhiệm vụ quốc tế thiêng liêng là dẫn dắt các dân tộc khác cùng tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Sinh viên : *Thế sao Việt Nam vẫn nằm trong những nước nghèo nhất trên thế giới ?*

Thầy : Chúng ta vừa đánh bại tên đế quốc đầu sỏ là Mỹ, đã phải quay sang đánh tên cộng sản đàn em láo lếu Pôl Pốt, tay sai của bọn Bắc Kinh. Rồi bọn bành trướng bá quyền Trung Quốc. À ! Đây là thầy nói trước đây chứ còn bây giờ thì quan hệ Việt Nam-Trung Quốc rất tốt đẹp, rất thâm tình đồng chí, anh em, là biểu tượng của tình đoàn kết vĩ đại của những người cộng sản. Cái vụ họ bắn chết ngư dân Thanh Hóa ấy à ? Họ nhầm thôi, đảng cũng bỏ qua vụ này rồi, có gì là nghiêm trọng đâu. Các thế lực thù địch tấn công chúng ta từ mọi phía, tàn dư chúng để lại cũng rất nhiều như nghiện ngập, đi điểm cờ bạc, rồi thiên tai bão lụt, rồi dân trí người Việt còn thấp, đất nước ta sống nhờ vào nông nghiệp là chính... Nói thật nếu đảng ta không thông minh và sáng suốt, tài tình linh hoạt chèo lái con thuyền quốc gia thì có lẽ bây giờ người Việt Nam ta thành người... thiên cổ hết rồi. Đừng bao giờ quên công lao trời biển đó của đảng.

Sinh viên : *Thưa thầy, thế tại sao các nước khác không có Bác vĩ đại và đảng sáng suốt mà sao họ vẫn sướng hơn chúng ta ?*

Thầy : Đừng có nhìn bề ngoài mà vội đánh giá một sự việc bên trong. Họ có cuộc sống giàu có và sung sướng thật đấy, nhưng đấy chỉ là hào nhoáng bên ngoài thôi. Bên trong họ khổ lắm. Bọn tư bản nó bóc lột nhân dân các nước đó rất tàn bạo và tinh vi nên các em chưa thấy đó thôi. Mình nghèo nhưng được cái tự do. Muốn làm gì thì làm, miễn đừng dây vào chính trị là được. Em thấy có ai sướng như dân mình không ? Uống rượu say vẫn lái xe máy, xe ô tô vù vù, có sao đâu ? Còn ở các nước khác là cảnh sát phạt rất nặng tội đó đấy ! Em hỏi vì sao Việt Nam sung sướng hơn mà không thấy thằng tư bản nào xin tị nạn cả mà chỉ có người mình chạy sang các nước đó sinh sống bất hợp pháp dù bị bắt bớ và khinh rẻ ấy à ? Bọn tư bản chúng nó là thế ! Cực khổ quen rồi, bị chèn ép đè nén quen rồi

nên sang Việt Nam được tự do thoải mái quá đậm ra chúng nó khó chịu không ở được.

Sinh viên : *Thưa thầy, Việt Nam đã được những thành tựu gì lớn nhất từ trước đến nay để cả thế giới phải công nhận ạ ?*

Thầy : Các em không chịu đọc báo gì cả. Thành tựu vĩ đại nhất của Đảng Cộng Sản Việt Nam sau 31 năm giải phóng là đã có thành tích nổi bật trong việc xóa đói giảm nghèo, được Liên Hiệp Quốc công nhận và đánh giá cao, trong khi đó các nước tư bản chủ nghĩa đã không làm được điều này.

Sinh viên : Vâng ! Em hiểu rồi và hiểu thêm là ở các nước tư bản dân họ có nghèo đói đâu mà phải chống ? Thế còn chuyện quan chức Việt Nam tham nhũng thì thế nào ạ ?

Thầy : Chuyện đó ở đâu mà không có, kể cả ở Mỹ. Chúng ta đang thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa nên sẽ có những sự cố nhỏ nhỏ, mà mấy ông tham nhũng đâu có nhiều, chỉ có những ông có chức lớn như Bùi Tiến Dũng, Nguyễn Việt Tiến mới có điều kiện tham nhũng nhiều như vậy, còn mấy anh công an giao thông ăn tiền vôi vĩnh là chuyện nhỏ, họ chỉ cải thiện thêm cho cuộc sống khó khăn của họ mà thôi, lương của họ làm gì đủ sống ? Em vẫn không quên câu nói "làm nghề gì ăn nghề ấy" chứ ? Mà thầy cũng không hiểu báo chí Việt Nam cũng làm rùm beng lên làm gì mấy cái chuyện này không biết ? để rồi các "thế lực thù địch" nó lợi dụng công kích. Mấy ông này "ăn tiền" mãi, rồi cũng đến lúc phải "no tiền" và sẽ không còn tham nhũng nữa, việc gì mà phải chống cho mất công. Mà nhiệt tình quá trong việc chống tham nhũng lại trở thành những kẻ "phản động cấp tiến" như ông Phạm Quế Dương ngay, em có biết vụ đó không ? À mà thầy quên, vụ đó "ta" chỉ xử kín nên làm sao các em biết được ?

Sinh viên : *Ngày xưa đảng kêu gọi "đánh Mỹ cứu nước" bây giờ lại mời Mỹ vào để xây dựng đất nước, thế là thế nào ạ ? Bố em từng khoác ba lô "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" cũng không hiểu nổi tại sao như vậy ? Trước đây đảng sai và bây giờ đảng đúng ạ ?*

Thầy : Đảng không bao giờ sai ! Trước đây, bây giờ và mãi mãi sau này. Các em hãy coi đây như một chân lý nếu các em muốn được... yên thân. Chúng ta đã đánh Mỹ và sẽ tiếp tục đánh Mỹ và bọn đế quốc đến cùng. Thế nhưng trong giai đoạn chủ nghĩa cộng sản đang thoái trào trên toàn thế giới, chỉ còn bốn nước cộng sản còn lại là trung kiên đến cùng với chủ nghĩa của Mác và Lênin. Trước tình hình khó khăn đó chúng ta phải tạm thỏa hiệp với chúng, mục đích là kêu gọi đầu tư để thu hút nguồn tiền vô tận của bọn đế quốc, học hỏi những kinh nghiệm làm ăn của chúng, tích lũy vốn để tăng cường cho quốc phòng. Chúng ta thắt chặt quan hệ một cách toàn diện với Trung Quốc, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng để không xa rời con đường chính là tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Các em tưởng tượng thế này cho dễ nhé : chúng ta đang quyết tâm đi đến một cái đích rất quan trọng đó là chủ nghĩa cộng sản nhưng trên con đường khó khăn đó có lúc sẽ gặp phải chướng ngại vật, đó là sự phá hoại của bọn đế

quốc và vì thế chúng ta phải tạm thời đi vòng theo con đường nhỏ cho dù có bụi rậm và khó đi, đó là con đường mà bọn tư bản vẫn đi, khi có điều kiện ta sẽ quay trở lại con đường cái chính thênh thang để đi tới bến bờ của hạnh phúc. Khi đó một mình chúng ta và ba nước cộng sản anh em tự do thoải mái đi trên con đường rộng lớn và thênh thang vì chỉ có một mình chúng ta mới đủ khôn ngoan để tìm cho mình một con đường đi tới hạnh phúc và vinh quang.

Sinh viên : *Thưa thầy...*

Thầy : Thôi, hôm nay đến đây là đủ, hôm sau thầy sẽ giải thích tiếp cho các em những vấn đề khác. Cái quan trọng nhất cần ghi nhớ là hãy tin rằng chủ nghĩa Mác-Lênin là vô địch thiên hạ và đảng ta lúc nào cũng vĩ đại và sáng suốt. Điều này rất quan trọng vì nếu các em không còn tin vào những điều này thì những người như thầy biết... làm gì để sống. Bao nhiêu năm nay thầy chỉ biết đọc và nghiên cứu về chủ nghĩa Mác-Lênin. Thầy không có nghề gì khác để mưu sinh. Tuổi thầy giờ cũng cao rồi, có muốn thay đổi cũng không còn thời gian nữa. Em nào không tin vào những gì thầy nói thì cũng vì thương thầy mà đừng phản đối làm gì. Sau này khi các em ra trường rồi thì cuộc sống sẽ làm các em mở mắt ra, khi đó các em muốn làm gì hãy làm, các em nhé !

Việt Hoàng (Moskva) ghi lại

Đã tái bản

TỔ QUỐC ĂN NĂN

của

NGUYỄN GIA KIỂNG

Có sửa chữa và bổ túc, thêm lời tựa cho lần in thứ hai.

Liên lạc :

Nguyễn Gia Kiểng - 11 Mail Le Corbusier,
77185 Lognes, France - Email : kqhh@aol.com

Giá bán (đã kể cước phí bưu điện) :

- Tại châu Âu : 30 Euro, chi phiếu xin đề : **Nguyễn Gia Kiểng**, và gửi về địa chỉ như trên.

- Tại Hoa Kỳ : 35 USD, chi phiếu xin đề : **Nguyen Ngoc Oanh**, và gửi về địa chỉ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151, USA.

- Tại Úc : 50 AUD, chi phiếu xin đề : **Thu S. Duong**, và gửi về địa chỉ : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

Có bán tại nhà sách **KHAI TRÍ**, 93 avenue d'Ivry, 75013 Paris. ĐT : 01 45.82.12.40 - 01.45.82.95.81

Tổ Quốc Ăn Năn đã là cuốn sách chính luận gây thảo luận sôi nổi nhất trong ba năm qua ở cả trong lẫn ngoài nước.

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG THÔNG LUẬN

Nhìn lại hai cuộc Cách Mạng Pháp 1789 và Việt Nam 1945

Nguyễn Gia Kiểng

Chúng ta ở trong thời điểm kỷ niệm hai cuộc cách mạng, Cách Mạng Pháp 1789 và Cách Mạng Việt Nam 1945. Lý do để nhắc tới cùng một lúc trong bài này hai biến cố đó không phải vì chúng cùng xảy ra trong mùa hè mà vì chúng diễn ra dưới tác động của cùng một phong trào : phong trào lãng mạn (the romantic movement, le mouvement romantique). Phong trào này phải được nói tới vì ảnh hưởng quan trọng của nó trong lịch sử thế giới và nước ta. Chúng ta còn đang gánh chịu những hậu quả của nó.

Phong trào lãng mạn, như một trào lưu tư tưởng đã bắt đầu tại Pháp trong thế kỷ 18, thế kỷ nở rộ của văn học, nghệ thuật và tư tưởng, và thường được gọi là Thế Kỷ Ánh Sáng.

Khuynh hướng lãng mạn thời nào cũng có ở mọi quốc gia đã đạt tới một mức độ văn minh nào đó. Nó là phản xạ tự nhiên của con người trước những gò bó của xã hội, là một cố gắng vượt thoát khỏi thực tại và cũng là một động cơ của tiến bộ. Mọi nghệ sĩ lớn không nhiều thì ít đều lãng mạn. Nhưng nói chung tư tưởng lãng mạn chỉ đột xuất, chợt đến và qua đi, ở từng người, trong một số ít người. Nó đã chỉ trở thành một trào lưu tư tưởng mạnh, hướng dẫn cách suy nghĩ và hành động vào thế kỷ 18 tại Pháp rồi từ đó lan ra các nước khác. Sang thế kỷ 19 trung tâm phong trào lãng mạn chuyển sang nước Đức vừa thống nhất và trở thành một luồng tư tưởng chính trị mãnh liệt. Luồng tư tưởng này, phối hợp với các điều kiện lịch sử và văn hóa của mỗi nước châu Âu đã đẻ ra các chủ nghĩa quốc gia quá khích, cộng sản, phát xít và nazi.

Người Pháp ngay từ thế kỷ 17 đã nâng niu một điều mà họ gọi là *la sensibilité*, tạm dịch là sự nhạy cảm, nhưng thực ra rất khó dịch vì là một đặc sản của tiếng Pháp. Nó có nghĩa là khả năng xúc động và cảm thương một cách dễ dàng và mãnh liệt không có sự can thiệp của lý trí. Một người lãng mạn có thể xúc động mạnh mẽ trước một cảnh đau lòng nhưng lại đứng đưng trước một kế hoạch tỉ mỉ để cải thiện xã hội, cải thiện dân sinh. Lý luận phải vắng mặt để sự nhạy cảm, *la sensibilité*, được chân chính và toàn vẹn. Trái tim là tất cả.

Con người đã đưa khuynh hướng lãng mạn lên thành một phong trào tư tưởng mãnh liệt tại Pháp, đồng thời biến nó từ một phong trào thơ văn thành một thái độ chính trị áp đảo là Jean-Jacques Rousseau (1712-1778). Ông sống bụi đời từ thời thơ ấu, đi bộ lang thang khắp đó đây, khi sống nhờ những gia đình giàu có, khi nhờ vả những người cũng nghèo khổ như ông và đáp lại một cách rất tẻ bạc. Ông lấy một người vợ xấu xí, dốt nát, có được năm đứa con đem bỏ hết vào trại mồ côi và không bao giờ biết đến chúng nữa. Nói chung là một cuộc sống hoàn toàn thiếu cái thường được gọi là liêm sỉ và đạo đức. Nhưng điều này không làm Rousseau áy náy vì ông yên trí là đã có trái tim nhạy cảm. Rousseau cảm xúc thực tình và diễn tả cảm xúc

của mình bằng những câu văn trác tuyệt. Rousseau là một nhà văn thiên tài. Văn chương của ông đã khiến người ta say mê, chấp nhận những ý kiến của ông và tạo ra cả một phong trào lãng mạn áp đảo mà ảnh hưởng kéo dài suốt hai thế kỷ, và ở một chừng mực nào đó còn kéo dài tới ngày nay.

Rousseau chống lại văn minh, ông cho rằng văn minh làm hư hỏng con người ; ông chống lại giáo dục, ông cho rằng con người hoang dại suy nghĩ đúng nhất vì suy nghĩ một cách trong sạch. Ông chủ trương phải hủy bỏ quyền tư hữu, hủy bỏ mọi tổ chức sinh hoạt kinh tế, chấm dứt cuộc cách mạng kỹ nghệ vừa bắt đầu lúc đó để trở lại với cuộc sống giản dị và thơ mộng của nông thôn. Những người lãng mạn theo Rousseau đặt cái đẹp và cảm xúc mạnh lên trên hết. Họ yêu con cạp xé xác họ vì nó đẹp và dữ tợn hơn là con bò cho họ sữa uống và thịt ăn vì con bò hiền lành và tầm thường. Đập phá hứng thú hơn xây dựng vì đập phá cho cảm xúc mạnh trong khi xây dựng đòi hỏi mồ hôi và sự nhẫn nại, những cái mà trường phái lãng mạn ghét nhất. Cái chết đáng yêu hơn sự sống vì cái chết bí ẩn và gợi cảm hơn cuộc sống đều đặn và tẻ nhạt, chết trong tuổi thanh xuân là rất thơ mộng.

Không phải chỉ có người Pháp mà hầu như mọi nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng cuộc Cách Mạng Pháp 1789 đã chịu ảnh hưởng quyết định của trường phái lãng mạn mà Rousseau được coi là cha đẻ. Công bằng mà nói, cuộc cách mạng này là đứa con chung của hai người rất khác nhau, John Locke và Jean-Jacques Rousseau. John Locke (1632-1704), trước Rousseau gần một thế kỷ, là một con người thông thái, hiền hòa, cha đẻ của tư tưởng dân chủ và nhân quyền, bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Mỹ năm 1776 cũng như bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của Pháp năm 1789 có nhiều câu gần như nguyên văn của ông. Lý trí của cuộc cách mạng này, thể hiện qua các văn bản và định chế, là của Locke nhưng tình cảm và động cơ của nó là của Rousseau. Nó đã là một cuộc cách mạng đẫm máu và kinh hoàng, trong đó người ta đập phá và chém giết thả cửa. Sau khi đã tiêu diệt giới quý tộc và hàng giáo phẩm, nó quay lại tàn sát chính người người đã hô hào chủ xướng nó như Danton, Condorcet, v.v. Sự tàn sát đã đạt tới cao điểm trong giai đoạn được gọi một cách chính xác là *La Terreur* (Kinh Hoàng) khi Robespierre và Saint Just cầm quyền. Quốc ca của nước Pháp ngày nay vẫn là bài *La Marseillaise* của Rouget de Lisle, nó kêu gọi :

Công dân ơi, hãy cầm khí giới ! Hãy thành lập những đạo quân ! Tiến lên ! Tiến lên ! Để máu tanh hôi tràn ngập ruộng đồng ! (Aux armes, citoyens ! Formez vos bataillons ! Marchons, marchons ! Qu'un sang impur abreuve nos sillons !).

Trong biển máu tanh hôi đó có cả máu của Rouget de Lisle vì sau đó chính ông cũng bị hành quyết.

Nhưng ảnh hưởng của trường phái lãng mạn không

dừng lại ở cuộc cách mạng này, tâm lý bạo lực và chém giết tiếp tục nuôi dưỡng các cuộc chiến tranh thảm khốc của Napoléon sau đó bởi vì giết chóc và chiến tranh không bị nguyên rũa mà còn được coi là hùng tráng. Trước 1789, Pháp là nước lớn nhất châu Âu, mạnh hơn tất cả phần còn lại của châu Âu cộng lại. Sau đó, nước Pháp kiệt quệ và không gượng dậy được. Pháp cho tới bây giờ vẫn còn là một bí ẩn : tại sao một nước có lãnh thổ lớn, khí hậu tốt, vị trí tuyệt vời, đất đai phì nhiêu, trí tuệ cao, văn hóa phong phú mà không vượt nổi các nước châu Âu khác, không những thế còn thua sút ? Vết thương của cuộc Cách Mạng 1789 vẫn chưa lành.

Chúng ta đã nói cuộc cách mạng này là sản phẩm của hai luồng tư tưởng rất trái ngược nhau, tiêu biểu bởi John Locke và Rousseau. Mới đầu sự trái ngược này không được ý thức, nhưng sau đó sự đối chọi của chúng trở thành rõ rệt không thể dung hòa. Chúng đã tách ra hai lối đi khác nhau. Hậu duệ của John Locke là những Washington, Jefferson, Churchill, de Tocqueville, v.v. và các chế độ dân chủ. Hậu duệ của Rousseau là những Karl Marx, Bakunin, Auguste Blanqui, Saint Simon, Nietzsche, Schopenhauer, Hitler, Mussolini, Lenin, Stalin, v.v. và các chế độ cộng sản, phát xít, Nazi. Một đại lộ thênh thang và những ngõ cụt đâm máu.

Tôi biết đến Jean-Jacques Rousseau lần đầu tiên khi học sử thế giới ở các trường trung học Việt Nam, các cuốn sách sử Việt Nam và các thầy giáo của tôi ca tụng cuộc Cách Mạng Pháp 1789 như là một cột mốc đánh dấu một bước tiến vĩ đại của nhân loại và Rousseau như là một ân nhân của nhân loại vì đã là người khai sáng ra cuộc cách mạng đó. Tôi ngưỡng mộ Rousseau như mọi thanh niên Việt Nam vì chúng tôi đã được dạy bảo để ngưỡng mộ ông. Tại Pháp tôi đọc các tác phẩm của Rousseau và rất thất vọng. Khi thấy Hegel và Karl Marx nằm trong luồng tư tưởng Rousseau, tôi cũng tìm đọc và cũng có cùng một thái độ. Cả Rousseau và Marx đều có đặc tính chung của trường phái lãng mạn : hời hợt, hồ đồ và mâu thuẫn trong lý luận nhưng lại quả quyết, tuyệt đối và quá khích trong các kết luận.

Rousseau ca tụng nông dân nhưng ông chưa bao giờ làm nghề nông hay chia sẻ nếp sống của nông dân, ông chỉ là một người lang thang. Marx đề cao giai cấp công nhân và đưa ra cả một lý thuyết kinh tế, nhưng ông là một nhà báo và một học giả, không biết gì về cuộc sống công nhân và mù tịt về kinh tế. Tôi chưa bao giờ bị cám dỗ vì những gì họ đã nói và viết, hơn thế nữa còn bác bỏ một cách không nể nang trong mọi phát biểu, dù thập niên 1960, lúc tôi là sinh viên, là thời điểm mà tại Pháp người ta cho rằng một người trí thức đương nhiên phải theo chủ nghĩa Marx.

Phải nhấn mạnh một điều : chính Rousseau chứ không phải Marx mới là cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản và các chế độ cộng sản. Rousseau hô hào một chế độ cộng sản nông dân, trong khi Marx coi giai cấp công nhân là nền tảng. Tất cả các chế độ cộng sản được thành lập - dù tại Nga, tại Trung Quốc, tại Cao Ly, tại Việt Nam, Cuba hay mọi nước khác - đều là chế độ cộng sản nông nghiệp lấy nông dân

làm nền tảng. Cái ý kiến cho rằng chỉ những người nông dân mộc mạc vô học mới là những lãnh tụ tốt cũng là của Rousseau chứ không phải của Marx. Sở dĩ các chế độ cộng sản đề cao Marx thay vì Rousseau là vì Marx đưa ra cả một chủ nghĩa bề ngoài có vẻ hệ thống và mạch lạc, bao gồm cả lịch sử, triết học và kinh tế và do đó đem lại cho các chế độ cộng sản một hệ thống lý luận hào nhoáng trong cuộc tranh cãi ý thức hệ với phe dân chủ. Nhưng các chế độ cộng sản đã là con đẻ của Rousseau chứ không phải của Marx. Sự kiện các chế độ quốc gia chống cộng tại Việt Nam, với đầy rẫy những người có bằng cấp đại học, ái mộ Rousseau mà không có lấy *một người* nhận ra ông vừa bệnh hoạn vừa là cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản đang đe dọa tiêu diệt họ là một bằng chứng hùng hồn rằng người Việt Nam chỉ học để nhồi đầy đầu chứ không phải để biết suy nghĩ.

Trở lại với cuộc Cách Mạng Tháng 8-1945. Ảnh hưởng của trường phái lãng mạn rất rõ rệt. Quá rõ rệt. Có lẽ vì Pháp đô hộ Việt Nam mà những thảm họa đã xảy ra cho Pháp một thế kỷ rưỡi trước đã được lập lại một cách gần như trọn vẹn. Cũng như tại Pháp, phong trào lãng mạn Việt Nam đã khởi đầu, từ thập niên 1930, từ thơ văn với cùng một tinh thần : tìm cảm giác mạnh, say mê sự dữ dội, xa lạ, rừng rợn và cuồng nhiệt, hành động để thỏa mãn cảm xúc, bất chấp kết quả và hậu quả.

Thế Lữ có lẽ là người đại diện tiêu biểu nhất của trường phái lãng mạn tại Việt Nam trước Cách Mạng Tháng 8.

Anh dù bảo tính tình tôi thay đổi
Không chuyên tâm không chủ nghĩa nhưng cần chi
Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẻ đẹp của muôn hình muôn vẻ
...

Cảnh vĩ đại sóng nghiêng trời thác ngàn đổ
Nét mong manh thấp thoáng cánh hoa bay
Cảnh cơ hàn nơi nước động bùn lầy
Thu xán lạn mơ hồ trong ảo mộng
Cảnh nỏ nức ganh đua đòi náo động
Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê

Vẻ đẹp là tất cả, dù là "cảnh cơ hàn nơi nước động bùn lầy", miễn là tạo ra cảm xúc. Nên lưu ý là tác giả không hề bày tỏ một ý chí nào để chấm dứt cảnh cơ hàn đó, trái lại ông say mê nó. Lãng mạn, yêu cảm xúc mạnh và tự nhiên dẫn tới sự say mê bạo lực và sự dữ tợn ; Thế Lữ cũng yêu con cộp hung dữ hơn con trâu hiền lành, như ông diễn tả trong bài *Nhớ rừng*, nói về con cộp :

Với tiếng gió gào ngàn với giọng nguồn hét núi
Với khi thét khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên đông dặc đường hoàng
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm lá gai cỏ sắc
Trong hang tối mất thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi
Ta biết ta chúa tể cả muôn loài.

Dù con cộp đây chỉ là con cộp trong cũi, đã bị con người nhỏ bé tầm thường bắt nhốt để "làm trò lạ mắt, thú đồ

chơi".

Chắc chắn Thế Lữ chịu ảnh hưởng sâu đậm của Rousseau. Ông tự giới thiệu "*tôi là người bộ hành phiêu lãng*" như hình ảnh của Rousseau. Chỉ khác một điều Rousseau đích thực là một người bộ hành phiêu lãng, trong khi Thế Lữ chỉ là một khách bộ hành phiêu lãng trong trí tưởng tượng. Ông sống ở thành phố. Cảm hứng tuy vay mượn nhưng cũng rất mãnh liệt. Ảnh hưởng của Thế Lữ và trào lưu thi ca lãng mạn rất lớn. Nguyễn Ngọc Huy, một nhà cách mạng kiên trì phấn đấu cho tới hơi thở cuối cùng, cũng chịu ảnh hưởng lớn của Thế Lữ. Những bài thơ của Nguyễn Ngọc Huy, dưới bút hiệu Đăng Phương, mượn nhiều của Thế Lữ cả về cả âm điệu lẫn hình ảnh và cách dùng từ. Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), một nhà cách mạng nổi tiếng, cũng lãng mạn. Nhân vật Dũng trong *Đôi bạn* của ông, không cần biết đi làm cách mạng để làm gì và phải làm thế nào để thành công, chỉ thích cuộc đời gian lao, mưa gió. Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng không khác bao nhiêu, làm cách mạng một cách lãng mạn, say mê bạo lực dù không có phương tiện của bạo lực để rồi ngã gục trước bạo lực.

Cũng như Cách Mạng 1789 tại Pháp, Cách Mạng Tháng 8 tại Việt Nam đã xảy ra trong một bối cảnh mà phong trào lãng mạn đã đạt tới cao điểm. Phong trào này với bản chất phóng đảng không chuyên tâm, không chủ nghĩa, không tổ chức và không tham vọng không thể tự nó gây ra một cuộc cách mạng nào nhưng đã tạo ra một tâm lý. Và khi một cuộc cách mạng xảy ra vì những lý do khác thì chính tâm lý này sẽ trở thành động cơ chính, sẽ nhào nặn, sẽ quyết định cách mà nó sẽ diễn ra, cũng như các kết quả và hậu quả của nó.

Cũng như Cách Mạng Pháp 1789, Cách Mạng Tháng 8-1945 đã diễn ra trong sự suy sụp của quyền lực chính trị. Tại Pháp năm 1789, ngân sách nhà nước cạn kiệt, vua Louis 16 phải triệu tập hội đồng quốc dân (états généraux) để đòi hỏi nhân dân những hy sinh mới vào giữa lúc mà tư tưởng dân chủ đã chín muồi sau hơn một thế kỷ thai nghén. Hội đồng quốc dân đã nhanh chóng trở thành hội đồng cách mạng lật đổ chế độ quân chủ. Tại Việt Nam, chính quyền thuộc địa Pháp bị Nhật lật đổ, rồi Nhật cũng thua trận và phải đầu hàng trong khi nguyện vọng độc lập đã lên cao. Đảng cộng sản dù lực lượng nhỏ, chỉ vài trăm người với kiến thức thô sơ và rất ít vũ khí, đã nắm được chính quyền vì là lực lượng duy nhất có tổ chức vào lúc đó. Phong trào lãng mạn đã đóng góp một cách quyết định vào thắng lợi của đảng cộng sản và, quan trọng hơn nữa, đã biện minh cho chính sách khủng bố tàn bạo mà nó áp dụng lúc đó và sau này trong suốt hai cuộc chiến được gọi là chống Pháp và chống Mỹ nhưng chủ yếu là những cuộc nội chiến, bởi vì bạo lực, phá hoại và giết chóc không những không bị lên án mà còn được say mê. Những bài ca kháng chiến một thời làm nức lòng người nói lên rất rõ tâm lý này.

Phạm Duy :

Lúc phá hết phố phường biệt ly đời gấm hoa

Người vui đời áo nâu quên hết ưu sầu

Đúng là các thành phố đã bị phá hủy trong chính sách tiêu thổ kháng chiến, nhưng làm gì có "đời gấm hoa" ? Lúc đó Việt Nam còn nghèo lắm, nhất là trước đó chỉ vài tháng đã có hai triệu người chết đói. Lúc Phạm Duy viết những câu này vẫn còn nhiều người lang thang xin ăn, vẫn còn những người tiếp tục chết đói.

Văn Cao còn dữ dội hơn nữa, bài *Tiến quân ca*, được lấy làm quốc ca, trong lời nguyên thủy của nó thôi thúc : "*thề phanh thây uống máu quân thù*". Quân thù đây không nhất thiết phải là quân ngoại xâm mà có thể là những người bị coi là Việt gian phản động vì Văn Cao là đội trưởng đội ám sát, theo chỗ tôi biết tất cả những người ông đã giết đều là người Việt.

Bài *Chiến sĩ Việt Nam* của Văn Cao có lẽ là bài hát tiêu biểu nhất cho tâm lý lãng mạn của thanh niên thời đó, nó là một trong những bài ca kháng chiến được coi là hay nhất và được hát nhiều nhất.

Là trang nam nhi quyết đến sa trường

Sống thác coi thường, mong xác da ngựa bọc thân thê trai.

Bừng nghe dư âm mệnh mông khúc anh hùng ca reo nơi biên cương, bao chiến mã lên đường !

Không những không sợ chết mà còn mong được chết ! Nhưng cần lưu ý một đặc tính rất Việt Nam ở đây là sự ước lệ, vay mượn và giả tạo. "*Trang nam nhi*", "*sa trường*" là những khái niệm cổ điển từ một thời rất xa xưa. Vả lại làm gì còn có "*da ngựa bọc thân*" và "*chiến mã*" ?

Cuộc chiến cũng đâu có diễn ra ngoài biên cương ! Giả tạo và ước lệ như thế nhưng cũng đủ để say máu. Chính sách khủng bố trong giai đoạn kế tiếp Cách Mạng Tháng 8 đã diễn ra trên cả nước một cách cực kỳ rùng rợn. Một người lạ mặt đi qua một làng có thể bị giết oan vì bị nghi là gián điệp. Không thể kể hết những nhân vật có tên tuổi bị sát hại. Các đảng viên, hoặc những người bị nghi ngờ là đảng viên, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, Đệ Tứ, v.v. bị tàn sát thẳng tay. Và đại đa số thanh niên Việt Nam ủng hộ Việt Minh vừa vì sợ vừa vì mê bạo lực.

Phải ý thức rằng lãng mạn và bạo lực đi đôi với nhau như cặp tình nhân mới hiểu tại sao một người bạc nhược và ham vui như Xuân Diệu có thể viết trong đợt Cải Cách Ruộng Đất câu thơ kinh khủng "*lời cổ bọn chúng ra đây, bắt chúng quì xuống đạp đây chết thôi*". Giải thích thông thường là Xuân Diệu bợ đỡ và hèn nhát, nhưng người ta vẫn có thể bợ đỡ và hèn nhát một cách khác.

Về mặt tâm lý, những gì giả tạo và vay mượn thường có sức sống dai dẳng hơn những cảm xúc chân thật vì chúng không được thấu hiểu và do đó khó bị phê phán. Trong suốt hai cuộc chiến, phương pháp của đảng cộng sản là khủng bố, phá hủy, ám sát, thủ tiêu nhưng trí thức Việt Nam nói chung không lên án đảng cộng sản vì thế. Những người chống cộng thường chống vì những lý do khác. Tôi đã gặp nhiều trí thức, trong đó có những bạn tôi, có cha mẹ bị cộng sản giết oan nhưng vẫn ngưỡng mộ đảng cộng sản, có khi còn theo cả phe cộng sản. Họ bị thu hút vì sự lãng mạn của bạo lực và cũng vì dư luận thế giới cho đến giữa thập niên 1970 ủng hộ đảng cộng sản. Sau này nhiều người trong họ

quay lại chống chế độ. Tôi nghĩ một phần cũng vì dư luận thế giới đã lên án chủ nghĩa và các chế độ cộng sản; người trí thức Việt Nam không quen suy nghĩ bằng cái đầu của chính mình.

Nước Pháp không gượng dậy được sau Cách Mạng 1789; từ một cường quốc mạnh nhất thế giới họ trở thành một cường quốc trung bình, trước khi trở thành một nước trung bình. Bạo lực cách mạng xuất phát từ chủ nghĩa lãng mạn và được nuôi dưỡng bởi chủ nghĩa lãng mạn đã chiếm giữ tâm hồn người Pháp và khiến Cách Mạng 1789 và giai đoạn *Kinh Hoàng* được nối tiếp bởi những cuộc chiến tranh chinh phục thảm khốc của Napoléon. Cuối cùng nước Pháp bại trận, kiệt quệ, chia rẽ và liên tục suy thoái.

Cũng thế, Cách Mạng Tháng 8 đã được nối tiếp bằng 30 năm chiến tranh với kết quả là chế độ cộng sản. Và người Việt Nam cũng đã quá kiệt quệ đến nỗi không còn đủ nghị lực và ý chí để tự giải phóng.

Một điều khác biệt giữa Cách Mạng 1789 và Cách Mạng Tháng 8: nếu Cách Mạng 1789 chỉ lãng mạn một cách ngây thơ và bông bột thì Cách Mạng Tháng 8 lại do một nhóm người chuyên nghiệp được huấn luyện theo kỹ thuật khủng bố của Nga, tổ quốc của đam mê, tàn bạo và khủng bố. Những người này lợi dụng phong trào lãng mạn cho tham vọng quyền lực và thống trị.

Đến đây cần trả lời một câu hỏi: tại sao chủ nghĩa lãng mạn - chủ nghĩa hiểu theo nghĩa rộng như là một cách sống - lại có thể sản sinh ra những chế độ toàn trị cộng sản, phát xít và Nazi?

Cần hiểu rõ tiến trình của sự chuyển hóa này vì nó không giản dị. Về cội nguồn và bản chất của nó, chủ nghĩa lãng mạn là sự nổi loạn đối với các tiêu chuẩn đạo đức và thẩm mỹ sẵn có. Như vậy nó nằm trong chiều hướng giải phóng cá nhân, nghĩa là tự do và dân chủ. Nhưng nó đã thiếu sự kiểm soát của lý trí và đã lạc hướng. Một chiếc xe mạnh có thể đưa tới nhanh điểm hẹn nhưng cũng có thể lao xuống vực thẳm. Phong trào lãng mạn đã có ít nhất hai tật nguyên khiến nó đã sản sinh ra những đứa con hung bạo.

Một là vì không đặt lại những vấn đề triết học, nó vẫn nằm trong triết lý cổ hữu của loài người kể từ khi nền văn minh ló dạng: **triết lý nhất nguyên**. Phải hiểu rằng từ thời thượng cổ cho đến thế kỷ 20 triết lý duy nhất của thế giới là nhất nguyên, và ngay cả bây giờ tư tưởng nhất nguyên vẫn còn rất mạnh. Đó là niềm tin rằng với mọi câu hỏi đích thực luôn luôn *có một và chỉ có một* giải đáp đúng. Giải đáp có thể chưa tìm ra nhưng vẫn có và chỉ có một, trừ khi chính câu hỏi được đặt sai. Nếu ta không tìm ra là vì ta kém, hay không đúng phương pháp. Ta không tìm ra thì sẽ có những vĩ nhân được trí tuệ soi sáng, những thánh nhân được sự mạc khải Thượng đế tìm ra, và nếu chính họ cũng chưa biết thì Thượng đế cũng biết. Nhưng giải đáp đích thực luôn luôn có và chỉ có một. Có Chân, Thiện, Mỹ. Và khi mọi giải đáp đúng cho mọi vấn đề lớn của nhân loại đã tìm thấy thì xã hội lý tưởng đã tìm được và kỷ nguyên

của hạnh phúc toàn diện bắt đầu. Có thiên đường.

Triết lý nhất nguyên đã là cội nguồn của mọi tôn giáo lớn. Nó cũng là lý do khiến cho đến giữa thế kỷ 20 người ta đã vật vã tìm kiếm những ý thức hệ giải quyết tất cả mọi vấn đề của loài người. Các tôn giáo khiếm tốn hơn, cho rằng thiên đường chỉ có ở đời sau, nhưng các nhà tư tưởng chính trị lại lạc quan hơn cho rằng có thể thực hiện ngay trên mặt đất này. Hegel và Marx tin rằng có một qui luật lịch sử khách quan, qui luật biện chứng, dẫn đến xã hội toàn hảo, dù mỗi người một cách, Hegel qua sự xung đột giữa các quốc gia, Marx qua đấu tranh giai cấp. Trước đó Rousseau tin rằng chỉ có tâm hồn trong sáng của người nông dân mới tìm ra được chân lý. Người Do Thái và tín đồ Thiên Chúa giáo cho rằng phải tìm chân lý trong kinh thánh. Plato cho rằng toán là con đường, các "vua hiền triết" (philosopher king) là người dẫn đường. Phương pháp khác nhau nhưng triết lý vẫn chỉ là một: triết lý nhất nguyên với niềm tin là có và chỉ có một giải đáp cho mọi vấn đề. Có chân lý và chân lý chỉ có một.

Và nếu chân lý đã chỉ có một thì sự hy sinh chỉ có ý nghĩa khi nó đúng hướng. Kẻ hy sinh tính mạng để chống lại cách mạng vô sản, hay để chống lại quyền lãnh đạo tất yếu của dân tộc Aryen, v.v. tùy theo cách nhìn của mỗi người chỉ là hy sinh một cách ngu xuẩn. Hơn nữa khi đường đi tới chân lý đã tìm được - và nhiều người nghĩ là họ đã tìm được dù những giải đáp của họ rất khác nhau - thì kẻ nào chống lại chỉ là kẻ cản trở đà tiến phải có của nhân loại và do đó phải bị tiêu diệt, hoặc ít là vô hiệu hóa. Triết lý nhất nguyên tự nó đã bất dung, nó còn bất dung hơn ở phương pháp lý luận nhị nguyên (dualism) của nó. Cái gì cũng chỉ phân biệt hai khả năng, thẩm mỹ có đẹp và xấu, đạo đức có thiện và ác, lý luận có đúng và sai, chính trị có ta và địch, bạn và thù.

Chủ nghĩa lãng mạn vẫn nằm trong tinh thần nhất nguyên, nhưng nó làm gia tăng sự bất dung do bản chất ưa cảm xúc mạnh, bạo lực và sự đập phá của nó.

Lý do thứ hai nằm ngay trong bản chất của phong trào lãng mạn. Lập trường của những người lãng mạn là **phủ nhận mọi giá trị phổ cập hiện có**. Họ nói: tôi hoàn toàn tự do, tôi tự tìm lấy và sống các giá trị của riêng tôi, tôi tự quyết định lấy tất cả. Nhưng *Tôi* là ai? Và tôi có thể hoàn toàn tự do được không? Trong thâm tâm con người tự biết mình ngu dốt, yếu kém, hèn nhát, thèm muốn, nhỏ mọn không thể đảm nhận được cái tự do tuyệt đối đó, càng không thể chịu hậu quả. Trừ khi chấp nhận làm kẻ phiêu lưu điên dại sống ngoài lề xã hội, ngoài vòng pháp luật và sau cùng bị đào thải như Byron, con người mau chóng tìm chỗ trú ẩn trong một cái tôi siêu hình và tập thể. Cái tôi lớn đó là một dân tộc, một giai cấp, một giáo hội, một đảng, v.v., trong đó cái tôi nhỏ - cá nhân - chỉ là một phần tử trong một tổng thể, một viên gạch trong một lâu đài, một tế bào trong một cơ thể, nghĩa là không đáng kể.

Rousseau, vẫn ông này, đã minh họa một cách rõ rệt tiến trình tha hóa này. Thúc đẩy bởi danh tiếng đã nổi như cồn vào lúc đó, ông cũng đua đòi muốn đưa ra một học

thuyết chính trị và đã viết cuốn *Du Contrat social* (Về Khế ước xã hội). Kết luận của Rousseau, sau một hồi lý luận, là muốn được hoàn toàn tự do, con người phải từ bỏ tất cả mọi tự do, phải chấp nhận tha hóa một cách tuyệt đối, tuân phục một cách tuyệt đối *Ý chí chung* (*La Volonté générale*). Nhưng ý chí chung là gì nếu không phải là ý chí của kẻ cầm quyền? Khởi hành từ sự tìm kiếm tự do cá nhân, Rousseau đã đi đến kết luận là phải hủy bỏ toàn bộ tự do cá nhân. Quả là một sự phá sản trí thức toàn diện. Chỉ có người Pháp mới coi Rousseau là một nhà tư tưởng chính trị lớn. (Họ nói Rousseau đã khởi xướng ra khái niệm khế ước xã hội. Điều này hoàn toàn sai, khái niệm khế ước xã hội đã được đưa ra một thế kỷ trước đó một cách hùng hồn bởi Thomas Hobbes và John Locke).

Khi đã chấp nhận hội nhập và đánh mất mình trong cái tôi tập thể đó, cá nhân mất mọi ý chí, chỉ còn tổ quốc, đảng, giai cấp và lãnh tụ. Tổ quốc trên hết, nước tôi đúng hay sai vẫn là nước tôi, tôi vẫn phải tuân hành mệnh lệnh của tổ quốc. Tôi làm như vậy không phải vì tôi thấy là đúng hay vì tôi thích mà vì đảng muốn, vì đó là quyền lợi của giai cấp, đảng và giai cấp nghĩ thay cho tôi. Còn những người lãnh đạo? Họ thể hiện chủ nghĩa lãng mạn của kẻ cầm quyền. Họ lãng mạn theo cách của kẻ cầm quyền. Họ tự cho phép hủy bỏ những giá trị phổ cập và đặt ra những giá trị và chuẩn mực. Và để những giá trị và chuẩn mực này không bị phản bác, tốt hơn hết những người khác không được có ý kiến.

Sự từ chối các giá trị phổ cập của loài người đã là một sự diên đại với hậu quả cực kỳ tai hại. Nó đã thả lỏng những bản năng, gây ra những thảm kịch chưa từng thấy và cuối cùng loại bỏ chính con người. Các giá trị phổ cập: sự sống, gia đình, tình bạn, tình yêu, sự nhường nhịn, thỏa hiệp, lòng bác ái, giữ lời hứa, không nói dối, không cướp của, không giết người, v.v. là thành quả của hàng triệu năm tiến hóa của loài người. Chúng định nghĩa giống người và cho phép loài người sống chung hòa bình với nhau. Chúng có thể được cảm nhận khác nhau theo từng nơi và từng thời đại nhưng trong chiều sâu chúng vẫn có cùng ý nghĩa và cho phép người nước này hiểu người nước khác, người hôm nay giải thích được những việc làm của người ngày xưa. Quả là một sự ngông cuồng khi những người lãng mạn nghĩ rằng họ có thể gạt bỏ tất cả để tự tạo ra trong chốc lát những giá trị cho riêng mình. Cái giá mà thế giới, và Việt Nam, phải trả cho sự cuồng dại này đã quá đắt.

Tóm lại, triết lý nhất nguyên và sự phủ nhận các giá trị phổ cập của loài người đã phối hợp với nhau để biến phong trào lãng mạn từ một phong trào khai phóng lúc ban đầu thành lò sản xuất ra những chủ nghĩa độc hại và chế độ toàn trị hung bạo. Các chủ nghĩa cộng sản, phát xít và Nazi là những anh em ruột.

Cuộc Cách Mạng Tháng 8-1945 tại Việt Nam, cũng như cuộc Cách Mạng Pháp 1789 đã xảy ra với cùng một não trạng. Phong trào lãng mạn không khởi động ra hai cuộc cách mạng này, nhưng nó đã nhào nặn và uốn nắn hai cuộc

cách mạng này và khiến chúng đã xảy ra như thế.

Chúng ta đã không may bị mất chủ quyền vào tay người phương Tây và chúng ta càng không may bị người Pháp đô hộ. Họ đem đến cho chúng ta những tật nguyên tâm lý của họ. Ở một mức độ nào đó, Cách Mạng Tháng 8 là một sản phẩm của Pháp.

Trong lịch sử, điều quan trọng nhất không phải là biết những biến cố đã xảy ra mà là hiểu được tại sao chúng đã xảy ra và đã xảy ra như thế. Phải hiểu lịch sử để những thảm kịch đừng tái diễn.

Thời điểm tháng 8-1945 đã là một cơ may lớn cho nước ta, đã có thể giúp ta giành lại độc lập ở một mức độ phát triển và phần vinh cao hơn mức trung bình thế giới và với một tiềm năng địa lý và nhân văn lớn. Giờ này chúng ta đã có thể là một trong những nước văn minh và giàu mạnh hàng đầu của thế giới. Nhưng cơ may đã biến thành thảm kịch bởi vì Cách Mạng Tháng 8 đã diễn ra như thế và đã là khởi điểm của 30 năm chiến tranh kết thúc bằng cái ách cộng sản mà chúng ta vì quá kiệt quệ vẫn chưa đủ sức để tháo gỡ. Thiếu trí tuệ và sự sáng suốt thì một cơ may cũng có thể trở thành một họa lớn. Đó đã là trường hợp của Cách Mạng Tháng 8.

Nhìn lại giai đoạn Cách Mạng Tháng 8, chúng ta không thấy một nhà tư tưởng nào và cũng không thấy *một người* nào chứng tỏ sự hiểu biết tạm được về những triển vọng và nguy cơ đang chờ đợi đất nước lúc đó. Chúng ta không hề thấy một dự án chính trị nào. Thanh niên hăm hở lên đường nhưng lên đường để đi đến đâu thì không biết, chỉ tin là "*đi hiền ngang tới phương trời tươi sáng*". Rất thơ mộng nhưng không phải giải đáp. Thanh niên thế hệ 1945 thực không may. Sự thiếu sót này đến nay hình như vẫn chưa ý thức đầy đủ. Vẫn còn rất nhiều người nghĩ rằng không cần lý thuyết, chỉ cần hành động, không cần nói mà chỉ cần làm. Vẫn còn rất những người nghĩ rằng có thể tranh đấu mà không cần có tư tưởng. Vẫn có những người cho rằng họ có tư tưởng chỉ vì họ không hiểu thế nào là tư tưởng. Và quần chúng, kể cả quần chúng tốt nghiệp đại học, thì nhìn mọi người và mọi tổ chức như nhau.

Cách Mạng Tháng 8 đã là một thời điểm hừng hực khí thế. Chưa bao giờ mà dân tộc Việt Nam được động viên tới mức độ đó. Cuộc cách mạng dân chủ sắp tới sẽ là cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam và cũng sẽ là cuộc cách mạng thông minh nhất và đáng có nhất, nhưng chắc chắn nó sẽ không sôi động như Cách Mạng Tháng 8 vì nó sẽ diễn ra dưới sự kiểm soát của lý trí. Nhưng muốn có cuộc cách mạng này thì trí thức Việt Nam phải đầu tư hơn nữa vào tư tưởng. Họ phải ý thức ít nhất hai điều. Một là trí thức bao giờ cũng phải là người phát ngôn của đất nước, tư tưởng của trí thức cũng là tư tưởng của quần chúng. Hai là không có dân tộc nào không có triết lý cả, dân tộc nào cũng có triết lý của mình và hành động theo triết lý đó. Khi không có một triết lý đúng và lành mạnh là người ta có một triết lý sai và bệnh hoạn, và bị dẫn dắt vào thảm kịch.

Nguyễn Gia Kiểng

ĐỂ HOÀN THÀNH MỘT NHIỆM VỤ LỊCH SỬ

Ô Xuân Minh

Chúng ta không thể có một chọn lựa nào khác là giải thể chế độ độc tài hiện nay và xây dựng dân chủ. Đây là một nhiệm vụ lịch sử. Một nhiệm vụ lịch sử là vì nó sẽ thay đổi số phận của quốc gia : biến một quốc gia độc tài, nghèo nàn và lạc hậu thành một quốc gia dân chủ, tiến bộ và phồn vinh. Nhưng làm sao để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử đó ?

Trước hết phải có mục đích rõ ràng và kiên trì trong mục đích đó. Mục đích của chúng ta là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh. Nếu trong công cuộc đấu tranh này chúng ta luôn quan tâm và nhắc nhở đến mục đích đó thì sẽ có những kết quả sau đây :

1. Chúng ta bắt buộc phải nghiên cứu một phương thức đấu tranh vừa hữu hiệu vừa tránh được những đổ vỡ cho đất nước. Một đất nước quá nhiều đổ vỡ sau một cuộc đấu tranh rất khó có thể vươn lên để trở thành một nước lớn. Sự luôn quan tâm đến tương lai của quốc gia sẽ giúp chúng ta thấy rõ phương thức đấu tranh bất bạo động là phương thức tốt nhất cho đất nước Việt Nam. Nếu chỉ nhắm đến việc giải thể chế độ hiện tại mà không nghĩ đến tương lai của đất nước thì có thể lấy những chọn lựa khác, chẳng hạn như đấu tranh bạo động, với những hậu quả rất tai hại và do đó, khó thể thực hiện được nhiệm vụ lịch sử này.

2. Để Việt Nam sẽ là một quốc gia tiến bộ và giàu mạnh, chúng ta bắt buộc phải coi trọng hòa bình xã hội. Không có hòa bình xã hội thì không thể có phát triển bền vững. Với một lịch sử nhiều chiến tranh, với nề nếp sinh hoạt chính trị có nhiều phân biệt đối xử, Việt Nam chỉ có thể có hòa bình xã hội nếu có hòa giải và hòa hợp dân tộc. Hòa giải và hòa hợp dân tộc, do đó, là một tinh thần nền tảng để kiến thiết đất nước. Nếu lấy tương lai của đất nước làm mục đích chính, chúng ta không thể bỏ qua một lập trường bắt buộc phải có này.

3. Khi luôn quan tâm đến mục đích chính - xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh - chúng ta bắt buộc phải đầu tư suy nghĩ để xây dựng một dự án chính trị. Muốn kiến thiết bất cứ một công trình nào cũng đều cần phải có một dự án. Xây dựng quốc gia là một công trình lớn, và do đó, không thể thiếu vắng một dự án chính trị. Không có được một dự án có giá trị thì sẽ không thể xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, và ngay cả không thể xây dựng được dân chủ. Những gì sẽ xảy ra nếu chế độ cộng sản sụp đổ nhưng đối lập dân chủ không có sẵn một dự án chính trị tốt ? Chính quyền mới sẽ bối rối, sẽ bị những bất đồng ý kiến làm tê liệt và có thể tan vỡ, người dân sẽ thất vọng và bất mãn, xã hội sẽ hỗn loạn và đất nước rất có thể lại rơi vào tay một tập đoàn độc tài khác.

4. Nhắc nhở đến mục đích chính của công cuộc đấu tranh hiện nay cũng là cách tạo ra được một không khí phấn khởi và gây dựng được niềm tin vào tương lai của đất nước. Vì mục đích chính là xây dựng một nước Việt Nam

"Với một dân số đông đảo, những con người cần mẫn và một địa lý thuận lợi, Việt Nam có tiềm năng của một nước lớn và giàu mạnh, giữ một địa vị quan trọng trên thế giới, vẻ vang cho dân tộc và có ích cho loài người.

Mặc dầu vậy hiện nay chúng ta chỉ là một trong những nước nghèo và lạc hậu nhất thế giới. [...]

Các vấn đề kinh tế, xã hội, môi sinh, đạo đức, giáo dục, nhân mãn, v.v. chồng chất không được giải quyết càng ngày càng trở nên gay gắt hơn và chẳng bao lâu nữa có thể sẽ không còn giải đáp nếu đà băng hoại này cứ tiếp tục. Nước Việt Nam lúc đó có thể bị xóa tên khỏi danh sách các dân tộc có quyền nói tới hạnh phúc. Nhiệm vụ lịch sử của thời đại chúng ta là giải thoát dân tộc khỏi cảnh lầm than hiện nay và cứu đất nước khỏi nguy cơ bị thua kém vĩnh viễn".

(**Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên 2001 - Thành Công Thế Kỷ 21**, trang 5&7).

dân chủ và phồn vinh nên cuộc đấu tranh này là một cuộc đấu tranh để xây dựng chứ không phải chỉ là đánh đổ, một cuộc đấu tranh hướng về tương lai chứ không phải trở lại với quá khứ. Đây là một cuộc đấu tranh đáp ứng được nguyện vọng của mọi thành phần dân tộc thuộc mọi quá khứ chính trị, và sự luôn nhắc nhở mục đích này tự nó đã có một khả năng vận động quần chúng mạnh mẽ.

5. Một trở ngại cho công cuộc đấu tranh hiện nay là sự xuất hiện của những tổ chức đối lập thời cơ, đối lập cuội hay bị chính quyền cộng sản giật dây. Các tổ chức thời cơ thì thời nào cũng có. Các tổ chức đối lập cuội hay bị giật dây cũng khó có thể tránh khỏi. Để kéo dài sự tồn tại, chính quyền cộng sản chắc chắn tìm cách xâm nhập những tổ chức đối lập, và cũng rất có thể họ cho ra những đối lập cuội để gây rối loạn trong hàng ngũ dân chủ.

Làm sao để nhận diện những tổ chức này ?

Những tổ chức này cũng hô những khẩu hiệu chống chế độ hiện tại. Họ cũng lên tiếng kêu gọi đoàn kết để đấu tranh cho dân chủ. Nhưng có một việc mà họ không làm đó là suy nghĩ về những vấn đề lớn của đất nước và tìm những giải pháp cho những vấn đề đó. Đây là một công việc khó khăn, không những đòi hỏi một số khả năng và ý chí mà còn đòi hỏi một tấm lòng đối với đất nước. Không thiết tha với tương lai của đất nước thì không thể nhận định đúng những vấn đề lớn của đất nước cũng như không thể tìm được những giải pháp đúng cho những vấn đề đó. Như vậy, chỉ cần tham khảo dự án chính trị của một tổ chức chúng ta có thể biết họ thuộc loại tổ chức nào.

Ở đây có hai điểm cần lưu ý. Một là, trong sinh hoạt dân chủ, tham khảo hay chất vấn về một dự án của một tổ chức chính trị không những là một "quyền" mà còn là một sự cần thiết, vì chỉ qua những chất vấn này mới có thể biết dự án

chính trị của một tổ chức là thành quả của những nghiên cứu và suy tư nghiêm túc hay chỉ là một tài liệu viết để có và từ đó có thể đánh giá tổ chức. Điều này chúng ta có thể kiểm chứng qua sự sinh hoạt chính trị ở các quốc gia dân chủ. Hai là, có một số tổ chức hay một số nhóm người tranh đấu cho tự do, dân chủ, nhân quyền nhưng không có một dự án chính trị vì họ không phải là một tổ chức chính trị, và do đó, họ không phải là những tổ chức thời cơ hay đối lập cuối.

6. Xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh là một công cuộc vô cùng khó khăn. Luôn quan tâm đến mục đích này bắt buộc chúng ta phải khiêm tốn và nhận ra rằng cần phải có tổ chức mới hoàn thành được nhiệm vụ này. Đây là một yếu tố tâm lý căn bản cần có để hình thành một lực lượng chính trị lớn mạnh.

7. Và cuối cùng, có một mục đích rõ ràng và luôn quan tâm đến mục đích đó giúp chúng ta tránh được những chọn lựa sai lầm đáng tiếc. Nếu không luôn nhớ đến mục đích của công cuộc đấu tranh hiện nay là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh thì rất có thể chúng ta lấy mục tiêu giai đoạn là đánh đổ chế độ cộng sản làm mục tiêu chính. Trong trường hợp này, như nhận định ở trên, chúng ta có thể lấy những chọn lựa sai lầm như chủ trương đấu tranh bằng bạo lực hay kích thích lòng hận thù, chống hòa giải và hòa hợp dân tộc. Không quan tâm đến mục đích xây dựng đất nước chúng ta sẽ không cố gắng tìm kiếm những giải pháp cho những vấn đề lớn của đất nước để rồi, trong trường hợp chế độ cộng sản sụp đổ, chúng ta không thể đưa đất nước ra khỏi bế tắc cũng như khó có thể xây dựng được dân chủ.

Thứ hai, để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử này chúng ta cần tự tin và sáng suốt.

Có lẽ chúng ta đều đồng ý là trong mọi cuộc đấu tranh, niềm tin củng cố ý chí và giúp chúng ta tiếp tục tranh đấu cho đến lúc thành công. Vấn đề là thể hiện niềm tin của mình. Những người hay những tổ chức tự tin luôn bình tĩnh hành động theo con đường mình đã chọn. Họ biết nhận định tình thế và nắm thời cơ chứ không phí phạm thì giờ chạy theo những biến cố. Có một sự khác biệt giữa "nắm thời cơ" và "chạy theo thời cơ". Nắm thời cơ là một hành động có định hướng, có chuẩn bị và do đó có khả năng mang lại thắng lợi. Chạy theo thời cơ là một hành động nhất thời, không có một mục tiêu rõ ràng cũng như không được chuẩn bị nên khó đạt được một kết quả nào bền vững.

Có lẽ chúng ta cũng đều đồng ý là muốn thành công - đặc biệt đối với những công trình lớn như thay đổi số phận của một quốc gia - cần phải sáng suốt. Sáng suốt ở đây được hiểu là nhận định đúng bối cảnh đất nước và hướng đi của thời đại để có được lập trường đấu tranh đúng và những định hướng quốc gia đúng. Điều này đòi hỏi trước hết cần phải tránh tâm lý bị quan cũng như tâm lý nóng vội và cần phải vượt lên trên mọi thành kiến, mọi cảm tính để nhìn về tương lai một cách quả quyết và bình tĩnh.

Để cứu đất nước Việt Nam khỏi nguy cơ thua kém vĩnh viễn chúng ta phải tìm cách chấm dứt chế độ độc tài hiện

nay và giải pháp duy nhất là xây dựng một lực lượng đối lập dân chủ lớn mạnh. Không nên bi quan cho rằng sau 30 năm chưa xây dựng được thì không thể xây dựng được nữa và chỉ còn có thể trông đợi chính quyền hiện nay tự thay đổi. Chính quyền này không thể tự thay đổi vì họ vừa không muốn thay đổi và vừa không có khả năng thay đổi. Càng chờ đợi ở chính quyền này thì càng làm cho tương lai Việt Nam bị đất thêm. Việc xây dựng một lực lượng đối lập có tầm vóc là một việc có thể thực hiện được, với điều kiện là không nên nóng vội và phải vượt qua những thành kiến. Xây dựng một lực lượng chính trị đòi hỏi phải qua một số giai đoạn và phải tháo gỡ những vướng mắc của di sản văn hóa và lịch sử. Điều này đòi hỏi một số thời gian. Tâm lý nóng vội phần nào đã tạo ra những khó khăn cho việc hình thành lực lượng này. Hơn nữa, lực lượng này chỉ có thể lớn mạnh nếu quy tụ được mọi người thuộc mọi quá khứ chính trị. Hòa giải và hòa hợp dân tộc do đó là một lập trường đấu tranh bắt buộc phải có. Chúng ta cần phải vượt lên trên những xung đột trong quá khứ để cùng nhau tranh đấu cho một tương lai chung.

Ngoài ra, trong một thế giới ngày càng phức tạp, trí tuệ và kinh nghiệm của những cá nhân lẻ loi không thể hiểu rõ một cách đầy đủ được mọi vấn đề. Chỉ qua những trao đổi, thảo luận bộc trực và thân thiện trong một tổ chức mới có thể nhìn thấy được những vấn đề lớn của quốc gia cũng như tìm được những giải pháp cho những vấn đề đó. Xây dựng, hay gia nhập, một tổ chức là một điều kiện cần thiết để bảo đảm sự sáng suốt.

Thứ ba, để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử này, một điều kiện không có không được, đó là thiết tha với tương lai của đất nước Việt Nam.

Mọi người Việt Nam đều có lý do chính đáng để quan tâm đến tương lai của đất nước Việt Nam vì tương lai của mỗi người đều gắn bó với tương lai của quốc gia mình.

Trước hết là những người ở trong nước, đặc biệt là thành phần thanh niên còn có một tương lai dài. Nếu Việt Nam là một quốc gia dân chủ và giàu mạnh thì lợi tức của người Việt Nam sẽ tăng lên gấp cả nhiều chục lần. Cùng là người Việt nhưng nếu sống tại Mỹ thì lợi tức trung bình cao gấp trăm lần lợi tức sống tại Việt Nam. Quan trọng hơn, tại các quốc gia dân chủ nhân phẩm được tôn trọng, tự do được bảo đảm, tài năng có cơ hội phát triển và ý chí có cơ hội đạt được những kết quả mong muốn. Nếu có một số người nào đó thành công tại Việt Nam, nếu gọi là thành công, thì đó chỉ là một thiểu số rất nhỏ và sự thành công đó cũng rất tạm bợ và đầy bất trắc. Họ luôn sống trong lo sợ, và có thể trong cả sự dằn vặt của lương tâm. Không thể xây dựng được một đời sống thành công và hạnh phúc thật sự và bền vững trong một quốc gia chậm tiến và độc tài.

Đối với những người Việt hải ngoại, tương lai của Việt Nam cũng gắn bó với đời sống của mỗi người. Không ai có thể chối bỏ được nguồn gốc của mình. Không ai không cảm thấy xấu hổ khi Việt Nam là một trong những quốc gia nghèo nàn và lạc hậu nhất thế giới. Rất có thể vì sự bận rộn của đời sống làm chúng ta quên đất nước Việt Nam

nhưng lương tâm của chúng ta không quên, và ngay cả con em của chúng ta hay những người ngoại quốc cũng sẽ nhắc nhở chúng ta là những người gốc Việt. Nếu Việt Nam vẫn sẽ là một quốc gia chậm tiến và độc tài, không ai trong chúng ta có thể trốn chạy được sự phán xét của người ngoài, của con em mình và của chính lương tâm mình về sự thờ ơ của mình đối với đất nước. Nói một cách khác : Thành công và hạnh phúc của mỗi người Việt hải ngoại không thể trọn vẹn khi Việt Nam chưa phải là một quốc gia dân chủ và phồn vinh.

Để tránh tình trạng này, chúng ta phải cố gắng hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của thời đại chúng ta, và nếu quyết tâm, chúng ta có thể thực hiện được.

Đối với những người đang đấu tranh cho dân chủ, ngoài những ý kiến được trình bày ở trên, một số ý kiến khác đã được trình bày trong các bài "Nhìn lại đối lập dân chủ Việt Nam", "Chuẩn bị để nhận lãnh trách nhiệm", "Xúc tiến sự hình thành một mặt trận dân chủ" trong báo *Thông Luận* những tháng vừa qua. Ở đây chỉ thêm một ý kiến : Để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử này chúng ta cần phải luôn đối diện với lịch sử và với lương tâm của mình. Qua đó chúng ta sẽ tìm được niềm tin và sự sáng suốt cần có để đưa cuộc đấu tranh này đến thắng lợi.

Ngoài những người hoạt động chính trị, những người hoạt động văn hóa cũng có trách nhiệm và đóng một vai trò rất quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ lịch sử này. Làm văn hóa là gì nếu không phải là tìm cách nâng cao đời sống của mọi người, và trước hết là những người khốn khổ gần gũi với mình. Trong hoàn cảnh đặc biệt, như trường hợp Việt Nam hiện nay, làm văn hóa là góp phần giải thoát dân tộc Việt Nam khỏi nạn độc tài và nguy cơ khốn khổ vĩnh viễn. Nói một cách khác là góp phần xây dựng dân chủ.

Một điểm cần lưu ý là không nên tách rời văn hóa và chính trị. Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang đã viết trong bộ "Lịch sử thế giới" (cuốn IV, trang 208) : *"Một cuộc cách mạng chính trị muốn thành công phải được một cuộc cách mạng văn hóa mở đường rồi củng cố"* cho thấy trách nhiệm cũng như tầm quan trọng của văn hóa trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay : đấu tranh để xóa bỏ độc tài và xây dựng dân chủ. Các chế độ độc tài, đặc biệt là chế độ cộng sản, đều ý thức được điều này và luôn cưỡng bức văn hóa phục vụ cho chế độ của họ. Tìm cách thoát khỏi sự cưỡng bức này là đúng, nhưng từ đó mà xa lánh chính trị là trái với trách nhiệm và chức năng của người làm văn hóa. Chính trị ảnh hưởng đến đời sống của mọi người và do đó người làm văn hóa không thể không có ý kiến về chính trị. Vấn đề ở đây là những ý kiến này phải được độc lập, không bị khống chế bởi một quyền lực nào. Một khi những người hoạt động văn hóa, với ý thức về trách nhiệm và chức năng của mình, tham gia tích cực vào công cuộc vận động dân chủ thì nhiệm vụ lịch sử này sẽ có thêm nhiều cơ may để hoàn thành.

Và nhiệm vụ lịch sử này chắc chắn sẽ được hoàn thành nếu tất cả mọi người Việt Nam đều quan tâm đến tương lai của đất nước Việt Nam. Chúng ta cần có một cuộc vận

động lớn để mọi người Việt - ở trong nước hay hải ngoại - ý thức được rằng : Tương lai của mình, của con em mình luôn gắn bó với tương lai của đất nước, và Việt Nam sẽ là một nước lớn nếu chúng ta loại bỏ được chế độ độc tài này để xây dựng dân chủ.

Chế độ cộng sản hiện nay vừa rất yếu và vừa bị tập đoàn tư bản đen chi phối toàn diện. Tập đoàn này dù có tài sản lớn nhưng không bao giờ là một lực lượng chính trị mạnh cả. Trên thế giới đã xuất hiện nhiều tập đoàn mafia rất hùng hậu, gấp trăm lần tập đoàn mafia Việt Nam hiện nay, nhưng chưa bao giờ thành công trong việc bảo vệ một chính quyền làm tay sai cho chúng. Việt Nam sẽ là một nước lớn nếu mọi người Việt Nam thiết tha với tương lai của quốc gia Việt Nam.

Cuối cùng, trong các yếu tố cấu tạo của quốc gia, dân tộc là yếu tố quan trọng nhất. Một quốc gia lớn, do đó, thường đi đôi với một dân tộc lớn. Nhưng thế nào là một dân tộc lớn ? Một dân tộc lớn là một dân tộc gồm có nhiều con người lớn. Một con người lớn hiện nay được hiểu là một người cố gắng làm được một cái gì đó có ích cho nhiều người, chẳng hạn như có ích cho nhân loại hay cho quốc gia. Ngoài ý chí, khả năng và kiến thức, người đó phải là một người có tâm hồn lớn, hay một tấm lòng lớn. Để Việt Nam trở thành một nước lớn, hay để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của thời đại chúng ta, dân tộc Việt Nam cần có những con người lớn.

Võ Xuân Minh (Paris)

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm.**

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité.*

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là **25 £**. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là **45 USD**. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Van Hiep* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là **65 AUD**. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

5. Thời Hồ (1400-1407)

hay

7 năm ngắn ngủi mà độc đáo của văn hóa Tây Đô

Lê Văn Hảo

Triều đại ngắn ngủi nhất trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam

Trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam, nhà Hồ đã lập được ít nhất được một kỷ lục : so với các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Mạc, chúa Trịnh, chúa Nguyễn, Tây Sơn và vua Nguyễn, triều Hồ đã chết yếu sau 7 năm cầm quyền ngắn ngủi.

Tại Thăng Long vào năm 1397 Hồ Quý Ly đã ép vua Trần Thuận Tông phải dời về kinh đô mới dựng ở Thanh Hóa, gọi là Tây Đô. Năm sau bắt vua phải nhường ngôi cho thái tử mới lên 3 tuổi, sau đó mưu giết Thuận Tông, rồi năm 1400 đã truất ngôi vua Trần tí hon 6 tuổi và giết hại một lúc 370 quý tộc và quan lại nhà Trần sau khi họ đã thất bại trong âm mưu ám sát Hồ Quý Ly.

Diệt xong những kẻ chống đối, Quý Ly tự xưng hoàng đế (1400), năm sau lại nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương và tự xưng là thái thượng hoàng, chính thức thành lập triều Hồ. Chỉ trong thời gian 7 năm triều đình này đề ra và cố gắng thực hiện một loạt cải cách kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa.

Nhưng những cải cách đó chưa thực hiện được bao nhiêu đã bị gián đoạn bởi cuộc xâm lược qui mô lớn của quân nhà Minh. Từ cuối năm 1406 tới mùa hè 1407, mặc dù kháng cự kịch liệt, quân đội nhà Hồ đã liên tiếp bại trận và rút lui, cuối cùng ba cha con Hồ Quý Ly cùng nhiều tướng lãnh, quan lại, thân thuộc đều bị bắt đưa về Trung Quốc.

Vương triều Hồ kết thúc thảm hại như thế đó để cho quan quân nhà Minh chiếm đóng đất nước, nô dịch nhân dân và tàn phá văn hóa Đại Việt trong 20 năm. Phải chờ cho đến lúc xuất hiện những người anh hùng của đất Lam Sơn để đánh đuổi chúng chạy về phương Bắc.

Về Thanh Hóa thăm lại thành nhà Hồ

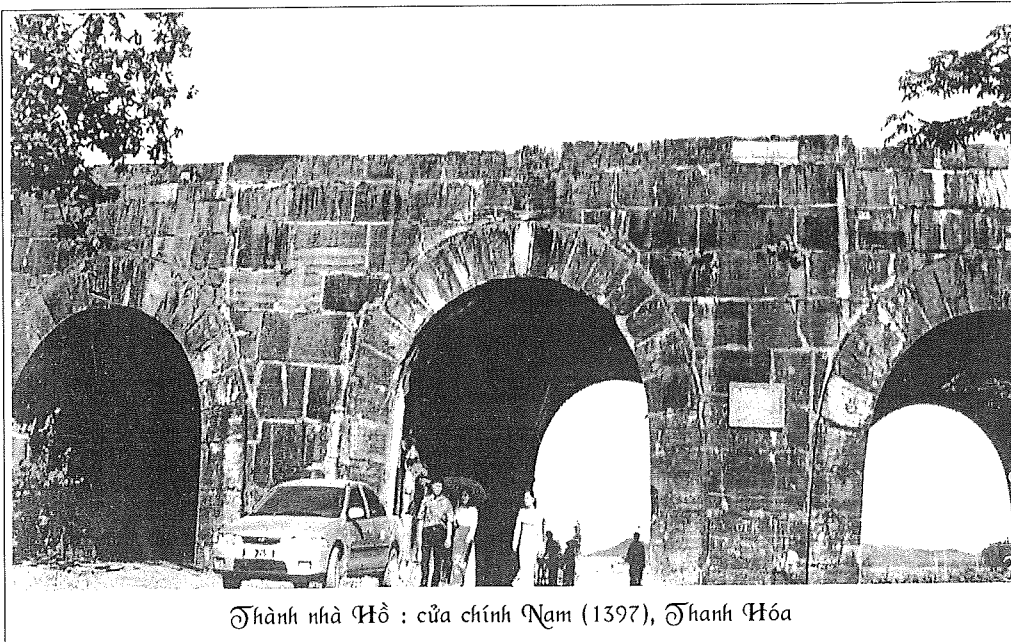
Tuy chỉ cầm quyền có 7 năm nhưng triều Hồ đã để lại cho dân tộc một công trình kiến trúc quân sự độc đáo : Thành nhà Hồ - còn gọi là thành Tây Đô - ở trên phần đất xã Tây Giai, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, được xây vào năm 1397 ở trên một thế đất khá hiểm trở, có lợi thế về phòng ngự hơn là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa. Sử sách cổ ghi lại rằng Hồ Quý Ly hạ lệnh xây thành và sau 3 tháng thì xây xong. Đây cũng là một kỷ lục khác của triều Hồ.

Tòa thành kiên cố này nằm trên một mặt bằng hình chữ nhật 900x700 mét ; mặt bên trong thành đắp bằng đất nện, mặt ngoài ốp bằng đá khối màu xanh, loại đá Thanh nổi tiếng. Tường thành cao trung bình từ 5 tới 6 mét, ở cửa chính Nam cao tới 10 mét. Những khối đá ốp trên thành ngoài đều được đục công phu, vuông vức, kích thước phổ biến là dài 2 mét, rộng 1,4 mét và dày 1 mét. Nhưng ở một số nơi, như tại cửa Tây và cửa Nam của tòa thành, người thời đó đã sử dụng nhiều phiến đá to dài tới 4 hay 5 mét, cao 1,5 mét và nặng từ 15 tới 20 tấn.

Ngoài bốn bức thành đá, Thành nhà Hồ còn có vòng la thành vững chắc bằng tre gai. Ở phía Nam và phía Đông - vùng đồng bằng trũng thấp - Hồ Quý Ly còn cho đắp một lũy đất cao chạy dài suốt hai mặt thành.

Thành có bốn cửa : Đông, Tây, Bắc và chính Nam ; mỗi cửa đều mở ở chính giữa các mặt thành và đều được xây kiểu vòm cuốn bằng đá khối lớn. Ba cửa Bắc, Đông và Tây đều có một vòm cuốn ; riêng cửa chính Nam có tới ba vòm cuốn, cửa giữa to và hai cửa bên nhỏ hơn.

Cửa chính Nam thành nhà



Thành nhà Hồ : cửa chính Nam (1397), Thanh Hóa

Hồ rộng tới 38 mét, cao hơn 10 mét, xây nhô ra ngoài tường thành 4 mét, ba vòng cuốn đều rộng gần 6 mét, vòm giữa cao 8,5 mét, hai vòm hai bên cao 7,8 mét tạo nên một ấn tượng đồ sộ hoành tráng hiếm thấy. Quanh bốn mặt tường thành phía ngoài đều có hào sâu rộng tới 50 mét.

Toàn bộ thành nhà Hồ đã bị phá hủy từ lâu, di tích còn lại chỉ là 4 cổng thành bằng đá và một thành bậc ở chính điện chạm một đôi rồng đá đẹp dài 3,7 mét. Điều đáng nói là giới kiến trúc sư Việt Nam và thế giới, hôm qua và hôm nay, đã công nhận thành nhà Hồ thể hiện một trình độ cao về kỹ thuật xây vòm đá thời bấy giờ. Và mặc dù nó chỉ bảo vệ quốc đô của triều Hồ trong một thời gian quá ngắn ngủi, thành nhà Hồ, tức thành Tây Đô, mãi mãi là một công trình kiến trúc quân sự cổ kính vào loại to lớn nhất và có giá trị nhất của đất nước ta thời trung đại.

Khoa học, kỹ thuật và văn học thời Hồ

Phải có trình độ khoa học kỹ thuật cao tới một mức nào đó thì mới có thể tạo nên được một tòa thành đồ sộ, kiên cố là thành nhà Hồ như ta vừa thấy.

Thời Hồ cũng đã thực hiện được một số sáng tạo khoa học kỹ thuật quân sự đáng ghi nhận : *thuyền Cổ Lâu và súng Thần Cơ* mà tác giả của chúng là Hồ Nguyên Trừng.

Một nhà khoa học tài năng khác trong lãnh vực xây dựng là kiến trúc sư Nguyễn An (1381-khoảng 1480) mà triều Hồ chưa kịp trọng dụng thì đã bị quân Minh bắt đưa về Trung Quốc. Tên tuổi của Nguyễn An sau này sẽ gắn liền với việc xây dựng Cố cung ở Bắc Kinh.

Trong lĩnh vực văn học tuy thời Hồ chỉ có 7 năm ngắn ngủi mà vẫn đếm được một vài nhà văn, nhà thơ đáng kể.

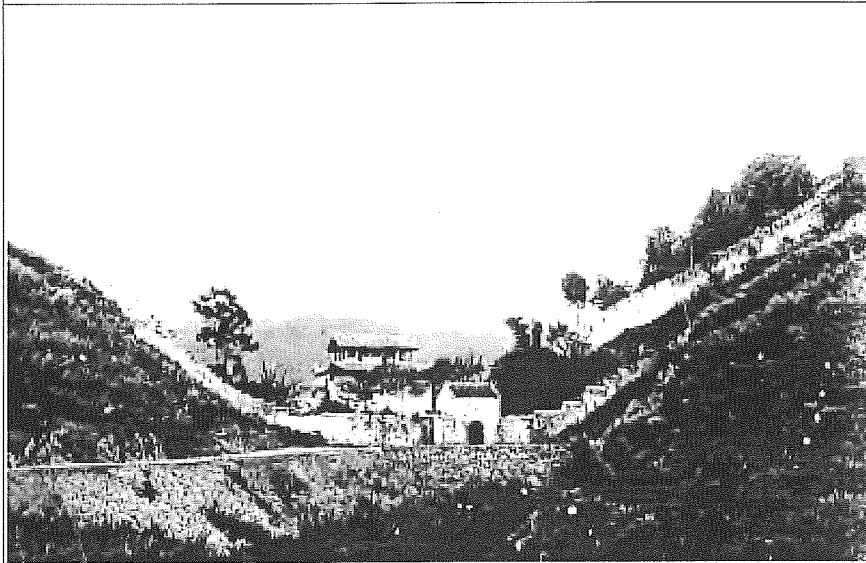
Người đầu tiên phải nói tới là **Hồ Quý Ly**, một con người có đầu óc mạnh dạn về tư tưởng và văn hóa. Ông viết sách *Minh đạo* (Làm sáng tỏ đạo) năm 1392 để xét lại Nho giáo : xếp Chu Công lên trên Khổng Tử, phê phán Mạnh Tử, Hàn Dũ, Trình Chu và các nhà Tống nho khác, nêu ra những điểm đáng ngờ trong sách *Luận ngữ*, v.v.

Hồ Quý Ly còn dịch chương *Vô dật* trong *Kinh Thư* ra tiếng Việt (chữ Nôm) để dạy vua vào năm 1395.

Một điểm đáng khen là chỉ có ông - và sau ông là Nguyễn Huệ Quang Trung - là hai vị vua đã chủ trương dùng chữ Nôm thay chữ Hán trong công văn chiếu sắc của triều Hồ và triều Tây Sơn. Đó là một chủ trương mới mẻ giàu tinh thần dân tộc và ý chí khẳng định đất nước tự cường về văn hóa, muốn cho người Việt có một học phong mang bản sắc riêng mà chữ nôm vừa là biểu tượng vừa là công cụ hoàn toàn có khả năng thay thế chữ Hán của phương Bắc.

Phần thơ văn của Hồ Quý Ly hầu như đã mất hết, chỉ còn có 5 bài thơ, tuy quá ít ỏi nhưng cũng đủ cho ta thấy

Ái Nam Quan, nơi Nguyễn Trãi tiễn chân cha là Nguyễn Phi Khanh đi đày



ở ông vua này một tấm lòng gắn bó với văn hóa dân tộc, một niềm tự hào về phong vị riêng của đất nước và con người Việt như được biểu lộ qua bài thơ "*Đáp Bắc nhân vấn An Nam phong tục*" (tạm dịch) :

Đáp lại người phương Bắc hỏi về phong tục nước Nam

Nước Nam phong tục vốn thuần hậu
 Áo mũ không khác chi nhà Đường
 Lễ nhạc tương tự như nhà Hán
 Bình ngọc rót rượu mới cất ngát thơm
 Dao vàng mổ cá ngon nhỏ vảy
 Hàng năm vào khoảng tháng Hai tháng Ba
 Hoa đào hoa mận nở tràn vườn xuân

Hồ Nguyên Trừng là nhà sáng chế khoa học kỹ thuật quân sự mà cũng là một nhà văn. Bị giữ lại bên Trung Quốc và buộc phải chế sủng Thần Cơ cho nhà Minh, trong đáy lòng sâu kín của ông vẫn không ngừng le lói một tâm sự nhớ nước thương nhà, thể hiện trong cuốn "*Chép lại những giấc mộng của ông già nước Nam*" (*Nam Ông mộng lục*) viết năm 1442, nói về nhà Trần và nhà Hồ đã mất và quê cha đất tổ xa vời.

Tuy sách viết bằng chữ Hán, được in và lưu hành bên Tàu, nhưng ta không hề thấy ở Hồ Nguyên Trừng một mặc cảm tự ti nào, một ý đồ đen tối nào, kể cả ý muốn đề cao kẻ thù dân tộc. Trái lại, qua *Nam Ông mộng lục*, Nguyên Trừng đã muốn gửi gắm một ý tưởng xuyên suốt tập hồi ký : nước Nam của tác giả cũng có những con người tốt đẹp, từ nhà vua tới nhà nho, nhà thơ, thầy tu, đạo sĩ, thầy thuốc, tướng sĩ... là những con người tiêu biểu cho nhân phẩm, đạo đức và tài năng có thể đem ra làm gương cho người phương Bắc cùng soi như Chu Văn An, Lê Phụng Hiểu, sư Không Lộ, Trần Nghệ Tông, Trần Minh Tông...

Hồ Nguyên Trừng cũng để lại trong *Nam Ông mộng lục* một số lời bình luận thi ca khá tinh tế của một người biết chú ý tới những tác động của điều kiện xã hội và môi

trường thẩm mỹ đối với tác phẩm. Vì những lý do đó *Nam Ông mộng lục* được giới nghiên cứu đánh giá là tập hồi ký (viết bằng chữ Hán) có sớm nhất và có giá trị của nền văn học Việt Nam.

Nguyễn Phi Khanh (1355-?), cha của Nguyễn Trãi, là dân thường mà "dám" lấy con gái Trần Nguyên Đán thuộc hoàng tộc nên dù đậu tiến sĩ vẫn không được triều Trần tin dùng. Khi nhà Hồ lên, ông ra làm quan giữ chức thị lang rồi tể tửu Quốc Tử Giám. Nhà Hồ đổ, ông bị giặc giải về Tàu. Nguyễn Trãi đã tiễn cha đến tận ải Nam Quan và được Nguyễn Phi Khanh khuyên nên trở về trả thù nhà, đền nợ nước. Phi Khanh còn để lại 77 bài thơ và 2 bài văn. Âm hưởng chung của thơ văn ông là âm hưởng lo buồn, có thể xem là dấu ấn của một thời loạn lạc. Tuy nhiên thơ ông vẫn giữ được vẻ thanh thoát nhẹ nhàng của một con người chừng mực, một tâm hồn bình dị.

Chơi núi Côn Sơn

(tạm dịch)

[...] Sau cơn mưa nghe suối chảy ì ầm
Trời đã tạnh sạch lâu lâu lam chướng
Cuộc phù thế trăm năm đời người như giấc mộng
Được nửa buổi thanh nhàn ta tưởng mình là Tiên

Ba danh nhân thời Hồ

Trước hết hãy trở lại nhân vật **Hồ Quý Ly**, đây là một con người rất thức thời và đầy tài năng. Trong mấy thập niên cuối cùng của thế kỷ 14, nhà Trần ngày càng suy đồi, Hồ Quý Ly (1336-?), rể vua Trần Nghệ Tông, từng là khu mật đại sứ, đồng bình chương sự và phụ chính thái sư, tước đại vương. Cảm thấy mình có đầy đủ khả năng cứu vãn tình thế bằng những cải cách kinh tế, xã hội và văn hóa cho nên năm 1400 Hồ Quý Ly đã truất ngôi vua Trần đứng ra thành lập triều Hồ.

Chỉ trong mấy năm ngắn ngủi (1400-1407), vua rồi thái thượng hoàng Hồ Quý Ly đã tiến hành một loạt cải cách khá táo bạo :

- Ban hành chính sách hạn chế ruộng đất và nô tì nhằm hạn chế quyền lực tầng lớp quý tộc nhà Trần đã phát triển kinh tế điền trang quá mức cần thiết ;
- Cho đào vét lại một số cảng, kê khai lại số lượng hộ khẩu của toàn dân để tăng cường biên chế quân đội ;
- Định lại chế độ thuế khóa cho công bằng hơn ; thống nhất hệ thống đo lường, ban hành tiền giấy ;
- Lập nhà thương cho dân (quảng tế thự) và cho xây kho lúa phòng chống đói (thường bình) ;
- Mở khoa thi chọn hiền tài ;
- Chủ trương dùng chữ Nôm thay chữ Hán trong sinh

hoạt hành chính, v.v.

Những chủ trương cải cách đó đều bị tầng lớp quý tộc nhà Trần chống đối, hoặc thực hiện vội vàng và chênh mảng nên ít có hiệu quả, thậm chí có thể đã trở thành gánh nặng cho dân. Khi quân Minh bắt đầu sang xâm lược nước ta, chính con trai Hồ Quý Ly là Nguyên Trừng đã thốt lên : "Tôi không sợ đánh giặc, chỉ sợ lòng dân không theo". Nguyên Trừng đã tiên đoán rất đúng số phận hẩm hiu của nhà Hồ.

Danh nhân thứ hai mà chúng ta vừa mới kể tên là **Hồ Nguyên Trừng** (không rõ năm sinh và năm mất). Là con trai cả của Hồ Quý Ly, ông không làm vua mà là tả tướng quốc của triều Hồ, và ở cương vị đó ông còn là một tài năng lớn trong lãnh vực khoa học và kỹ thuật quân sự. Là người có đầu óc phát minh, sáng chế và khả năng trí tuệ phi thường, ông đã cung cấp cho nhà Hồ thuyền *Cổ Lâu* và súng *Thần Cơ*.

Thuyền *Cổ Lâu* là loại thuyền chiến lớn, đóng đinh sắt, có hai tầng và hàng chục tay chèo, hai người chèo một mái và được xem là đã tạo ra một tốc độ lớn khi có thủy chiến. Còn súng *Thần Cơ*, một sáng tạo khác của Hồ Nguyên Trừng là một loại hỏa pháo cải tiến hiệu nghiệm hơn tất

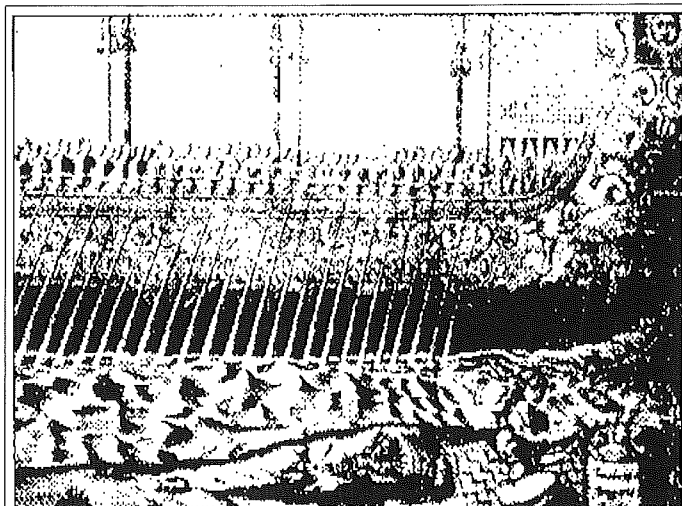
cả các loại đại bác đương thời, điều này triều Minh đã thấy được, có thể trước khi xâm lăng, và đã tuyển lựa để bắt giữ rồi áp tải ông về Bắc Kinh. Nhà Minh sau đó tận dụng tài năng của Nguyên Trừng với chức vụ tả thị lang bộ Công.

Cuối đời, ông viết *Nam Ông mộng lục*, ghi lại được nhiều tài liệu sử học và văn học thời Trần, đồng thời đề cao một số nhân vật Đại Việt từ nhà vua tới nhà nho, nhà sư... Việc đó làm chúng ta cảm động thấy rằng dù ở trong tình cảnh nào, Hồ Nguyên Trừng đã không hề

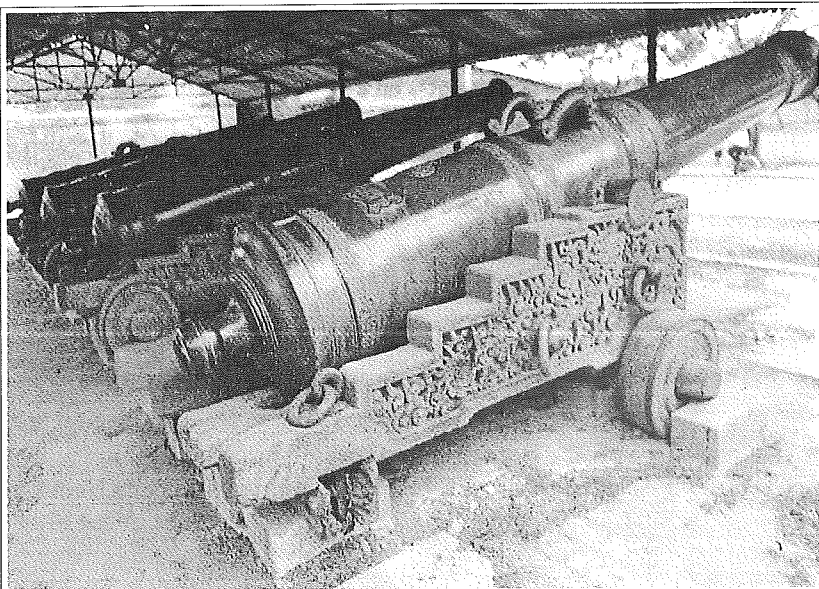
quên đất nước và dân tộc mình.

Danh nhân thứ ba ở thời Hồ cần nhắc tới là bậc thầy kiến trúc **Nguyễn An** (1381-khoảng 1460) mà người Trung Quốc biết rõ hơn người Việt Nam ta ! Quả thật, về nhân vật lỗi lạc này chỉ thấy Lê Quý Đôn nhắc tới qua hơn 10 dòng trong cuốn *Kiến văn tiểu lục*. Còn ở Trung Quốc thì Nguyễn An được nhắc tới trong nhiều thư tịch từ thời trung đại tới thời hiện đại. Ví dụ : từ những cuốn *Hoàng Minh thông kỷ*, *Anh Tông chính thống thực lục...* của thời Minh tới cuốn *Trung - Việt quan hệ sử luận văn tập* của nhà sử học Trương Tú Dân xuất bản tại Đài Bắc (Đài Loan) năm 1992.

Trong công trình nghiên cứu quan trọng về giao lưu tiếp biến văn hóa Việt Nam - Trung Quốc này, Trương Tú Dân đã dành tới 4 chương viết về Nguyễn An. Trương Tú Dân



Thuyền chiến thời các chúa Trịnh (thế kỷ 17-18), hậu thân của thuyền cổ lâu thời Hồ (thế kỷ 15)



Súng thần công thời các vua Nguyễn thế kỷ 19, hậu thân của súng thần cơ thời Hồ (thế kỷ 15)

đã làm việc nhiều năm tại Thư Viện Quốc Gia Bắc Kinh và là người nghiên cứu kỹ lưỡng nhất về Nguyễn An. Ông đã cung cấp cho chúng ta nhiều tài liệu quý báu và những đánh giá khách quan như sau :

"...Nguyễn An, tức A Lưu, đến Trung Quốc vào năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), là một trong số những thanh niên Giao Chỉ đẹp trai và thông minh do Trương Phụ bắt đưa về Nam Kinh để hoạn sau khi bình Giao Nam.

Năm Vĩnh Lạc thứ 14, theo lệnh của Minh Thành Tổ (trị vì 1403-1424), Nguyễn An đã tạo dựng thành trì cung điện Bắc Kinh cùng phủ thự trăm tỉ. Đến tháng 12 năm thứ 18 (1420) cung điện đền miếu hoàn thành, qui chế tuy phỏng theo Nam Kinh nhưng vượt xa về hoành tráng và vẻ đẹp. Một thanh niên trạc 20-30 tuổi được lệnh tạo dựng công trình to lớn như vậy mà hoàn thành chỉ trong thời gian ngắn ngủi 4-5 năm, có thể thấy rõ sự tận tâm với chức vụ và sức sáng tạo của con người ấy to lớn đến chừng nào ! Nếu là ngày nay, thật không biết phải cần tới bao nhiêu công trình sư thiết kế, vẽ đồ án cho công trình này, vậy mà Nguyễn An chỉ một mình cũng đủ sức làm việc ấy.

Điều đó chứng tỏ Nguyễn An có tài bẩm sinh về suy xét, tính toán, há chẳng phải là thiên tài trong lịch sử kiến trúc đó sao ! Đến nỗi các quan bộ Công cũng như những đốc công trông coi mọi công việc qui hoạch và các xưởng xây dựng bao thầu đều làm việc theo lệnh của Nguyễn An mà thôi.

Minh Anh Tông (trị vì 1437-1445) lên ngôi khi thiên hạ thái bình, hòa cốc phong đăng, nhà đủ người đông, thế là lại khởi công lớn về thổ mộc, thực hiện chí của Minh Thành Tổ chưa thành. Công việc đầu tiên là xây dựng lầu thành 9 cửa... Vua liền sai Nguyễn An đảm nhận công việc, khởi công xây dựng năm Chính thống thứ hai (1438) đến tháng 4 (1440) xây dựng xong lầu chính, lầu vọng nguyệt, thành, hào, cầu ở 9 cửa... Công trình cần đến 180.000 người, Nguyễn An chỉ dùng có 10.000. Binh sĩ

được An ưu đãi nên công trình đã sớm hoàn thành.

Ba điện đã xây dựng xong năm Vĩnh Lạc thứ 18 (1420) trước đó chưa đầy nửa năm đã bị hỏa hoạn. Tháng 3 năm Chính Thống (1441) vua mới sai Nguyễn An xây lại, lực lượng xây dựng là 70.000 người. Năm thứ 6 (1442) hai cung Càn Thành, Khôn Ninh, ba cung Phụng Thiên, Hoa Cái và Cẩn Thân xây xong, đó là tiền thân của ba điện lớn Thái Hòa, Trung Hòa và Bảo Hòa ngày nay (trong Cố Cung ở Bắc Kinh). Xong việc Nguyễn An được vua thưởng 50 lượng vàng, 100 lượng bạc, 10.000 quan tiền.

Năm thứ 10 (1446) Nguyễn An lại được lệnh sửa tường thành kinh đô... Như vậy là ở thời nhà Minh, việc xây dựng Bắc Kinh đời Vĩnh Lạc là thời kỳ mở mang đến đời Chính Thống là thời kỳ hoàn thành. Trước sau chủ trì công việc từ đầu đến cuối đều là Nguyễn An, người cống hiến trọn đời cho Bắc Kinh... Nguyễn An hết lòng vì việc công, thanh bạch, liêm khiết,

khắc khổ, khi lâm chung không còn một nén vàng trong túi. Đó là một con người cao thượng đã để lại công đầu ở Bắc Kinh..."

Cám ơn nhà sử học Trương Tú Dân đã cho chúng ta biết cách nay sáu thế kỷ kiến trúc sư Nguyễn An cùng với nhà khoa học quân sự Hồ Nguyên Trừng là hai người Việt đã đem chuông đi đánh xứ người và đã có những đóng góp đáng kể vào lịch sử văn hóa nhân loại.

Lê Văn Hảo (Paris)

Triển lãm ảnh

của nhà nhiếp ảnh mỹ thuật

Le Kiêu My

MỘT CÁI NHÌN...

từ 12-6 đến 31-7-2006

tại Foyer Vietnam

80 rue Monge - 75005 Paris

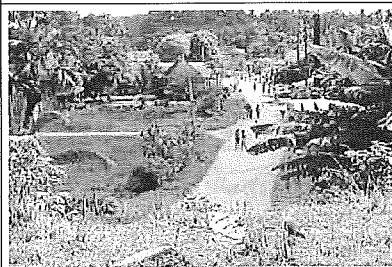
Métro : Place Monge (Ligne 7)

Cuộc triển lãm này được đặt dưới sự bảo trợ của bà

Yvette Rabetafika

Rangeva, đại sứ đại diện thường trực của Madagascar tại UNESCO (Paris).

Cuộc triển lãm này nhằm hỗ trợ Viện mồ côi TSIMOKA (Mầm Non) tại Madagascar.



Một viện mồ côi ở Madagascar

Những con người, những bóng ma

Nguyễn Tuân viết "Phở" được dịch ra tiếng Nga. Bản quyền tác giả là một chai rượu whisky Johnny Walker mà ông giữ để uống một mình, lâu lâu một ngụm trong nhiều năm, bạn quý lắm mới được cho một ly nhỏ. Nguyễn Sáng dẫn một người bạn tới xin rượu, bị từ chối, rồi giận nhau và đoạn giao luôn.

Nguyễn Tuân nổi tiếng trước 1945 với quyển *Vang Bóng Một Thời*, nhưng sau này có lẽ còn nổi tiếng hơn vì một câu nói : "Mình tồn tại được tới nay là vì biết sợ!". Sợ để mà sống thì chẳng có gì đáng nói, nhất là khi cuộc sống đó chỉ là một cuộc sống nghèo nàn khổ cực. Sợ chết, thế thôi.

Nhưng rồi Nguyễn Tuân cũng chết, như mọi người. Khi đã chết thì Nguyễn Tuân lại được phục hồi địa vị của một nhà văn lớn vì ông không còn nguy hiểm cho ai. Trái lại ông càng lớn càng tốt cho chế độ, nó chứng tỏ rằng chính nghĩa của đảng đã thu phục được những thiên tài. Mọi cơ quan giành nhau truy điệu ông. Chợ Hà Nội hết sạch hoa vì người ta mua hết để viếng Nguyễn Tuân. Người ta bàn cãi ba ngày về tang lễ. Xác của Nguyễn Tuân trương lên, chuột ăn lỗ tai. Chết cũng không yên. Một nạn nhân đáng thương.

Cũng đáng thương như nhiều người khác, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Cung, những nghệ sĩ tài danh có thể đã đóng góp lớn cho văn học, nghệ thuật Việt Nam nhưng đã bị khống chế, đầy dọa và vô dụng hóa. Họ đã có liêm sỉ để không chấp nhận làm những bồi bút nhưng không đủ can đảm để chống lại. Có lúc họ đã cố nói lên tiếng nói trung thực của chính mình - họ là những người không nhiều thì ít dính dáng tới vụ Nhân Văn-Giai Phẩm - nhưng rồi, trừ Phùng Cung, họ cũng đã đầu hàng, mỗi người một cách, nói chung là chấp nhận hy sinh tài năng và sự sáng tạo để được sống. Lê Đạt chấp nhận và cố sống vui được chừng nào hay chừng ấy. Nguyễn Tuân và Trần Dần co cụm trong thái độ khinh bạc. Hoàng Cầm cố làm một người lương thiện (nhưng vẫn bị đi tù vì tội bán rượu lậu). Văn Cao trong thái độ thách thức lật lật. Phùng Cung lấy sự im lặng để tiếp tục phản kháng, ông có lẽ là con người đáng thương và đáng kính nhất. Thực ra thì ở những mức độ khác nhau họ cũng vẫn tiếp tục viết, ngoài những bài viết để mà sống. Và những tác phẩm mà họ viết riêng cho mình, và có lẽ với tham vọng cho mai sau, cuối cùng cũng được xuất bản. Tuy nhiên chúng không có giá trị bởi vì cái tinh hoa trong họ đã bị bóp chết rồi, một lần nữa trừ Phùng Cung. Thực ra Phùng Cung không có tài bằng những người khác, nhưng ông giữ lại được nhiều hơn vì đã chấp nhận đau khổ để không đánh mất mình. Sau này họ cũng tai qua nạn khỏi, được phục hồi tư cách là hội viên Hội Nhà Văn, có khi được cả giải thưởng và huân chương. Họ

chấp nhận những ân huệ đó, và đây có lẽ sự đầu hàng bi đát nhất.

Những bóng ma của Nam Dao không phải chỉ tập trung ở miền Bắc. Còn Trịnh Công Sơn, thiên tài và ngông nghênh nhưng phần nào cũng vẫn sợ sau 1975. Còn có Bùi Giáng điên từ trước và tiếp tục điên cho đến chết. Và nhiều người khác, tất cả đều là những người đã một thời vang bóng và đã đi vào ký ức tập thể của Việt Nam. Nam Dao đã rất gần gũi với họ và dành nhiều thời giờ cũng như tình cảm cho họ. Tại sao ? Chắc chắn không phải vì ngưỡng mộ

vì ông viết về họ mà cách thẳng thắn, có khi thẳng thắn một cách tàn nhẫn. Lý do thực sự có lẽ là vì Nam Dao muốn hiểu một thảm kịch trong văn học nghệ thuật Việt Nam. Cuốn sách này của Nam Dao vì vậy có vai trò của một chứng từ cho một giai đoạn lịch sử của đất nước.

Nhưng không phải chỉ có những bóng ma (tất cả những nhân vật được nói đến

đều chỉ còn là những hồn ma). Ở một mức độ nào đó, đây cũng là một cuốn tiểu thuyết mà nhân vật chính là tác giả, Nam Dao, trong giai đoạn tiếp xúc với những bóng ma này.

Phần sau, hơn một nửa cuốn sách, hoàn toàn khác. Nó là một tổng kết tình hình kinh tế xã hội Việt Nam từ 1975, viết dưới hình thức một cuộc đối thoại với một thanh niên. Đây là một tổng kết đặc sắc, viết bởi một người rất có thẩm quyền. Nam Dao, tên thật Nguyễn Mạnh Hùng, là một giáo sư đại học về kinh tế tại Canada, từng là cố vấn của chính quyền cộng sản, trước khi bị thất sủng, có lúc bị cấm lui tới Việt Nam, vì những đề nghị trái tai, và một phần cũng vì đã có tội giao du với những con người đã trở thành những bóng ma mà ông thuật lại.

Một cuốn sách nhỏ 250 trang về những con người không nhiều thì ít đã là những huyền thoại Việt Nam và đã là những nhân vật của một thảm kịch quốc gia, cùng với một tổng kết ngắn nhưng đầy đủ, chính xác và sâu sắc về giai đoạn 30 năm qua của đất nước. Đọc giả còn có thể đòi hỏi gì hơn ?

Có, nếu đọc giả tự đặt vào địa vị của Bình Minh, người thanh niên Huế được nghe tác giả giảng giải về hiện tình và tương lai đất nước. Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng đã phân tích rất đúng và đề nghị rất đúng. Nhưng ai sẽ thực hiện những đề nghị này ? Những người cầm quyền đã gạt phắt đi và cấm ông về Việt Nam vì chính những đề nghị này. Chắc chắn là phải chờ đợi một chế độ và một chính quyền khác. Nhưng làm thế nào để có sự thay đổi này ? Bình Minh không đặt câu hỏi cho giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng. Hay có đặt ra nhưng vì giáo sư không thuật lại vì không có giải đáp ? Đó là điều mà tuổi trẻ chờ đợi ở những đàn anh trước khi trở thành những bóng ma.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

Tìm đọc :

"NHỮNG CON NGƯỜI, NHỮNG BÓNG MA",
bút ký của Nam Dao, 250 trang, giá 13 USD. Nhà xuất bản Văn Mới, P.O.Box 287, Gardena, CA 90248, USA.

CHIẾN TRƯỜNG AFGHANISTAN bỗng nhiên sôi động

Chế độ thần quyền cực đoan Taliban tại Afghanistan bị đánh tan ngay sau cuộc khủng bố tại Mỹ ngày 11-9-2001. Một lãnh tụ dân chủ có sức thu hút, ông Karzai được đưa lên cầm quyền, tình hình diễn biến khả quan sau đó, khiến nhiều khi dư luận coi là vấn đề Afghanistan đã giải quyết xong.

Đó là không kể đến địa lý của Afghanistan thuận lợi cho du kích và khủng bố gấp trăm lần Iraq, với núi non hiểm trở, đầy rẫy hang động thiên nhiên làm chỗ trú ẩn lý tưởng cho loạn quân. Từ mùa xuân năm nay, chiến trường tại Afghanistan đã sôi động hẳn lên. Lý do là loạn quân Hồi giáo có một chỉ huy mới : Dadullah Akhund. Viên tướng này được mô tả là còn khát máu hơn của Zarqawi (tên cầm đầu lực lượng khủng bố tại Iraq mới bị giết đầu tháng 6-2006). Dadullah trước đây từng là mà trong những thủ lĩnh quân Taliban. Hắn dữ tợn đến nỗi giáo sĩ Omar, lãnh tụ tối cao Taliban, cũng vốn đã nổi tiếng hung dữ, có lần phải cách chức hắn vì hắn đã hạ sát một cách lạnh lùng toàn bộ một bộ lạc mà hắn nghi là không thuận với Taliban. Sau đó hắn trốn sang Pakistan và chỉ còn tổ chức những trận đột kích lẻ tẻ qua biên giới. Từ đầu năm 2006, Dadullah trở lại Afghanistan cầm đầu loạn quân. Sở thích của Dadullah là tổ chức những cuộc tấn công lớn và ngoạn mục. Trong một số trường hợp, Dadullah đánh chiếm được cả những cơ sở của chính quyền, dù chỉ trong một thời gian ngắn.

Việc Dadullah được triệu về chỉ huy quân Taliban có thể chứng tỏ rằng lực lượng trong nước của Taliban đã yếu đi cho nên lực lượng lưu vong trên lãnh thổ Pakistan trở thành chính yếu. Chiến lược đánh lớn của Dadullah có lẽ cũng thích hợp cho bộ chỉ huy quân đồng minh. Từ tháng 5-2006, quân đồng minh đã mở chiến dịch Xung Phong Vào Núi (Mountain Thrust) giải tỏa vùng núi phía Nam, gây nhiều thiệt hại lớn cho quân Taliban.

Chiến sự sôi động tại Afghanistan không gây bối rối cho chính quyền Bush vì, trái với tình trạng Iraq, quân đồng minh tại Afghanistan chiến đấu dưới danh nghĩa Liên Hiệp Quốc và được nhiều nước tích cực yểm trợ. Một trong những quân đội tích cực nhất tại đây là quân đội Pháp, vì tổng tư lệnh quân đồng minh Liên Hiệp Quốc tại đây cũng là một tướng Pháp.

Pháp gửi binh đoàn Lê Dương (Légion Etrangère) tinh nhuệ sang đây và huy động cả bộ binh lẫn không quân. Một điều dư luận thế giới ít để ý là Pháp hiện là một trong những đồng minh tích cực nhất của Hoa Kỳ. Pháp đảm nhiệm một phần quan trọng gánh nặng quân sự tại Afghanistan để Mỹ có thể rảnh tay tập trung bình định Iraq – một cách để chuộc lại tình đồng minh đã bị thương tổn khi tổng thống Pháp Jacques Chirac vận động chống lại cuộc tấn công của Mỹ vào Iraq.

Iraq sau Zarqawi

Zarqawi không biết khả năng của máy tính điện tử. Trong một số trường hợp chúng có thể cho phép những phát giác lớn từ những chi tiết nhỏ, tưởng là vô hại. Zarqawi đã cho quay một cuốn phim cảnh hắn ta đang thử một khẩu đại liên mới. Ảnh này đủ để máy tính điện tử nhận diện dung mạo mới nhất của Zarqawi, đồng thời địa điểm thực hiện cuốn phim. Sở tình báo Jordany trao cuốn phim này cho tình báo Mỹ. Cơ

quan CIA chú ý đến một nhân vật mà họ theo dõi vì tình nghi liên hệ với Zarqawi thường hay tới nơi này. Họ kết luận là nhân vật này thường gặp Zarqawi và cho theo dõi sát bằng vệ tinh có khả năng quan sát những chi tiết rất nhỏ dưới mặt đất. Cuối cùng ngày 7-6-2006 vệ tinh phát hiện nhân vật này gặp Zarqawi tại một địa điểm lý tưởng để ném bom : một căn nhà đơn độc ở ven rừng. Một chiếc máy bay F-16 thả hai trái bom vào nhà này, giết Zarqawi và bảy đồng lõa trong đó có hai phụ nữ. Một trẻ thơ cũng bị thiệt mạng chỉ vì vô phúc có mặt tại đây.

Zarqawi cầm đầu bộ phận Al Qaeda của Bin Laden và chỉ huy quân khủng bố cầm tử người nước ngoài tại Iraq chống chính quyền Iraq mới do Mỹ lập ra. Mỹ đã treo giải thưởng 25 triệu USD cho ai chỉ chỗ để bắt hoặc giết được Zarqawi.

Tổng thống Mỹ George W. Bush và thủ tướng Anh Tony Blair đã bày tỏ sự vui mừng. Nhân dân Iraq cũng tỏ ra hân hoan vì Zarqawi đã gây ra quá nhiều vụ đánh bom mà nạn nhân gần như chỉ là thường dân Iraq.

Nhiều nhà bình luận cho rằng hai ông Bush và Blair đã lạc quan quá đáng vì mạng lưới khủng bố của Zarqawi vẫn còn đó. Như để chứng minh là họ có lý, ngay sau đó một loạt các vụ đánh bom tự sát đã diễn ra như để báo thù cho Zarqawi làm hàng trăm người chết.

Tuy vậy không nên quên rằng các tổ chức khủng bố tùy thuộc rất lớn vào thủ lĩnh. Người cầm đầu phải cực kỳ hung dữ, say mê giết người, không lưỡng lự trước bất cứ một tội ác nào, nhưng lại phải rất mưu lược. Nói tóm lại, phải là một người điên sáng suốt, một mẫu người rất khó kiếm. Cái chết của Zarqawi chắc chắn là một thiệt hại lớn cho lực lượng khủng bố, có thể dẫn tới sụp đổ.

Hoạt động của các lực lượng khủng bố ngày càng gặp khó khăn. Lý do chính là lực lượng tình báo của Iraq ngày càng được kiện toàn với thời gian. Quân khủng bố không sợ gì hơn là tình báo. Lý do thứ hai là những hoạt động khủng bố ngày càng gây căm thù trong dân chúng Iraq.

Có thể dự đoán là các hoạt động khủng bố sẽ suy giảm dần, Iraq sẽ tiếp tục con đường khó khăn đi tới dân chủ.

Cám người thiếu số theo đạo TIN LÀNH

Tin tức gần đây cho biết các chính quyền tại các tỉnh

miền Bắc Việt Nam (Bắc Giang, Lai Châu, Sơn La) đã tỏ ra rất hung bạo đối với những tín đồ người thiểu số sinh sống tại đây theo đạo Tin Lành.

Ngày 12-5-2006, ông Nguyễn Văn Lưu, bí thư đảng ủy xã Song Mai, đi cùng công an tỉnh Bắc Giang tới nhà ông Thân Văn Thụ buộc gia đình ông này phá bỏ thập tự giá trên bàn thờ và thay vào đó bằng một lư hương thờ cúng tổ tiên. Trước sự đe dọa của chính quyền địa phương, gia đình ông bà Thụ đã hạ thập tự giá xuống và đưa lư hương lên bàn thờ.

Trong khi đó, mặc dù đã đăng ký khai báo với chính quyền địa phương, ủy ban tôn giáo tỉnh vẫn không cho phép Hội thánh Tin Lành Bắc Giang hoạt động. Những bí thư đảng bộ đảng cộng sản và ủy viên Mặt Trận Tổ Quốc địa phương đã liên tục dẫn công an và du kích đến buộc các gia đình theo đạo Tin Lành phải bỏ đạo. Nhiều tín đồ đã bị đánh đập vì cố giải thích hay không chịu thi hành lệnh ác nghiệt đó. Bí thư Nguyễn Văn Lưu nói thêm: *"Tỉnh Bắc Giang không có chủ trương cho truyền đạo Tin Lành, chỉ có ở miền Nam chứ không thể có ở miền Bắc"*.

Trong thực tế đạo Tin Lành ở miền Nam cũng không hơn gì: nhiều tín đồ bị đánh đập, những người lãnh đạo tinh thần bị bắt giữ, nhà thờ bị đập phá, những giáo hội tư gia bị cấm đoán và những giáo hội chính thức bị bao vây.

Trọng lượng áp đảo của phe miền Nam trong chính quyền cộng sản

Sau ban lãnh đạo đảng đến thay đổi nhân sự lãnh đạo nhà nước. Như sự chờ đợi của dư luận, ông Nguyễn Minh Triết đã được quốc hội chỉ định vào chức vụ chủ tịch nước thay ông Trần Đức Lương. Ông Nguyễn Tấn Dũng lên làm thủ tướng thay ông Phan Văn Khải. Cả hai ông Triết, 63 tuổi, và ông Dũng, 57 tuổi, đều là những ứng cử viên duy nhất vào các chức vụ của họ. Điều này chứng tỏ đã có sắp xếp từ trước.

Điều đáng lưu ý nhất trong thay đổi nhân sự lãnh đạo tại Việt Nam là trọng lượng quyết định của phe miền Nam. Cho tới nay, đảng cộng sản luôn luôn tôn trọng một thứ "tam quyền phân lập" rất đặc biệt của họ theo đó tổng bí thư đảng là người miền Bắc, chủ tịch nước là người miền Trung và thủ tướng là người miền Nam. Cách phân quyền đã thay đổi vì kinh tế đã trở thành yếu tố áp đảo và trọng lượng kinh tế của mỗi miền trở thành yếu tố quyết định. Miền Nam đóng góp 3/4 ngân sách quốc gia, riêng thành phố Sài Gòn gần 2/3, trong khi đóng góp của miền Trung không đáng kể. Sự kiện này cuối cùng đã quyết định sự phân chia quyền lực.

Hai chức vụ cao nhất nước, chủ tịch và thủ tướng đã thuộc về miền Nam. Cả hai ông Triết và Dũng đều là người miền Nam dù có qua một thời gian huấn luyện tại Hà Nội. Nhân vật thứ hai trong đảng, và trên thực tế là người nhiều quyền lực nhất vì nắm cả quân đội lẫn công an là ông Lê Hồng Anh, cũng là người miền Nam. Một nhân vật rất quan trọng khác, thường trực bộ chính trị, là

ông Trương Tấn Sang cũng là người miền Nam. Phe miền Bắc còn giữ được chức tổng bí thư với ông Nông Đức Mạnh và chức chủ tịch quốc hội với ông Nguyễn Phú Trọng, nhưng cả ông Mạnh lẫn ông Trọng đều là những người đã chứng tỏ vừa thiếu khả năng vừa thiếu quyết tâm. Bù lại, theo dự tính, phe miền Bắc sẽ có số bộ trưởng cao nhất. Trọng lượng của miền Trung trở thành không đáng kể.

Trái với một nhận xét thông thường, phe miền Nam không cởi mở hơn phe miền Bắc. Trái lại, vì hoạt động ở miền Nam trong thời chiến, họ thường là những thành phần khùng bố, thủ đoạn và sát máu. Cả ba ông Triết, Dũng và Anh đều xuất thân là công an. Riêng ông Lê Hồng Anh còn là đại tướng công an.

Một sai lầm khác cho rằng những người này thuộc phe ông Võ Văn Kiệt. Quả thực cả bốn ông Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng, Lê Hồng Anh và Trương Tấn Sang đều đã được ông Võ Văn Kiệt đỡ đầu trong thời gian ông Kiệt được coi như thái thú miền Nam, rồi lên làm thủ tướng. Tuy vậy, những nhân vật này rất thực tiễn, họ đã bỏ rơi ông Kiệt khi ông này thua trong cuộc tranh giành quyền lực với hai ông Lê Đức Anh và Đỗ Mười. Hiện nay họ theo phe Lê Đức Anh.

Đối lập dân chủ Việt Nam cũng sẽ gặp những khó khăn mới rất lớn với ban lãnh đạo cộng sản mới này. Các nhân vật này - ông Triết, ông Dũng, ông Anh và ông Sang - đều rất xảo quyệt, có thói quen và thành tích thành lập các tổ chức đối lập cuối để gài bẫy bắt những người thực sự chống chế độ. Ngay sau khi chiếm được miền Nam, dưới sự chỉ đạo của ông Võ Văn Kiệt, họ đã thành lập ra đảng Việt Nam Phục Quốc như một đảng đối lập võ trang và hàng ngàn thanh niên miền Nam đã sa vào bẫy. Nhiều người đã bị đem xử bắn. Ông Nguyễn Tấn Dũng đã có thành tích đặc biệt là gài bẫy bắt được Trần Văn Bá (cựu chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, về Thái Lan tổ chức kháng chiến). Trần Văn Bá và hai đồng chí Lê Quốc Quân và Hồ Thái Bạch đã bị xử bắn. Nhờ thành tích này mà ông Dũng từ chức vụ trưởng công an Hà Tiên được vào trung ương đảng và được quân hàm trung tướng, thứ trưởng bộ công an, rồi tiếp tục leo tiếp các nấc thang quyền lực. Chắc chắn trong những ngày sắp tới họ sẽ lập lại những thủ đoạn này. Điểm tích cực là vì không có lý tưởng nên họ cũng không giáo điều.

NGUYỄN THANH GIANG bị khám nhà và tịch thu sách

Sáu giờ rưỡi sáng ngày 30-6-2006, một toán công an 12 người, do thượng tá Doãn Hữu Châu cầm đầu, xông vào nhà Nguyễn Thanh Giang đọc lệnh khám nhà theo luật xử phạt hành chính về văn hóa phẩm. Họ cho biết muốn tịch thu hai cuốn sách "có nội dung phản động" của ông Giang là *Nhân Quyền và Dân Chủ ở Việt Nam* và *Suy Tư và Ước Vọng* của ông Giang. Hai cuốn sách này tập trung những bài viết của ông Giang.

Cuốn "Nhân Quyền và Dân Chủ ở Việt Nam", 326 trang, gồm những bài mới nhất. Ông Giang vừa bỏ ra 7

triệu đồng (400 USD) để in 100 cuốn tặng bạn bè. Cuốn sách mới in chưa được một tuần.

Ông Giang hỏi cơ quan nào, quyết định nào cho rằng các cuốn sách của ông là "có nội dung phản động"? Họ chỉ trả lời là có lệnh trên. Ông Giang nói rằng chỉ có Bộ Văn Hóa Thông Tin mới có quyền lấy quyết định này, công an không có thẩm quyền quyết định cuốn sách nào là phản động, cuốn nào là không. Bộ Văn Hóa Thông Tin chưa có quyết định thì công an không có quyền tịch thu. Hơn nữa ông không hề xuất bản sách, ông chỉ in ra một số lượng nhỏ các bài viết của mình để trao đổi với bạn bè. Bìa cuốn sách ghi rõ "tủ sách gia đình".

Ông Giang đã nói chuyện với một bức tường vì toán công an này không cần biết gì cả, họ chỉ đưa ra lệnh khám nhà của công an huyện Từ Liêm với bút phê của ông Nguyễn Văn Chí, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện: *"Đồng ý để công an huyện thi hành quyết định khám nhà hành chính"*. Và họ xô ông Giang ra để xông vào khám xét.

Tức quá, ông Giang dùng một con dao làm bếp để kháng cự. Trúng chọi với đá! Các công an võ nghệ cao cường đã không gặp khó khăn nào để tước vũ khí và vô hiệu hóa ông già 70 tuổi Nguyễn Thanh Giang. Chỉ còn lại một vũ khí duy nhất là chữ, và ông Giang sử dụng tối đa vũ khí này. Họ thản nhiên để ông Giang tha hồ chữ bới. Kể ra cũng có chút giáo dục!

Toán công an xông vào khắp nơi trong nhà, kể cả nhà bếp, nhà vệ sinh để tìm sách. Cuối cùng họ tìm được 32 cuốn "Nhân Quyền và Dân Chủ ở Việt Nam" và 2 cuốn "Suy Tư và Ước Vọng", và làm biên bản tịch thu. Họ yêu cầu ông Giang ký vào biên bản và nhìn nhận đã dùng dao chống lại công an. Lần này ông Giang lại hợp tác. Ông viết vào biên bản: *"Nhận thức rằng việc làm này vi phạm pháp luật, hiến pháp, xúc phạm danh dự công dân và bôi nhọ nhà nước ta, nhân dân ta, tôi đã kiên quyết chống lại, kể cả dùng dao làm vũ khí, nhưng 12 công an đã bức hiếp tôi"*.

Chuyện dùng vũ khí chống lại công an chắc chắn sẽ chẳng có hậu quả gì vì sau đó không thấy có biến cố nào khác. Cũng phải nhìn nhận một sự kiện là các công an đã chỉ thị hành lệnh một cách miễn cưỡng. Họ được lệnh tịch thu hai cuốn sách này và chỉ làm có thế. Họ không đụng tới những cuốn sách khác dù trong nhà ông Giang không thiếu những cuốn sách khác với nội dung "phản động" không kém, phát hành ở cả trong lẫn ngoài nước. Được hỏi: "Ông võ nghệ tới đâu mà đòi đấu dao với công an?". Ông Giang cho biết việc bắt nhân bất nghĩa thì phải chống, xá gì thua hay được. Thua là cái chắc, và ông đã thua.

Tuy nhiên ông Giang cũng không mất mát gì nhiều. Trong số 100 cuốn sách in ra đã có 68 cuốn được tán phát. Mục tiêu đã đạt quá 2/3. Công an chắc sẽ làm giúp ông Giang một công việc khác: trong số 32 cuốn bị tịch thu có 15 cuốn ông đã đề tặng các nhân vật đứng đầu chế độ, công an sẽ gửi giúp ông những cuốn sách này.

Nguyễn Thanh Giang, 70 tuổi, là tiến sĩ địa vật lý và thành viên của Viện Hàn Lâm Khoa Học New York. Ông từng giảng dạy môn địa vật lý tại Đại học Hà Nội và cũng

từng là chuyên gia của Tổng Cục Địa Chất. Ông theo Việt Minh từ thời niên thiếu và năm 1954 lấy quyết định ở lại với chế độ cộng sản mặc dù cả gia đình ông di cư vào Nam. Năm 1990 ông ra ứng cử đại biểu quốc hội nhưng bị gạt bỏ vào giờ chót. Từ đó ông công khai chống chính quyền và đã liên tục viết nhiều bài vận động cho dân chủ. Ông từng bị bắt giam hai tháng nhưng say đó được trả tự do không xét xử, có lẽ do sự can thiệp của ông Trần Đức Lương, chủ tịch nước vừa về hưu. Hai ông Giang và Lương trước đây là bạn thân. Ông Lương không tốt nghiệp đại học chính quy như ông Giang, ông chỉ học đến trung học và vào Tổng Cục Địa Chất làm nhân viên vẽ bản đồ, các "bằng cấp" sau này của ông Lương đều là bằng chuyên tu và tại chức. Như vậy là ông Giang đã nhờ ông Trần Đức Lương mà thoát cảnh tù tội. Ông Giang còn nợ ông Lương một ân huệ khác. Khi hai người đi lập bản đồ với nhau trên miền thượng du Bắc Việt có nhiều sắc dân ít người có tục lệ "tặng" vợ hoặc thiếp cho khách để nghỉ qua đêm. Ông Giang sợ không dám nhưng từ chối thì bị coi là khinh người, ông Lương lúc nào cũng sẵn sàng xả thân hy sinh cứu bạn.

Vietnam Airlines mất 5 triệu USD

Không phải chỉ có tham nhũng làm hại kinh tế Việt Nam. Phải kể thêm một can phạm khác: sự ngu dốt và chủ quan.

Năm 2004 Vietnam Airlines nhận được trát hẫu tòa tại Ý, do đơn kiện của luật sư Maurizio Liberati. Ông này đòi Vietnam Airlines bồi thường thiệt hại sau khi bị chấm dứt hợp đồng. Vietnam Airlines thấy không cần trả lời tòa vì không sử dụng trực tiếp dịch vụ của ông Liberati. Ông này làm việc cho một văn phòng Ý, Vietnam Airlines chỉ chấm dứt hợp đồng với văn phòng này và không cần biết đến Liberati. Vietnam Airlines không cần biết lý do tại sao tòa án Ý đã chấp nhận thụ lý một vụ kiện vô lý như vậy, nếu biết thì đã không có thái độ ngạo mạn như vậy vì mới đầu Liberati chỉ đòi được bồi thường một số tiền nhỏ. Tòa xử Vietnam Airlines thua. Lúc đó mới kháng án, kiện qua kiện lại, cuối cùng số tiền phạt của Vietnam Airlines lên đến 5,2 triệu USD, các trương mục tại Ý bị phong tỏa, các máy bay có thể bị câu lưu. Chính quyền Việt Nam phải ra lệnh cho Vietnam Airlines trả số tiền đó.

Từ vụ này, báo chí phanh phui ra nhiều vụ bê bối khác của Vietnam Airlines như các giám đốc đi công tác xài cả tỷ VND trong vài ngày; một phi công Vietnam Airlines bị bắt tại Úc với một va li chứa 500.000 USD, một phi cơ Việt Nam bay qua không phận nhiều nước mà không trả lời các đài kiểm soát không lưu vì phi hành đoàn ngủ gục, v.v.

Không thể kể hết những thiệt hại vì bất chấp luật pháp quốc tế. Nguyên nhân là vì các quan chức Việt Nam không biết luật pháp quốc tế và không biết tôn trọng các phán quyết của tòa án. Ở Việt Nam, các quyết định của tòa án có thể mua được. Phán quyết của tòa vừa xử xong, quyết định được chuyển sang cơ quan Thi Hành Án, viết tắt là THA, và cơ quan này có thể tha người thua án bằng cách kéo dài vô tận thủ tục nếu được trả tiền.

ĐÁ BÓNG

Mấy tuần nay tất cả tâm trí của thế giới hình như chỉ tập trung vào giải vô địch bóng đá thế giới. Thú thực là tôi không thích môn này.

Ngày trước khi còn là học sinh tôi đã một thời say mê bóng đá. Bọn tôi có thể đá bóng từ sáng tinh mơ tới tối mịt, quên cả ăn và quên cả học. Nhưng cách đá bóng của chúng tôi khác. Nó là một môn thể thao đích thực, đá cho khỏe, đá cho vui, đá để gặp bạn bè và bao giờ cũng kể thúc vui nhộn bên xe nước mía.

Bây giờ thì tôi thấy môn bóng đá đã đổi hẳn. Nó trở thành một trò chơi rất thô bạo, không khi nào tôi coi một trận bóng đá trên truyền hình mà trong vòng năm phút lại không thấy một anh bị thương quần quai đau đớn. Hình như bí quyết của bóng đá ngày nay ở mức độ quốc tế là chơi xấu tới đa miễn là trọng tài không thấy. Nó cũng không còn tốt cho sức khỏe nữa vì nghe nói các cầu thủ nổi tiếng chỉ ngoài ba mươi tuổi là kiệt quệ, thương tích đầy mình và phải giải nghệ. Đó là chưa kể bọn hooligan đập phá, ẩu đả, có khi chết cả mấy chục người. Một điểm nữa khiến tôi cũng không thích bóng đá là nó tạo ra một loại vĩ nhân mới, các cầu thủ danh tiếng còn được ái mộ hơn cả các nhà bác học và các nguyên thủ quốc gia. Họ trở thành thần tượng cho tuổi trẻ, nhưng xem ra thì mặt mày các ngài không thấy gì sáng sủa và hỏi ra thì IQ của các ngài rất thấp.

Thế mà không hiểu tại sao người ta mê bóng đá đến thế. Báo, đài cho thấy là mỗi đội bóng quốc gia có cả hàng chục ngàn người đi theo sang Đức cổ vũ cho đội mình, để rồi tên tò ra về. Đội thua về nước thì bị chửi, bị ném trứng.

Nhưng điều mà tôi không biết là Việt Nam cũng có những cổ động viên sang tận Đức để cổ vũ cho đội mình, nghĩa là đội của một nước khác. Hẳn là một trong số những người này.

Hẳn là đảng viên nhưng là người tốt, thuộc thành phần gia đình cách mạng, vào đảng sớm và đang giữ một chức vụ quan trọng trong đảng và nhà nước. Hẳn đã giúp gia đình tôi làm thủ tục ra nước ngoài, chỉ tốn 10 cây vàng. Tôi coi hẳn là một thằng bạn tốt và một ân nhân.

Hắn giải thích :

- Tao đã bỏ ra cả trăm nghìn đô để cá độ thì còn tiếc gì mấy ngàn đô để sang Đức xem tận mắt, đồng thời cũng để du lịch.

Tôi hỏi hẳn : "Mày là quan chức lớn mà bỏ việc nước đi coi bóng đá. Xem ra mày yêu bóng đá hơn yêu nước ?". Hẳn chỉnh tôi :

- Trước hết phải cảnh cáo mày là nếu mày về nước lúc này mà nói tới hai chữ "yêu nước" thì có nguy cơ bị tổng vào nhà thương điên, người ta cho là mày mắc bệnh tâm thần. Ở Việt Nam bây giờ làm đéo gì có

MỤC LỤC

01. Đừng quên điều cốt lõi

Thông Luận

02. Ấn Độ đang trở thành một cường quốc quân sự

Nguyễn Minh

05. Tham vọng bành trướng ra biển Đông...

Lý Hiệp Long

07. Sự thật về ảnh hưởng của văn hóa Nhật...

Kiểm Hương

10. Liên Hiệp Châu Âu tiếp tục dậm chân tại chỗ

Nguyễn Văn Huy

11. Quốc hội độc đảng : những rào cản...

Bài Tin

13. Nhận diện các thế lực thù địch !

Viết Hoàng

16. Nhìn lại hai cuộc cách mạng Pháp và Việt

Nguyễn Gia Kiểng

21. Để hoàn thành một nhiệm vụ lịch sử

Võ Xuân Minh

24. Thời hồ (1400-1407)

Lê Văn Hào

28. Điểm sách : Những con người, những bóng ma

Nghiêm Văn Thạch

29. Thời sự , tin tức

32. Đá bóng

Đầy

chuyện yêu nước. Người ta chỉ yêu thứ nhất là tiền thứ hai là bóng đá.

- Nhưng ít ra mày cũng phải lo cho con. Thằng con lớn của mày lúc này đang thi vào đại học, mày cũng ở gần để cổ vũ cho nó thay vì sang Đức cổ vũ cho đội Ý.

- Mày yên chí, tao đã làm xong bốn phận người cha gương mẫu rồi. Đức mua đề, mua đáp xong cả rồi. Mà nếu rui ngày thì nó quên mang theo đáp thì mua luôn bằng. Không bằng thực thì bằng đều. Bằng đều còn giá trị hơn bằng thực vì nó chứng tỏ mình có tiền.

Tôi quê một cục nhưng cũng hỏi hẳn :

- Thế sao Việt Nam có tới 84 triệu dân, mê bóng đá như vậy mà chẳng bao giờ được vào vòng chung kết ?

- Đó là vì ta không chỉ đá bóng trên sân cỏ. Ta đem bóng đá vào cuộc sống. Ta đá bóng trách nhiệm. Mỗi cơ quan là một đội bóng. Mỗi bộ là một đội bóng. Chính phủ là đội tuyển quốc gia. Mỗi đơn xin là một quả bóng bị đá trung bình qua hai mươi cửa. Kỹ thuật giao ban của ta siêu đẳng lắm. Mày thử coi cơn bão số 1 vừa rồi. Trên 300 người chết, có ai chịu trách nhiệm đâu. Bộ Khoa Học và Môi Trường, bộ Thủy Sản, bộ Giao Thông Vận Tải, Tổng Cục Khí Tượng và Thủy Văn đá bóng trách nhiệm với nhau. Rồi êm luôn. Cũng may là bọn nó chết mất xác trên biển cả, không có cảnh đưa đám, khóc lóc. Nếu không thì cũng hơi phiền vì nhà nước ta hơi tình cảm.

Đầy